

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 4 (TRUNG CẤP)

TẬP 2 (2/2) • TỪ #487 – #972

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 4 (3.0)

Bản phát hành chuẩn in ấn A4 được chia nhỏ tiện lợi để dễ dàng tải về, học tập mọi lúc mọi nơi và in ấn đóng sổ tay cầm tay nhỏ gọn.

**TẬP 2: Gồm 486 Từ Vựng Chọn Lọc**

Thứ tự từ #487 đến #972 trên tổng số 972 từ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & tập viết chữ Hán

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=4> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 4 (3.0)

Cụm từ

#487

没法儿

méifǎr

hết cách, không có cách nào,
bó tay

单凭传统经验推导没法儿解决如此高复杂度的算法难题，必须借助超级计算机开展超大规模并行计算。

Dàn ping chuẩn tổng kinh nghiệm giải quyết bài toán siêu phức tạp, bắt buộc phải nhờ cậy siêu máy tính triển khai tính toán song song quy mô siêu lớn.

Chỉ dựa vào suy diễn kinh nghiệm truyền thống thì không có cách nào hết cách giải quyết được nan đề thuật toán có độ phức tạp cao như thế này, bắt buộc phải nhờ cậy siêu máy tính triển khai tính toán song song quy mô siêu lớn.

32 nét

HÁN VIỆT

MỘT PHÁP NHÂN

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đầy Đủ: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẫy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ TỪ LOẠI HSK 4 (3.0) • TẬP 2

Tập này: 486 từ vựng

300

Danh từ

105

Động từ

55

Tính từ

2

Đại từ

1

Số & Lượng từ

23

Từ loại khác



HSK 4 (3.0)

Cụm từ

#487

没法儿

méifǎr

hết cách, không có cách nào, bó tay

单凭传统经验推导没法儿解决如此高复杂度的算法难题，必须借助超级计算机开展超大规模并行计算。

Dǎn píng chuán tǒng jīng yàn tuī dǎo méi fǎ ér jiě jué rú cǐ gāo fù zá dù de suàn fǎ nán tí, bì xū jiè zhù chāo jí jī suàn jī kāi zhǎn chāo dà guī mó bìng xíng jì suàn.

Chỉ dựa vào suy diễn kinh nghiệm truyền thống thì không có cách nào hết cách giải quyết được nan đề thuật toán có độ phức tạp cao như thế này, bắt buộc phải nhờ cậy siêu máy tính triển khai tính toán song song quy mô siêu lớn.

32 nét

HÁN VIỆT: MỘT PHÁP NHÂN

HSK 4 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#488

没想到

méi xiǎng dào

không ngờ, chẳng thể ngờ tới

大家真没想到，这支年轻的平均年龄不到三十岁的青年攻坚团队竟然在短时间内攻克了核心芯片工艺瓶颈。

Dà jiā zhēn méi xiǎng dào, zhè zhī nián qīng de píng jūn nián líng bú dào sān shí suì de qīng nián gōng jiàn tuán duì jīng rán zài duǎn shí jiān nèi gōng kè le hé xīn xīn piàn gōng yì píng jīng.

Mọi người thực sự không ngờ chẳng thể ngờ tới, đội ngũ xung kích trẻ tuổi có độ tuổi trung bình chưa đầy ba mươi lại có thể chinh phục được nút thắt quy trình chế tạo chip cốt lõi trong một khoảng thời gian ngắn như vậy.

35 nét

HÁN VIỆT: MỘT TƯỚNG ĐÁO

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#489

美金

Měijīn

đồng Đô la Mỹ, Mỹ kim (USD)

我国高技术制造业实际使用外资规模持续增长，年度合同外资额突破数百亿美元大关。

Wǒ guó gāo jì shù zhì yào yì shí shǐ yòng wài zī guī mó chí xù zēng zhǎng, nián dù hé tóng wài zī é tú pò shù bǎi yì měi jīn dà guān.

Quy mô vốn đầu tư nước ngoài sử dụng thực tế của ngành chế tạo công nghệ cao nước ta tiếp tục tăng trưởng, kim ngạch vốn đầu tư nước ngoài theo hợp đồng hàng năm đã vượt mốc hàng trăm tỷ đồng Đô la Mỹ Mỹ kim.

27 nét

HÁN VIỆT: MỸ KIM

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#490

美女

měinǚ

người đẹp, mỹ nhân, cô gái đẹp

在国际文化交流节展台前，身着典雅中国汉服的青年志愿者向各国友人热情展示中华茶艺之美。

Zài guó jì wén huà jiāo liú jié zhǎn tái qián, shēn zhe diǎn yǎ zhōng guó hàn fú de qīng nián zhì yuán zhē xiàng gè guó yǒu rén rè qīng zhǎn shì zhōng huá chá yì zhī měi.

Trước gian hàng Lễ hội Giao lưu Văn hóa Quốc tế, cô gái người đẹp tình nguyện viên thanh niên khoác lên mình bộ trang phục Hán phục Trung Hoa thanh nhã đã nhiệt tình phổ diễn vẻ đẹp của nghệ thuật trà Trung Hoa trước bạn bè các nước.

24 nét

HÁN VIỆT: MỸ NỮ

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Động từ

#491

梦

mèng

giấc mơ, ước mơ; nằm mộng

伟大梦想不是等得来、喊得来的，而是拼出来、干出来的；我们要为实现科技强国梦不懈奋斗。

Wěi dà mèng xiǎng bú shì děng dé lái, hǎn dé lái, ér shì pīn chū lái, gàn chū lái de; wǒ men yào wèi shí xiàn kē jì qiáng guó mèng bù xiè fèn dòu.

Ước mơ giấc mơ vĩ đại không phải là thứ có thể chờ đợi mà tới, gào thét mà ra, mà là do liêu minh chiến đấu, bắt tay làm mà nên; chúng ta cần phấn đấu không ngừng nghỉ để thực hiện giấc mơ cường quốc khoa học công nghệ.

9 nét

HÁN VIỆT: MỘNG

HSK 4 (3.0)

Động từ

#492

梦见

mèngjiàn

mơ thấy, nằm mộng thấy

科学家在回忆录中写道，自己无数次梦见由我国自主研发的大火箭腾空而起，飞向浩瀚深空。

Kē xué jiā zài huí yì lù zhōng xiě dào, zì jǐ wú shù cì mèng jiàn yóu wǒ guó zì zhǔ yán zhī de dà huǒ jiàn téng kōng ér qǐ, fēi xiàng hào hàn shēn kōng.

Nhà khoa học đã viết trong cuốn hồi ký rằng, bản thân đã vô số lần nằm mộng thấy mơ thấy quả tên lửa đẩy cỡ lớn do nước nhà tự chủ nghiên cứu chế tạo vút bay lên trời cao, bay tới không gian sâu bao la.

23 nét

HÁN VIỆT: MỘNG KIẾN

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Động từ

#493

梦想

mèng xiǎng

ước mơ, khát vọng hoài bão; mơ ước

一代代航天人怀揣飞天揽月、漫步太空的壮丽强国梦想，把无数个曾经的科学幻想变成了震撼人心的辉煌现实。

Yí dài dài háng tiān rén huái chái fēi tiān lǎn yuè, mǎn bù tài kōng de zhuàng lì qiáng guó mèng xiǎng, bǎ wú shù gè céng jīng de kē xué huàn xiǎng biàn chéng le zhèn hán rén xīn de huī huáng xiàn shí.

Biết bao thế hệ những người làm hàng không vũ trụ mang trong tim ước mơ hoài bão tráng lệ xây dựng đất nước hùng mạnh bay lên trời hải tráng, đi dạo trong không gian vũ trụ, đã biến vô số những viễn tưởng khoa học năm xưa trở thành hiện thực huy hoàng lay động lòng người.

21 nét

HÁN VIỆT: MỘNG TƯỚNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#494

秘密

mì mì

bí mật, điều bí ẩn

深海探测器深入万米海沟深渊，揭开了地球深部极端地质演化与生命起源的诸多古老秘密。

Shēn hǎi tàn cè de qì shēn rù wàn mǐ hǎi gōu shēn yuān, jiē kāi le dì qiú shēn bù jí duǎn dì zhì yán huà yǔ yuán qǐ yuán de zhū duō gǔ lǎo mì.

Tàu thám hiểm biển sâu lặn sâu vào rãnh đại dương vạn mét, hé lộ nhiều bí mật cổ xưa về sự tiến hóa địa chất cực đoan và nguồn gốc sự sống sâu trong lòng Trái Đất.

18 nét

HÁN VIỆT: BÍ MẬT

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#495

秘书

mì shū

thư ký

这位经验丰富的行政秘书工作极其严谨细致，将大型国际学术峰会的日程与会务安排得井井有条。

Zhè wèi jīng yàn fēng fù de xíng zhèng mì shū gōng zuò jí qí yán jìn xì zhì, jiāng dà xíng guó jì xué shù fēng huì de rì chéng yǔ huì wù ān pái dé jīng jīng yǒu tiáo.

Người thư ký hành chính giàu kinh nghiệm này làm việc vô cùng cẩn trọng và tỉ mỉ, sắp xếp lịch trình và công tác hậu cần của hội nghị thượng đỉnh học thuật quốc tế lớn một cách ngăn nắp chu đáo.

17 nét

HÁN VIỆT: BÍ THƯ



HSK 4 (3.0)

Động từ

#496

密
mì

bí mật

老师鼓励大家积极密, 勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí mì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bí mật, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: MẬT

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#497

密码
mì mǎ

mật khẩu, mật mã

为了有效提升网络账户的安全性, 建议定期更换包含大小写字母、数字及特殊符号的强密码。

Wèi le yǒu xiào tí shēng wǎng luò zhàng hù de ān quán xìng, jiàn yì dìng qī gēng huàn bāo hán dà xiǎo xiě zì mǔ, shù zì jí tè shū fú hào de qiáng mì mǎ.

Nhằm nâng cao tính bảo mật cho tài khoản mạng, bạn nên định kỳ đổi mật khẩu mạnh có chứa cả chữ hoa, chữ thường, chữ số và ký tự đặc biệt.

23 nét

HÁN VIỆT: MẬT MÃ

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Động từ

#498

密切
mì qiè

mật thiết, khăng khít, sát sao; gắn kết

气象卫星与地面雷达监测网络正在密切关注着超强台风的中心气压变化与移动路径。

Qì xiàng wèi xīng yǔ dì miàn léi dá jiān cè wǎng luò zhèng zài mì qiè guān zhù zhè chāo qiáng tái fēng de zhōng xīn qì yǎ biàn huà yǔ yí dòng lù jīng.

Vệ tinh khí tượng cùng mạng lưới radar giám sát mặt đất đang theo dõi sát sao từng biến chuyển áp suất tâm bão và đường đi của siêu bão.

24 nét

HÁN VIỆT: MẬT TIẾT

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#499

免费
miǎn fèi

miễn phí

为丰富市民精神文化生活, 市博物馆与美术馆馆长向全社会公众免费开放展览。

Wèi fēng fù shì mǐn jīng shén wén huà shēng huó, shì bó wù guǎn yǔ měi shù guǎn zhǎng xiàng xiàng quán shè huì gōng zhòng miǎn fèi kāi fàng zhǎn lǎn.

Nhằm làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần cho người dân, Bảo tàng và Bảo tàng Mỹ thuật thành phố mở cửa triển lãm miễn phí quanh năm cho toàn thể công chúng.

23 nét

HÁN VIỆT: MIỄN PHÍ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#500

面临
miàn lín

đang đối mặt, đứng trước (nguy cơ, cơ hội)

在当今大变局加速演进的时代背景下, 全球供应链产业链稳定正面临着前所未有的复杂考验。

Zài dāng jīn dà biàn jú jiǎ sù yǎn jìn de shí dài bèi jīng xià, quán qiú gòng ying lián zhān yè lián wèn dīng zhèng miàn lín zhe qián suǒ wèi yǒu de fù zá kǎo yàn.

Trong bối cảnh thời đại với những biến chuyển lớn đang diễn ra nhanh chóng hiện nay, sự ổn định của chuỗi cung ứng và chuỗi công nghiệp toàn cầu đang phải đối mặt với những thử thách phức tạp chưa từng có.

18 nét

HÁN VIỆT: DIỆN LÂM

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#501

面试
miàn shì

phỏng vấn, thi vấn đáp phỏng vấn

在国家重点实验室青年拔尖人才公开招聘面试中, 专家评审组重点考查了应聘者的前沿学术创新潜力。

Zài guó jiā zhòng yān diǎn shí yàn shì qīng nián bā jiān rén cái gōng kāi zhāo pìn miàn shì zhōng, zhuān jiǎ píng shēn zǔ zhòng diǎn kǎo chá le yīng pìn zhě de qián yán xué shù chuāng xīn qián lì.

Trong buổi phỏng vấn thi vấn đáp tuyển dụng công khai nhân tài xuất chúng trẻ tuổi của Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia, Hội đồng Thẩm định Chuyên gia đã chú trọng khảo sát tiềm năng đổi mới sáng tạo học thuật tiên phong của ứng viên.

24 nét

HÁN VIỆT: DIỆN THÍ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#502

描述
miáo shù

miêu tả, mô tả, khắc họa

这篇学术论文用严谨精确的数学语言深入描述了极微弱量子态之间的超快相互作用过程。

Zhè piān xué shù lùn wén yòng yán jǐn jīng què de shù xué yǔ yán shēn rù miáo shù le jí wēi ruǎn zì zhàng zhuàng zhī jiān de chāo kuài xiāng zuò yòng guò chéng.

Bài báo khoa học này đã dùng ngôn ngữ toán học chuẩn xác nghiêm cần để đi sâu mô tả miêu tả quá trình tương tác siêu nhanh giữa các trạng thái lượng tử vi mô cực đoan.

17 nét

HÁN VIỆT: MIÊU THUẬT

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#503

描写
miáo xiě

miêu tả, khắc họa

这位当代著名作家以极其细腻生动的笔触, 深情描写了平凡奋斗者在时代大潮中的不凡人生。

Zhè wèi dāng dài zhù míng zuò jiā yǐ jí qí xì nì shēng dòng de bǐ chù, shēn qíng miáo xiě le píng fán fèn dòu zhě zài shí dài dà cháo zhōng de bù fán rén shēng.

Nhà văn nổi tiếng đương đại này bằng ngòi bút vô cùng tinh tế và sinh động đã khắc họa sâu sắc cuộc đời phi thường của những người lao động bình dị giữa dòng chảy thời đại.

18 nét

HÁN VIỆT: MIÊU TẢ

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#504

名牌儿
míng pái er

thương hiệu nổi tiếng, hàng hiệu danh tiếng

我国完全自主研发制造的新能源汽车凭借极致安全与高端智驾体验, 成为了风靡全球的国际名牌儿。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā zhì zào de xīn néng yuán qì chē píng jiē jí zhì ān quán yǔ gāo duān zhì jià tǐ yàn, chéng wéi le fēng mǐ quán qiú de guó jì míng pái er.

Dòng xe ô tô năng lượng mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo nhờ vào tính năng an toàn đỉnh cao và trải nghiệm lái thông minh cao cấp đã trở thành một thương hiệu nổi tiếng hàng hiệu danh tiếng quốc tế thịnh hành trên toàn cầu.

32 nét

HÁN VIỆT: DANH BÀI NHÂN


HSK 4 (3.0)

Danh từ

#505

名片

míng piàn

 danh thiếp, card visit; biểu tượng
(nghĩa bóng)

高速铁路与大国重器制造, 已经成为闪耀在世界舞台上的亮丽中国“国家名片”。

Gāo sù tiě lù yǔ dà guó zhòng qì zhì zào, yǐ jīng chéng wéi shàn yào zài shì jiè wú tái shàng de liàng lì zhōng guó “guó jiā míng piàn”.

Đường sắt cao tốc cùng công nghiệp chế tạo thiết bị trọng đại của đất nước đã trở thành 'tấm danh thiếp quốc gia' rực rỡ tỏa sáng trên trường quốc tế.

24 nét

HÁN VIỆT: DANH PHIẾN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#506

名人

míng rén

danh nhân, người nổi tiếng

国家博物馆设立了功勋科学家名人堂, 生动展现了老一辈科学家胸怀祖国、服务人民的光辉事迹。

Guó jiā bó wù guān shè lì le gōng xūn kē xué jiā míng rén táng, shēng dòng zhǎn xiàn le lǎo yī bèi kē xué jiā xiōng huái zǔ guó, fú wù rén mín de guāng huī shì jì.

Bảo tàng Quốc gia đã thiết lập Nhà lưu danh Danh nhân các nhà khoa học có công lao, phổ biến sinh động những câu chuyện sự tích vẻ vang của các nhà khoa học tiên bối mang trong tim Tổ quốc phụng sự nhân dân.

23 nét

HÁN VIỆT: DANH NHÂN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#507

摸

mō

chạm vào

老师鼓励大家积极摸, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí mō, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chạm vào, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: MÔ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#508

模特儿

mó tèr

người mẫu, hình mẫu mẫu vẽ

在国际非遗传时装周发布会上, 模特儿身着融合了中国传统苏绣工艺的高级定制礼服从容走秀。

Zài guó jì fēi yí shí zhāng zhōu fā bù huì shàng, mó tèr ēr shēn zhe róng hé le zhōng guó chuán tǒng sù xiù gōng yì de gāo jí dìng zhì lǐ fú cóng róng zǒu xiù.

Tại buổi họp báo Tuần lễ Thời trang Di sản Phi vật thể Quốc tế, các người mẫu khoác lên mình bộ lễ phục thiết kế cao cấp dung hợp kỹ nghệ thêu Tô Châu truyền thống Trung Hoa ung dung sải bước trình diễn catwalk.

31 nét

HÁN VIỆT: MÔ ĐẶC NHÂN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#509

模型

mó xíng

mô hình (toán học, máy bay, AI đại mô hình)

我国完全自主研发的千亿级参数通用人工智能大模型在复杂自然语言推理与多模态跨领域理解上表现卓越。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de qiān yì jī cān shù tóng yòng rén gōng zhì néng dà mó xíng zài fù zá zì rán yǔ yán tuī lǐ yǔ duō mó tài kuà lǐng yù lǐ jiē shàng biǎo xiàn zhāo yuè.

Mô hình lớn trí tuệ nhân tạo đa năng quy mô hàng trăm tỷ tham số do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã thể hiện xuất sắc trong suy luận ngôn ngữ tự nhiên phức tạp và thấu hiểu liên lĩnh vực đa phương thức.

22 nét

HÁN VIỆT: MÔ HÌNH

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#510

末

mò

cuối, mặt, ngọn; vụn bột

经过整个学期的刻苦钻研与反复实验, 期末考试中他以优异的成绩名列全系第一。

Jīng guò zhěng gè xué qī de kè kǔ zuān yán yǔ fǎn fù shí yàn, qì mò kǎo shì zhōng tā yǐ yōu yì de zǒng hé chéng jì míng liè quán xì dì yī.

Trải qua cả học kỳ miệt mài nghiên cứu và thực nghiệm lặp đi lặp lại, trong kỳ thi cuối kỳ anh ấy đã đứng đầu toàn khoa với thành tích tổng hợp xuất sắc.

8 nét

HÁN VIỆT: MẶT

HSK 4 (3.0)

Phó từ

#511

默默

mò mò

âm thầm, lặng lẽ, không một lời ca thán

无数乡村教师与基层医务工作者数十年如一日默默坚守在崇山峻岭之中, 用青春和爱心守护着大山深处的希望。

Wú shù xiāng cūn jiāo shī yǔ jī céng yī wù gōng zuò zhě shù shí nián rú yī rì mò mò jiǎn shǒu zài chóng shān jùn lǐng zhī zhōng, yòng qīng chūn hé ài xīn shǒu hù zhe dà shān shēn chù de xī wàng.

Hàng vạn thầy cô giáo làng cùng cán bộ y tế cơ sở suốt hàng chục năm như một âm thầm lặng lẽ bám trụ nơi non cao ngút ngàn, dùng tuổi xuân và tình yêu thương chèo chở cho những niềm hy vọng nơi sâu thẳm non cao.

18 nét

HÁN VIỆT: MẶC MẶC

HSK 4 (3.0)

Liên từ

#512

哪怕

nǎ pà

cho dù, dẫu cho, dẫu là

哪怕前方的科研攻坚道路上充满荆棘与未知险阻, 我们也誓要迎难而上、勇攀科学高峰。

Nǎ pà qián fāng de kē yán gōng jiān dào lù shàng chōng mǎn jīng jí yǔ wèi zhī xiǎn zǔ, wǒ men yě shì yào yíng nán ér shàng, yǒng pān kē xué gāo fēng.

Dẫu cho chặng đường nghiên cứu khoa học phía trước có đầy chông gai và thử thách chưa biết, chúng ta cũng quyết tâm đạp bằng gian khó, dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học.

25 nét

HÁN VIỆT: NẢ PHẠ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#513

男女

nán nǚ

nam nữ, đàn ông và phụ nữ

国家全面保障男女平等与妇女儿童合法权益, 促进妇女在经济社会高质量发展中发挥半边天作用。

Guó jiā quán miàn bǎo zhàng nán nǚ píng děng yǔ fù nǚ ér tóng hé fǎ quán yì, cù jìn fù nǚ zài jīng jì shì huì gāo zhì liàng fā zhǎn zhōng fā hui bàn biān tiān zuò yòng.

Nhà nước bảo đảm toàn diện bình đẳng nam nữ cùng quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em, thúc đẩy phụ nữ phát huy vai trò 'một nửa bầu trời' trong sự phát triển kinh tế xã hội chất lượng cao.

23 nét

HÁN VIỆT: NAM NỮ


HSK 4 (3.0)

Danh từ

#514

男士

nánshì

nam giới, quý ông, phái nam

在重大国际外交迎宾晚宴上，参会男士身着庄重挺拔的深色中山装礼服，尽显东方雅致风范。

Zài zhòng dà guó jì wài jiāo yíng bīn wǎn yàn shàng, cān huì nán shì shēn zhe zhuāng zhòng tǐng bá de shēn sè zhōng shān zhuāng lǐ fú, jìn xiǎn dōng fāng yǎ zhì fēng fàn.

Tại dạ tiệc đón tiếp ngoại giao quốc tế trọng đại, các quý ông nam giới tham dự mặc bộ lễ phục áo Tôn Trung Sơn màu sẫm trang trọng đỉnh đặc, thể hiện trọn vẹn phong thái thanh nhã phương Đông.

27 nét

HÁN VIỆT : NAM SĨ

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#515

难免

nán miǎn

khó tránh khỏi, không thể tránh được

在探索未知科学前沿的原始创新征途上，遭遇暂时的失败与挫折在所难免，关键在于从失败中总结经验、不断前行。

Zài tàn suǒ wèi zhī kē xué qián yán de yuán shǐ chuàng xīn zhēng tú shàng, zāo yù zàn shí de shī bài yǔ cuò zhé zài suǒ nán miǎn, guān jiàn zài yú cóng shī bài zhōng zǒng jié jīng yàn, bù duàn qián xíng.

Trên hành trình đổi mới sáng tạo nguyên tác khám phá các mũi nhọn khoa học chưa biết, việc vấp phải những thất bại và trắc trở nhất thời là điều khó tránh khỏi, điều cốt lõi nằm ở việc đúc kết kinh nghiệm từ thất bại và không ngừng tiến bước.

24 nét

HÁN VIỆT : NAN MIỄN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#516

脑袋

nǎo dai

đầu, cái đầu; đầu óc, trí óc

在遇到复杂算法难题时不妨先出去散散步换个心情，让紧绷疲劳的脑袋好好放空片刻。

Zài yù dào fù zá suàn fǎ nán tí shí bù fáng xiān chū qù sàn sǎn bù huàn xīn qíng, ràng jǐn bēng pí láo de nǎo dai hǎo hǎo fàng kōng piàn kè.

Khi gặp phải bài toán thuật toán phức tạp học búa, sao bạn không thử ra ngoài đi dạo đổi gió một chút để cho cái đầu căng thẳng mệt mỏi được thả lỏng thư thái đôi hồi.

21 nét

HÁN VIỆT : NẪO ĐẠI

HSK 4 (3.0)

Động từ / Tính từ

#517

闹

nào

ồn ào, náo nhiệt; làm loạn, gây ra

元宵佳节古城景区内张灯结彩、锣鼓喧天，处处洋溢着闹花灯、猜灯谜的浓郁节日喜庆氛围。

Yuán xiāo jiā jié gù chéng jīng nèi zhāng dēng jié cǎi, luó gǔ xuān tiān, chù chù yáng yì zhe nào huá dēng, cāi dēng mí de nóng yù jié rì xǐ qīng fēn wéi.

Trong dịp Tết Nguyên Tiêu, bên trong khu danh thắng cổ thành chằng đèn kết hoa, chiêng trống rộn rã, khắp nơi ngập tràn bầu không khí hân hoan ấm nóng của ngày lễ rước đèn hoa náo nhiệt và đổ cầu đổ đèn lồng.

13 nét

HÁN VIỆT : NẪO

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#518

闹钟

nàozhōng

đồng hồ báo thức

每天清晨闹钟准时在六点响起，他迅速起床晨跑锻炼，随后全身心投入到紧张充实的科研学习中。

Měi tiān qīng chén nàozhōng zhǔn shí zài liù diǎn xiǎng qǐ, tā xùn sù qǐ chuáng chén pǎo duàn liàn, suí hòu quán shēn tóu rù dào jǐn zhāng chōng shí de kē yán xué xí zhōng.

Mỗi sáng sớm đồng hồ báo thức reo vang đúng 6 giờ, anh ấy nhanh chóng thức dậy chạy bộ rèn luyện thân thể buổi sáng, sau đó dồn toàn tâm toàn ý vào việc học tập và nghiên cứu khoa học bổ ích đầy căng thẳng.

23 nét

HÁN VIỆT : NẪO CHUNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#519

内部

nèibù

bên trong, nội bộ, phần bên trong

新型核磁共振成像系统能够超清晰度无损探测人体器官内部的微米级微细血管病变。

Xīn xíng hé cí gòng zhèn chéng xiàng xì tǒng néng gòu chāo qīng dù wú sǔn tàn cè rén tǐ qì guān nèi bù de wēi mǐ jí wēi xì xuǎn guǎn bìng biàn.

Hệ thống chụp cộng hưởng từ kiểu mới có thể thăm dò không tổn thương độ nét siêu cao các biến đổi bệnh lý mạch máu siêu nhỏ cấp độ micromet bên trong nội bộ các cơ quan cơ thể người.

21 nét

HÁN VIỆT : NỘI BỘ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#520

内科

nèi kē

khoa nội, nội khoa

知名三甲综合医院心血管内科专家门诊每天接诊来自全国各地的疑难重症心血管疾病患者。

Zhī míng sān jiǎ zōng hé yī yuàn xīn xuè guǎn nèi kē zhuān jiā mén zhēn měi tiān jiē zhēn lái zì quán guó gè dì de yí nán zhòng zhēng xīn xuè guǎn jí bìng huàn zhě.

Phòng khám chuyên khoa Nội Tim mạch của bệnh viện đa khoa tuyến đầu danh tiếng mỗi ngày tiếp nhận hàng trăm ca bệnh tim mạch nan y phức tạp đến từ khắp mọi miền đất nước.

18 nét

HÁN VIỆT : NỘI KHOA

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#521

能干

néng gàn

tháo vát, đảm đang, có năng lực, thạo việc

这位年轻能干的项目经理不仅业务精湛熟练，更善于凝聚团队力量共同攻坚克难。

Zhè wèi nián qīng néng gàn de xiàng mù jīng lǐ bù jǐn yè wù jīng zhàn shú liàn, gèng shàn yú níng jù tuán duì lì liàng gòng tóng gōng kǎn jié nán.

Người quản lý dự án trẻ tuổi tháo vát này không chỉ có chuyên môn tinh thông thành thạo mà còn rất giỏi gắn kết sức mạnh tập thể cùng nhau vượt khó.

18 nét

HÁN VIỆT : NĂNG CAN

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#522

宁静

níng jìng

thanh tĩnh, yên bình, tĩnh lặng

非淡泊无以明志，非宁静无以致远；科研工作要保持内心的宁静与专注，勇于向科学未知高峰发起冲锋。

Fēi dàn bó wú yǐ míng zhì, fēi níng jìng wú yǐ zhì yuǎn; kē yán gōng zuò zhè yào bǎo chí nèi xīn de níng jìng yǔ zhuān zhù, yǒng yú xiàng kē xué wèi zhī gāo fēng fā qǐ chōng fēng.

Không đam bạc thì không thể sáng tỏ chí hướng, không tĩnh lặng thanh tĩnh thì không thể đi được tới bước đường xa xôi; người làm công tác nghiên cứu khoa học cần giữ vững sự chuyên chú và thanh tĩnh trong nội tâm, dũng cảm phát động tấn công trèo lên đỉnh cao khoa học chưa biết.

19 nét

HÁN VIỆT : TRỮ TÍNH



HSK 4 (3.0)

Động từ

#523

浓

nóng

dày

老师鼓励大家积极浓，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí nóng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
dày, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: NỒNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#524

女士

nǚ shì

quý cô, quý bà, phụ nữ (lịch sự)

这位在国际航天领域享有盛誉的杰出女士，
受邀在本届全球女性科学家论坛上发表了精
彩的主旨演讲。

Zhè wèi zài guó jì háng tiān lǐng yù xiǎng yǒu
shèng yù de jié chū nǚ shì, shòu yāo zài běn jiè
quán qiú nǚ xìng kē xué jiā lùn tán shàng fā biǎo
lè jīng cǎi de zhǔ zhǐ yǎn jiǎng.

Người phụ nữ kiệt xuất có uy tín lẫy lừng
trong ngành hàng không vũ trụ quốc tế này
đã nhận lời mời phát biểu bài dẫn đề xuất sắc
tại Diễn đàn Nữ Khoa học gia Toàn cầu lần
này.

24 nét

HÁN VIỆT: NỮ SĨ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#525

暖气

nuǎn qì

hệ thống sưởi, lò sưởi ấm

北方城市全面推行清洁能源集中智慧供热改
造，确保广大居民在寒冬腊月屋里暖气充
足、温暖如春。

Běi fāng chéng shì quán miàn tuī xíng qīng jié
néng yuán jí zhōng zhì huì gòng rè gǎi zào, què
bǎo guǎng dà jū mín zài hán dōng là yuè wū lǐ
nuǎn qì chōng zú, wēn nuǎn rú chūn.

Các thành phố phương Bắc đẩy mạnh toàn
diện cải tạo cấp nhiệt thông minh tập trung
bằng năng lượng sạch, bảo đảm đồng đảo
người dân trong những ngày đông giá rét
trong nhà hệ thống sưởi lò sưởi ấm áp đầy
đủ, ấm áp như mùa xuân.

25 nét

HÁN VIỆT: NỎÁN KHÍ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#526

拍照

pāi zhào

chụp ảnh, chụp hình

在重大科技工程胜利告捷现场，全体建设者
手举国旗整齐列队合影留念，定格历史
辉煌瞬间。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng shèng lì gào jié
xiàn chǎng, quán tǐ jiàn shè zhě shǒu jǔ guó qí
zhěng qí liè duì hé yìng pāi zhào liú niàn, dīng gé
lǐ shǐ huī huáng shùn jiān.

Tại hiện trường thắng lợi toàn diện của công
trình khoa học công nghệ trọng đại, toàn thể
những người xây dựng tay cầm cờ Tổ quốc
xếp hàng ngay ngắn chụp ảnh chụp hình kỷ
niệm cùng nhau, lưu giữ khoảnh khắc huy
hoàng lịch sử.

20 nét

HÁN VIỆT: PHÁCH CHIẾU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#527

排列

pái liè

sắp xếp, xếp hàng, bài trí

书架上整整齐齐地排列着古今中外各类著
典籍，方便师生随时按索书号查阅借阅。

Shū jià shàng zhěng zhěng zhěng qí qí dì pái liè zhe gǔ
jīn zhōng wài gè lèi míng zhù diǎn jí, fāng biàn shī
shēng suí shí àn suǒ shū hào chá yuè jiè yuè.

Trên các giá sách được xếp đặt ngay ngắn
thẳng hàng các tác phẩm kinh điển danh
tiếng đông tây kim cổ, thuận tiện cho thầy
trò tra cứu mượn đọc theo mã phân loại bất
cứ lúc nào.

20 nét

HÁN VIỆT: BÀI LIỆT

HSK 4 (3.0)

Động từ

#528

牌

pái

nhãn hiệu

老师鼓励大家积极牌，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí pái, yǒng yú tàn suǒ xīn de
zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
nhãn hiệu, dũng cảm khám phá kiến thức
mới.

8 nét

HÁN VIỆT: BÀI

HSK 4
(3.0)Danh từ / Lượng từ /
Động từ

#529

盘

pán

đĩa, cái khay; đĩa (thức ăn - lượng
từ); bàn cờ

餐桌上摆放着一盘热气腾腾、香气四溢的手
工水饺，洋溢着浓浓的传统文化风味。

Cān zhuō shàng bài fàng zhe yí pán rè qì téng
téng, xiāng qì sì yì de shǒu gōng shuǐ jiǎo, yáng
yì zhe nóng nóng de chuán tǒng jiā cháng fēng
wèi.

Trên bàn ăn bày một đĩa thức ăn bánh sủi
cào làm thủ công nóng hổi nghi ngút khói
thơm ngào ngạt, ngập tràn phong vị gia đình
truyền thống đậm đà.

10 nét

HÁN VIỆT: BÀN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#530

盘子

pán zi

tấm

请大家小心端起这个盛满刚出锅热菜的青花
瓷盘子，谨防烫手。

Qǐng dà jiā xiǎo xīn duǎn qǐ zhè ge chéng mǎn
gāng chū guō rè cài de qīng huā cí pán zi, jǐn fáng
tàng shǒu.

Mời mọi người cẩn thận bưng chiếc đĩa sứ
hoa lam dựng đầy thức ăn nóng hổi vừa ra lò
này nhé, kéo bị bỏng tay.

21 nét

HÁN VIỆT: BÀN TỬ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#531

胖子

pàng zi

người béo, người mập mập

一口吃不成胖子，一步跨不到千里；做学问
与搞科研必须持之以恒、循序渐进、久久为
功。

Yí kǒu chī bù chéng pàng zi, yí bù kuà bú dào
qiān lǐ; zuò xué wèn yǔ gǎo kē yán bì xǔ chí zhǐ
yí héng, xún xù jiàn jìn, jiǔ jiǔ wéi gōng.

Một miếng ăn không thể thành người béo
người mập, một bước không thể sai bước
ngàn dặm; làm học vấn và làm nghiên cứu
khoa học bắt buộc phải kiên trì bền bỉ, tuấn
tự từng bước, công phu lâu dài.

24 nét

HÁN VIỆT: BÀN TỬ



HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#532

培训

péi xùn

đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kỹ năng

国家大力推进职业技能提升行动，面向产业工人与新型职业农民开展大规模终身职业技能培训。

Guó jiā dà lì tuī jìn zhí yè jī néng tí shēng xíng dòng, miàn xiàng chǎn yè gōng rén yǔ xīn xíng zhí yè nóng mǐn kāi zhǎn dà guī mó zhōng shēn zhí yè jī néng péi xùn.

Nhà nước đẩy mạnh chiến dịch nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, triển khai đào tạo tập huấn kỹ năng nghề nghiệp suốt đời trên quy mô lớn hướng tới công nhân ngành nghề và nông dân chuyên nghiệp kiểu mới.

19 nét

HÁN VIỆT

BỒI HUẤN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#533

培训班

péi xùn bān

lớp đào tạo, lớp tập huấn

国家自然科学基金委员会举办了青年科研骨干学术创新研修培训班，帮助青年学者拓展前沿学术视野。

Guó jiā zì rán kē xué jī jīn wěi yuán huì jǔ bàn le qīng nián kē yán gǔ gàn xué shù chuàng xīn yán xiū péi xùn bān, bāng zhù qīng nián xué zhě tuò zhǎn qián yán xué shù shì yě.

Ủy ban Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia đã tổ chức lớp đào tạo lớp tập huấn tu nghiệp đổi mới sáng tạo học thuật cho cán bộ nghiên cứu khoa học cốt cán trẻ tuổi, giúp các học giả trẻ mở rộng tầm nhìn học thuật tiên phong.

31 nét

HÁN VIỆT

BỒI HUẤN BAN

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#534

培养

péi yǎng

bồi dưỡng, đào tạo, nuôi cấy

高等教育机构应当注重培养青年学子的独立批判性思维、跨学科创新意识与卓越实践动手能力。

Gāo děng jiào yù jī gòu yīng dāng zhòng péi yǎng qīng nián xué zǐ de dú lì pī pàn xīng sī wéi, kuà xué kē chuāng xīn yì shí yǔ zhūo yuè shí jiàn dòng shōu néng lì.

Các cơ sở giáo dục đại học cần chú trọng bồi dưỡng cho sinh viên trẻ tư duy phản biện độc lập, ý thức đổi mới sáng tạo liên ngành cùng năng lực thực hành thao tác xuất sắc.

24 nét

HÁN VIỆT

BỒI DƯỠNG

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#535

培育

péi yù

ươm mầm, gây giống nuôi dưỡng; bồi dưỡng nhân tài

我国农业育种科学家成功培育出抗旱耐盐碱的高产杂交水稻与耐旱小麦新品种，筑牢国家种业安全基石。

Wǒ guó nóng yè yù zhǒng kē xué jiā chéng gōng péi yù zhǔ kàng hàn nài yǎn jiǎn de gāo chǎn zá jiāo suǐ dào yù nài hàn xiǎo mài xīn pǐn zhǒng, zhù láo guó jiā zhǒng yè ān quán jī shí.

Các nhà khoa học chọn tạo giống nông nghiệp nước ta đã nuôi cấy ươm giống thành công các giống lúa lai mới năng suất cao chịu hạn chịu mặn và giống lúa mì mới chịu hạn, xây đắp vững chắc hòn đá tảng an ninh giống cây trồng quốc gia.

22 nét

HÁN VIỆT

BỒI DỤC

HSK 4 (3.0)

Lượng từ / Động từ

#536

批

pī

lô, đợt, chuyến (hàng, người); phê duyệt, phê bình

由我国自主研发制造的首批高性能绿色纯电动商用重卡，今天正式批量交付海外客户。

Yóu wǒ guó zì zhǔ yán fā zhì zào de shǒu pī gāo xìng néng lǜ sè chún diàn dòng shāng yòng zhòng kǎ, jīn tiān zhèng shì pī liàng jiāo fù hǎi wài kè hù.

Lô xe tải thương mại hạng nặng thuần điện xanh hiệu năng cao đầu tiên do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo hôm nay đã chính thức bàn giao hàng loạt cho khách hàng quốc tế.

10 nét

HÁN VIỆT

PHÊ

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#537

片面

piàn miàn

phiến diện, một chiều, không toàn diện

在评价复杂的历史人物与社会现象时，切忌以偏概全或得出片面极端的结论。

Zài píng jià fù zá de lì shǐ rén wù yǔ shè huì xiàn xiàng shí, qiè jì yǐ piān gài quán huò dé chū piàn miàn jí duān de jié lùn.

Khi đánh giá các nhân vật lịch sử và hiện tượng xã hội phức tạp, tuyệt đối tránh lấy cục bộ suy ra toàn thể hay vội vã đưa ra những kết luận phiến diện một chiều.

20 nét

HÁN VIỆT

PHIẾN DIỆN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#538

品质

pǐn zhì

chất lượng sản phẩm; phẩm chất cao quý

中国制造坚持质量第一、效益优先，加快推动中国产品向中国品牌转变，全面提升中国制造的卓越品质。

Zhōng guó zhì zào jiān chí zhì liàng dì yī, xiào yì yōu xiān, jiā kuài tuī dòng zhōng guó chǎn pǐn xiàng zhōng guó pǐn pái zhuǎn biàn, quán miàn tí shēng zhōng guó zhì zào de zhuó yuè pǐn zhì.

Sản xuất chế tạo Trung Quốc kiên trì chất lượng là hàng đầu, hiệu quả là ưu tiên, đẩy nhanh thúc đẩy việc chuyển biến từ sản phẩm sang thương hiệu, nâng cao toàn diện phẩm chất chất lượng vượt trội của nền chế tạo sản xuất.

22 nét

HÁN VIỆT

PHẨM CHẤT

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#539

平方

píng fāng

bình phương (lũy thừa 2); mét vuông (viết tắt)

这座现代化的国家生物医学实验室拥有数万平方米的高标准超净实验与研发空间。

Zhè zuò xiàn dài huà de guó jiā shēng wù yī xué zhòng kǎ, jīn tiān zhèng shì pī liàng jiāo fù hǎi wài kè hù.

Phòng thí nghiệm y sinh quốc gia hiện đại này sở hữu không gian thí nghiệm và nghiên cứu phát triển siêu sạch tiêu chuẩn cao rộng hàng vạn mét vuông.

18 nét

HÁN VIỆT

BÌNH PHƯƠNG

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#540

平静

píng jìng

bình tĩnh, phẳng lặng, thanh bình

清晨的湖面如同一面巨大的清澈明镜，平静无波，倒映着四周青翠秀丽的远山与白云。

Qīng chén de hú miàn rú tóng yí miàn jù dà de qīng chè míng jìng, píng jìng wú bō, dào yǐng zhe sì zhōu qīng cuì xiù lì de yuǎn shān yǔ bái yún.

Mặt hồ buổi sớm mai tựa như một tấm gương trong suốt khổng lồ, phẳng lặng không một gợn sóng, soi bóng núi non xa xa xanh mượt cùng những dải mây trắng bồng bênh.

17 nét

HÁN VIỆT

BÌNH TĨNH

HSK 4
(3.0)Tính từ / Động từ /
Danh từ

#541

平均

píng jūn

bình quân, trung bình

随着医疗卫生条件的全面改善与人均生活水平的提升，我国居民人均预期寿命实现了显著增长。

Suí zhe yī liáo wèi shēng tiáo jiàn de quán miàn gǎi shàn yǔ rén jūn shēng huó suǒ píng de tí shēng, wǒ guó jū mín rén jūn yù qī shòu mìng shí xiàn le xiǎn zhù zēng zhǎng.

Cùng với sự cải thiện toàn diện của điều kiện y tế vệ sinh và mức sống người dân, tuổi thọ kỳ vọng bình quân của người dân nước ta đã tăng trưởng rõ rệt.

📖 23 nét

HÁN VIẾT: BÌNH QUÂN

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#542

平稳

píng wěn

êm ả, bằng phẳng, ổn định vững vàng

在时速三百五十公里飞驰的高铁车厢窗台上立一枚硬币能长时间屹立不倒，展现了极其卓越平稳的运行品质。

Zài shí sù sān bǎi wǔ shí gōng lǐ fēi chí de gāo tiě chē xiāng chuāng tái shàng lì yī méi yìng bì néng zhǎng shí jiān yì lì bù dǎo, zhǎn xiàn le jí qí zhuó yuè píng wěn de yùn xíng pǐn zhì.

Dựng một đồng xu trên bậu cửa sổ toa tàu cao tốc đang lao vun vút ở vận tốc 350 km/h có thể đứng vững suốt thời gian dài không bị đổ, phô diễn chất lượng vận hành ổn định vững vàng êm ả cực kỳ trác việt.

📖 17 nét

HÁN VIẾT: BÌNH ỔN

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#543

迫切

pò qiè

cấp bách, khẩn thiết, bức thiết

实现高水平科技自立自强，是应对外部遏制打压与保障国家安全的迫切战略要求。

Shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, shì yìng duì wài bù è zhì dǎ yā yǔ bǎo zhàng guó jiā ān quán de pò qiè zhàn lüè yāo qiú.

Hiện thực hóa tự chủ tự cường khoa học công nghệ ở trình độ cao là yêu cầu chiến lược cấp bách và bức thiết để ứng phó với sự chèn ép phong tỏa từ bên ngoài và bảo đảm an ninh quốc gia.

📖 24 nét

HÁN VIẾT: BÀI TIẾP

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#544

破产

pò chǎn

phá sản, sụp đổ (kế hoạch)

任何企图通过科技封锁遏制别国正当发展权利的图谋，最终都必将彻底走向破产。

Rèn hé qǐ tú tōng guò kē jì fēng suǒ è zhì bié guó zhèng dāng fā zhǎn quán lì de tú móu, zuì zhōng dōu bì jiǎng ché di zōu xiàng pò chǎn.

Bất kỳ toan tính nào hòng dùng phong tỏa công nghệ để kìm hãm quyền phát triển chính đáng của các quốc gia khác rồi cuộc đều chắc chắn sẽ đi tới sự phá sản hoàn toàn.

📖 19 nét

HÁN VIẾT: PHÁ SẢN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#545

妻子

qī zi

vợ

他的妻子是医生。

Tā de qī zi shì yī shēng.

Vợ của anh ấy là bác sĩ.

📖 23 nét

HÁN VIẾT: THÊ TỬ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#546

期待

qī dài

kỳ vọng, trông đợi, mong chờ

我们热切期待与全球各国青年科学家进一步深化前沿探索合作，共同携手开创美好的科技未来。

Wǒ men rè qiè qī dài yǔ quán qiú gè guó qīng nián kē xué jiā jìn yí bù shēn huà qián yán tàn suǒ hé zuò, gòng tóng xié shǒu kāi chuàng měi hǎo de kē jì wèi lái.

Chúng tôi nồng nhiệt kỳ vọng và đón đợi việc làm sâu sắc hơn nữa mối quan hệ hợp tác thám hiểm tiên phong cùng các nhà khoa học trẻ toàn cầu, chung tay mở lối tương lai khoa học công nghệ tươi đẹp.

📖 20 nét

HÁN VIẾT: KỲ ĐÃI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#547

期间

qī jiān

thời gian, thời kỳ, trong khoảng thời gian

在国际空间站执行长达半年的在轨驻留任务期间，航天员们圆满完成了数十项前沿太空科学实验。

Zài guó jì kōng jiān zhàn zhí xíng zhǎng dá bàn nián de zài guī zhù liú rèn wù qī jiān, háng tiān yuán men yuán mǎn wán chéng le shù shí xiàng qián yán tài kōng kē xué shí yàn.

Trong khoảng thời gian thực hiện nhiệm vụ lưu trú trên quỹ đạo kéo dài nửa năm tại trạm không gian quốc tế, các phi hành gia đã hoàn thành xuất sắc hàng chục thí nghiệm khoa học vũ trụ tiên phong.

📖 18 nét

HÁN VIẾT: KỲ GIÂN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#548

期末

qī mò

Kết thúc nhiệm kỳ

老师鼓励大家积极期末，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī qī qī mò, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Kết thúc nhiệm kỳ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 18 nét

HÁN VIẾT: KỲ MẠT

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#549

期限

qī xiàn

thời hạn, kỳ hạn ấn định

重大国家科技攻关专项严格实行里程碑考核节点管理，确保各项战略研发任务在预定考核期限内高质量交付。

Zhòng dà guó jiā kē jì gōng guān zhuān xiàng yán gé shí xíng lǐ chéng bēi kǎo hé jié diǎn guǎn lǐ, què bǎo gè xiàng zhàn lüè yán fā rèn wù zài yù dìng kǎo hé qī xiàn nèi gāo zhì liàng jiāo fù.

Để án khoa học công nghệ trọng đại quốc gia thực hiện nghiêm ngặt công tác quản lý các mốc khảo hạch cột mốc, bảo đảm mọi nhiệm vụ nghiên cứu phát triển chiến lược đều được bàn giao đạt chất lượng cao trong thời hạn kỳ hạn khảo hạch ấn định.

📖 19 nét

HÁN VIẾT: KỲ HẠN


**HSK 4
(3.0)**

 Danh từ chỉ thời gian /
Tính từ #550

期中

qīzhōng

giữa kỳ (học kỳ)

在期中教学评估座谈会上，师生们坦诚交流，共同探讨如何优化跨学科探究式课堂教学模式。

Zài qīzhōng jiào xué pīng gū zǔ shī shēng tán huì shàng, shī shēng men tǎn chéng jiāo liú, gòng tóng tàn tào rú hé yōu huà kuà xué kē tàn jiū shì kè táng jiào xué mó shì.

Tại buổi tọa đàm đánh giá giảng dạy giữa kỳ, thầy và trò đã thẳng thắn trao đổi, cùng bàn thảo làm thế nào để tối ưu hóa mô hình giảng dạy trên lớp mang tính khám phá liên ngành.

18 nét

HÁN VIỆT : KỲ TRUNG

HSK 4 (3.0)

Đại từ

#551

其余

qíyú

những cái còn lại, phần còn lại, còn lại

除了重点攻克的两项关键核心技术指标外，其余多项系统测试参数均已达到国际领先水平。

Chú le zhòng diǎn gōng kè de liǎng xiàng guān jī shù zhǐ biāo wài, qí yú duō xiàng xì tǒng cè shì cān shù jūn yí dá dào guó jì lǐng xiān shuǐ zhǔn.

Ngoài hai chỉ tiêu công nghệ cốt lõi then chốt vượt khó trọng điểm ra, những cái còn lại phần còn lại của nhiều tham số thử nghiệm hệ thống đều đã đạt mức chuẩn dẫn đầu quốc tế.

23 nét

HÁN VIỆT : KỲ DƯ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#552

企业

qǐ yè

doanh nghiệp, công ty

专精特新中小企业以其深厚的技术积累与敏锐的创新活力，正在成为国家制造业强链补链的生力军。

Zhuān jīng tè xīn zhōng xiǎo qǐ yè yǐ qí shēn hòu de jì shù jī lěi yǔ mǐn ruì de chuàng xīn huó lì, zhèng zài chéng wéi guó jiā zhì zào yè qiáng liàn bù liàn de shēng lì jūn.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sáng tạo chuyên sâu nhờ vào bề dày tích lũy kỹ thuật cùng sức sống đổi mới nhạy bén đang trở thành lực lượng tinh nhuệ củng cố chuỗi cung ứng ngành chế tạo quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT : XÍ NGHIỆP

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#553

气球

qìqiú

khí cầu, quả bóng bay; khí cầu thám không

国家高空大气探测中心成功释放了新一代高空气象探测气球，精确采集到了平流层高空环境气象数据。

Guó jiā gāo kōng dà qì tàn cè zhōng xīn chéng gōng shì fàng le xīn yí dài gāo kōng qì xiàng tàn cè qì qiú, jīng què cái jí dào le píng liú céng gāo kōng huán jīng qì xiàng shù jù.

Trung tâm Quan trắc Khí quyển Tầng cao Quốc gia đã thả thành công quả bóng bay khí cầu thám trắc khí tượng tầng cao thế hệ mới, thu thập chuẩn xác số liệu khí tượng môi trường tầng cao trong tầng bình lưu.

25 nét

HÁN VIỆT : KHÍ CẦU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#554

汽水

qìshuǐ

nước ngọt có ga, nước sô-đa giải khát

在炎热的夏日午后，喝一瓶冰镇传统果味汽水让人瞬间感到清凉解渴、神清气爽。

Zài yán rè de xià rì wǔ hòu, hē yì píng bīng zhèn chuán tǒng guǒ wèi qì shuǐ ràng rén shùn jiǎn gān dào qīng liáng jiě kě, shén qīng qì shuǎng.

Vào buổi chiều hè oi ả, uống một chai nước ngọt có ga nước sô-đa hương trái cây truyền thống ướp lạnh khiến con người ngay lập tức cảm thấy giải khát mát rượi, tinh thần sáng khoái.

21 nét

HÁN VIỆT : KHÍ THỦY

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#555

汽油

qì yóu

xăng, dầu xăng

推广高标号清洁车用汽油与大力普及新能源汽车，是改善城市空气质量、减少尾气排放的重要举措。

Tuī guǎng gāo biāo hào qīng jié chē yòng qì yóu yǔ dà lì pǔ jí xīn néng yuán qì chē, shì gǎi shàn chéng shì kōng qì zhì liàng, jiǎn shǎo wěi qì pái fàng de zhòng yào jǔ cuò.

Việc phổ biến xăng sinh học sạch tiêu chuẩn cao và đẩy mạnh phát triển xe năng lượng mới là những giải pháp quan trọng để cải thiện chất lượng không khí đô thị và giảm thiểu khí thải độc hại.

21 nét

HÁN VIỆT : KHÍ DẦU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#556

器官

qì guān

cơ quan, bộ phận nội tạng cơ thể

再生医学与组织工程国家重大科技基础设施，成功实现了基于活细胞生物3D打印的人工生物活性人工器官构建。

Zài shēng yī xué yǔ zǔ zhī gōng chéng guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shī shī, chéng gōng shí xiàn le jī yú huó xì bāo shēng wù 3D dǎ yìn de rén gōng shēng wù huó xìng rén gōng qì guān gòu jiàn.

Cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia về kỹ thuật mô và y học tái tạo đã thực hiện thành công việc xây dựng cơ quan nhân tạo có hoạt tính sinh học dựa trên công nghệ in 3D sinh học tế bào sống.

21 nét

HÁN VIỆT : KHÍ QUAN

**HSK 4
(3.0)**

 Danh từ chỉ phương
vị

#557

前头

qiántou

phía trước, đằng trước, đi đầu

青年科研骨干要勇挑重担、冲在最前头，在攻克卡脖子核心技术攻坚战中勇当先锋主力军。

Qīng nián gǔ yàn gǔ gàn yào yǒng tiāo zhòng dàn, chōng zài zuì qián tóu, zài gōng kè kǎ bó zǐ hé xīn jī shù gōng jī zhàn zhōng yǒng dāng xiān fēng zhǔ lì jūn.

Cán bộ nòng cốt nghiên cứu khoa học thanh niên cần dũng cảm gánh vác việc lớn, xông pha ở vị trí đi đầu đằng trước phía trước nhất, dũng cảm làm quân chủ lực tiên phong trong trận đánh vượt khó công nghệ lõi nghìn cổ chai.

24 nét

HÁN VIỆT : TIỀN ĐẦU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#558

前途

qián tú

tiến đồ, tương lai phía trước

新时代青年学子生逢盛世、重任在肩，脚踏实地勇攀科学高峰，必定拥有无比光明广阔的前途。

Xīn shí dài qīng nián xué zǐ shēng féng shèng shì, zhòng rèn zài jiān, jiǎo tà shí dì yǒng pān kē xué gāo fēng, bì dìng yǒng yǒu wú bǐ guāng míng guǎng kuò de qián tú.

Sinh viên thanh niên thời đại mới sinh ra trong thời kỳ phát triển rực rỡ, mang trên vai trọng trách lớn lao, kiên định từng bước trèo lên đỉnh cao khoa học nhất định sẽ có tiến đồ xán lạn và rộng mở vô cùng.

23 nét

HÁN VIỆT : TIỀN ĐỒ



HSK 4 (3.0)

Tính từ

#559

浅
qiǎn

nông, cạn; nhạt (màu sắc); nông cạn (kiến thức)

水墨画大师以深浅浓淡相宜的灵动墨色，在宣纸上勾勒出江南水乡烟雨朦胧的迷人意境。

Shuǐ mò huà dà shī yǐ shēn qiǎn nóng dàn xiāng yí de líng dòng mò sè, zài xuān zhǐ shàng gōu lè chū jiāng nán shuǐ xiāng yān yǔ méng lóng de mí rén yì jìng.

Bậc thầy tranh thủy mặc với sắc mực đậm nhạt hòa quyện tinh tế đã phác họa trên nền giấy xuyên bức tranh phong cảnh sông nước Giang Nam khỏi sương mờ ảo đầy mê hoặc.

9 nét

HÁN VIỆT: TIỀN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#560

巧克力
qiǎo kè lì

sô-cô-la (chocolate)

手工制作的黑巧克力微苦中透着浓郁丝滑的可可香气，深受甜品品鉴爱好者的青睐。

Shǒu gōng zhì zuò de hēi qiǎo kè lì wēi kǔ zhōng tòu zhe nóng yù sī huá de kě kē xiāng qì, shēn shòu tián pǐn pīn jiàn ài hào zhě de qīng ài.

Thanh sô-cô-la đen làm thủ công vị đắng nhẹ hòa quyện cùng hương ca cao thơm nồng béo ngậy mềm mượt như lụa, rất được giới sành đồ ngọt ưa chuộng.

25 nét

HÁN VIỆT: XẢO KHẮC LỰC

HSK 4 (3.0)

Động từ

#561

切
qiē

cắt, thái, xẻ, gọt

主厨刀工极其纯熟精湛，将细嫩如脂的新鲜嫩豆腐均匀切成了细如发丝的文思豆腐羹。

Zhǔ chú dāo gōng jí qí chún shú jīng zhàn, jiāng xì nèn rú zhǐ de xīn xiǎn nèn dòu fú jūn yún qiē chéng le xì rú fǎ sī de wén sī dòu fú gēng.

Đầu bếp trưởng có tay nghề thái dao vô cùng điêu luyện, đã thái miếng đậu phụ non mềm mịn như ngọc thành những sợi đậu phụ Vần Tư mảnh tựa sợi tóc để nấu món canh tiến vua danh bất hư truyền.

14 nét

HÁN VIỆT: TIẾP

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#562

亲爱
qīn ài

thân ái, yêu quý, kính yêu

亲爱的老师用一生的青春与汗水化作三尺讲台上的无私奉献，照亮了万千学子追寻真理的道路。

Qīn ài de lǎo shī yòng yì shēng de qīng chūn yǔ hàn shuǐ huà zuò sān chǐ jiǎng tái shàng de wú sī fèng xiàn, zhào liàng le wàn qiān xué zǐ zhuī xún zhēn lǐ de dào lù.

Thầy cô giáo kính yêu đã đem trọn tuổi xuân và mồ hôi cống hiến quên mình trên bục giảng ba tấc, soi sáng con đường kiếm tìm chân lý cho hàng vạn thế hệ học trò.

17 nét

HÁN VIỆT: THÂN ÁI

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#563

亲密
qīn mì

thân mật, gần bó khăng khít

中外青年学者在长期的跨国联合科研项目中结下了深厚亲密的学术伙伴关系。

Zhōng wài qīng nián xué zhě zài cháng qī de kuà guó lián hé kē yán yìng hé zuò xiàng mù zhōng jié xià le shēn hòu qīn mì de xué shù huò bàn qīng yì.

Các học giả trẻ tuổi trong và ngoài nước trong các dự án nghiên cứu khoa học liên hợp xuyên quốc gia lâu dài đã kết nên tình cảm đối tác học thuật thân mật gần bó khăng khít và sâu đậm.

18 nét

HÁN VIỆT: THÂN MẬT

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#564

青春
qīng chūn

tuổi trẻ, thanh xuân

青年一代应当在火热的社会实践中挥洒青春汗水，用拼搏奋斗书写无悔的人生芳华。

Qīng nián yì dài yīng dāng zài huǒ rè de shè huì shí jiàn zhōng huī sǎ qīng chūn hàn shuǐ, yòng pīn bó dòu dòu shū xiě wú huǐ de rén shēng fāng huá.

Thế hệ thanh niên cần dẫn thân trong thực tiễn xã hội sôi động để cống hiến những giọt mồ hôi của tuổi trẻ, dùng sự phấn đấu kiên cường viết nên khúc ca thanh xuân không hối tiếc.

20 nét

HÁN VIỆT: THANH XUÂN

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#565

轻松
qīng sōng

nhẹ nhõm, thư thái, dễ dàng

听完一场幽默诙谐的脱口秀表演，大家一周以来的工作疲劳与紧绷压力瞬间得到了轻松释放。

Tīng wán yì chǎng yōu mò huī xié de tuō kǒu xiù biǎo yǎn, dà jiā yì zhōu yǐ lái de gōng zuò pí láo yǔ jīn bēng yā lì shùn jiǎn dé dào le qīng sōng shì fàng.

Sau khi thưởng thức một buổi biểu diễn hài độc thoại dí dỏm hóm hỉnh, mọi mệt mỏi và áp lực công việc dồn nén suốt cả tuần của mọi người đã được giải tỏa một cách nhẹ nhõm tức thì.

24 nét

HÁN VIỆT: KHINH TÙNG

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#566

轻易
qīng yì

dễ dàng, khinh suất tùy tiện

在科学探索的荆棘道路上，面对暂时的失败挫折，我们决不能轻易言弃、丧失前进信心。

Zài kē xué tàn suǒ de jīng jí dào lù shàng, miàn duì zàn shí de shī bài cuō zhé, wǒ men jué bù néng qīng yì yán qì, sàng shī qián jìn xīn.

Trên con đường chông gai của việc thám hiểm khoa học, đứng trước những thất bại trắc trở tạm thời, chúng ta tuyệt đối không được dễ dàng khinh suất bỏ cuộc, đánh mất niềm tin tiến lên.

18 nét

HÁN VIỆT: KHINH DỊCH

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Động từ

#567

清醒
qīng xǐng

tỉnh táo, sáng suốt, tỉnh lại

面对复杂多变的风浪考验与风险挑战，全党全军全国各族人民必须始终保持高度的战略清醒与战略定力。

Miàn duì fù zá duō biàn de fēng làng kǎo yàn yǔ fēng xiǎn tiǎo zhàn, quán dǎng quán jūn quán guó gè zú rén mín bì xū shǐ zhōng bǎo chí gāo dù de zhàn lüè qīng xǐng yǔ zhàn lüè dìng lì.

Đứng trước các thử thách sóng gió và rủi ro thách thức phức tạp khôn lường, toàn Đảng, toàn quân và nhân dân các dân tộc trên cả nước bắt buộc phải luôn luôn giữ vững sự tỉnh táo chiến lược và định lực chiến lược ở mức độ cao.

25 nét

HÁN VIỆT: THANH TỈNH



HSK 4 (3.0)

Danh từ

#568

情景

qíng jǐng

khung cảnh, cảnh tượng, tình cảnh

老照片里那幕全村老少热烈庆祝秋粮大丰收的喜悦情景，至今依然深深印刻在他的脑海中。

Lǎo zhào piān lǐ nà mù quán cūn lǎo shǎo rè liè qīng zhù qǐu liáng dà fēng shōu de xǐ yuè qíng jǐng, zhì jīn yī rán shēn shēn yìn kè zài tā de nǎo hǎi zhōng.

Khung cảnh tràn ngập niềm vui của già trẻ gái trai cả làng rộn ràng ăn mừng vụ mùa lúa thu bội thu trong bức ảnh cũ năm nào đến nay vẫn in đậm sâu sắc trong tâm trí anh.

17 nét

HÁN VIỆT: TÌNH CẢNH

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#569

穷

qióng

nghèo nàn

在面对复杂的挑战时，保持穷的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí qióng de xīn tài yóu wéi zhòng yào. Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái nghèo nàn đặc biệt quan trọng.

13 nét

HÁN VIỆT: CÙNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#570

穷人

qióng rén

người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn

脱贫攻坚战取得了举世瞩目的全面胜利，彻底解决了近一亿农村贫困人口和穷人的温饱与发展问题。

Tuō pín gōng jiàn zhàn qǔ dé le jǔ shì mù dǐ de quán miàn shèng lì, chè dǐ jiě jué le jìn yī yì nòng cūn pín kùn rén kǒu hé qióng rén de wēn bǎo yǔ fā zhǎn wèn tí.

Cuộc chiến xóa đói giảm nghèo đã giành được thắng lợi toàn diện khiến cả thế giới dõi theo, giải quyết triệt để vấn đề phát triển và cơm no áo ấm cho người nghèo và gần một trăm triệu dân số nghèo nông thôn.

22 nét

HÁN VIỆT: CÙNG NHÂN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#571

秋季

qiū jì

mùa thu, vụ mùa thu

秋季是硕果累累的大丰收季节，广袤田野里金黄色的水稻与玉米迎风摇曳，喜迎大丰收。

Qiū jì shì shuò guǒ lěi lěi de dà fēng shōu jì jié, guǎng mào tián yě lǐ jīn huáng sè de shuǐ dào yǔ yù mǐ yíng fēng yáo yè, xī yíng dà fēng shōu.

Mùa thu vụ mùa thu là mùa bội thu to lớn trĩu cành hoa thơm quả ngọt, trên những cánh đồng bao la ngô và lúa màu vàng óng đung đưa theo gió đón chào mùa vàng đại bội thu.

18 nét

HÁN VIỆT: THU QUÝ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#572

趋势

qū shì

xu thế, xu hướng, chiều hướng

数字化、智能化与绿色化深度交织协同推进，正在成为全球制造业高质量发展的必然趋势。

Shù zì huà, zhì néng huà yǔ lǜ sè huà shēn dù jiāo zhī xié tóng tuī jìn, zhèng zài chéng wéi quán qiú zhì zào yè gāo zhì liàng fā zhǎn de bì rán qū shì.

Sự đan xen kết hợp sâu sắc và đồng bộ giữa số hóa, thông minh hóa và xanh hóa đang trở thành xu thế tất yếu trong sự phát triển chất lượng cao của nền công nghiệp chế tạo toàn cầu.

20 nét

HÁN VIỆT: XU THẾ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#573

圈

quān

vòng tròn

老师鼓励大家积极圈，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极圈，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí quān, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì. Thấy giáo khuyến khích mọi người tích cực vòng tròn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: KHUYÊN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#574

权利

quán lì

quyền lợi, quyền hạn hợp pháp (công dân)

宪法依法保障每一位公民享有平等的劳动权、受教育权以及言论自由等广泛的宪法权利。

Xiànfǎ yīfǎ bǎo zhàng měi yī wèi gōngmín xiǎng yǒu píngděng de láodòng quán, shòu jiàoyù quán yǐ jí yánlùn zì yóu děng guǎng fàn de xiànfǎ quán lì.

Hiến pháp bảo đảm theo quy định pháp luật cho mỗi công dân đều được hưởng bình đẳng các quyền hiến định sâu rộng như quyền lao động, quyền học tập và tự do ngôn luận.

24 nét

HÁN VIỆT: QUYỀN LỢI

HSK 4 (3.0)

Liên từ

#575

却

què

lại, nhưng lại (biểu thị sự chuyển ý)

虽然山高路远、风雪交加，边防战士们保卫祖国安宁的坚强意志却从未动摇半分。

Suī rán shān gāo lù yuǎn, fēng xuě jiāo jiā, biān fáng zhàn shì men bǎo wèi zǔ guó ān níng de jiǎn qiáng yì zhì què cóng wèi dòng yáo bàn fēn.

Tuy núi cao đường xa gió tuyết bủa vây mặt mừng, nhưng ý chí sắt đá bảo vệ bình yên cho Tổ quốc của những người lính biên cương lại chưa từng lung lay dù chỉ nửa bước.

8 nét

HÁN VIỆT: KHUỐC

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#576

确认

què rèn

xác nhận, khẳng định lại

在提交重大国际科研合作申请之前，项目负责人必须再次逐项仔细核对并确认全部预算明细。

Zài tí jiāo zhòng dà guó jì kē yán hé zuò shēn qīng zhī qián, xiàng mù fù zé rén bì xū zài cì zhù xiàng zì xī hé duì bǐng què rèn quán bù yù suàn míng xì.

Trước khi nộp hồ sơ xin tài trợ hợp tác nghiên cứu khoa học quốc tế trọng đại, người chủ nhiệm đề tài nhất thiết phải kiểm tra rà soát và xác nhận kỹ lưỡng từng mục chi tiết trong toàn bộ dự toán.

24 nét

HÁN VIỆT: XÁC NHẬN



HSK 4 (3.0)

Liên từ

#577

然而

rán'ér

tuy nhiên, thế nhưng, nhưng mà

科学探索的征程充满了未知与失败，然而广大科研人员追求真理的坚定决心从未动摇。

Kē xué tàn suǒ de zhēng chéng chōng mǎn le wèi zhī yǔ shī bài, rán ér guǎng dà kē yán rén yuán zhuī qiú zhēn lǐ de jiǎn dìng jué xīn cóng wèi dòng yáo.

Hành trình thám hiểm khoa học ngập tràn những thất bại và điều chưa biết, tuy nhiên thế nhưng quyết tâm kiên định theo đuổi chân lý của đông đảo cán bộ nghiên cứu khoa học chưa bao giờ lung lay.

24 nét

HÁN VIỆT: NHIÊN NHI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#578

燃料

ránliào

nhiên liệu, chất đốt

我国新一代重型运载火箭全面采用绿色环保、无毒无污染的液氧煤油与液氢液氧推进剂燃料。

Wǒ guó xīn yí dài zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn quán miàn cǎi yòng lǚ sè huán bǎo, wú dú wú wū rǎn de yè yǎng méi yóu yǔ yè qīng yè yǎng tuī jìn jì rán liào.

Tên lửa đẩy hạng nặng thế hệ mới của nước ta áp dụng toàn diện nhiên liệu chất đẩy oxy lỏng hydro lỏng và dầu hỏa oxy lỏng không độc hại không gây ô nhiễm, thân thiện môi trường xanh.

23 nét

HÁN VIỆT: NHIÊN LIỆU

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#579

燃烧

rán shāo

đốt cháy, cháy; sự cháy

新一代液氧甲烷环保火箭发动机在试验台上稳定高效燃烧，各项遥测参数表现极为优异。

Xīn yí dài yè yǎng jiǎ wán huán bǎo huǒ jiàn fā dòng jī zài shì yàn tái shàng wěn dìng gāo xiào rán shāo, gè xiàng yáo cè cān shù biǎo xiàn jí wéi yōu yì.

Động cơ tên lửa bảo vệ môi trường thế hệ mới sử dụng nhiên liệu oxy lỏng và metan đã cháy ổn định với hiệu suất cao trên bệ thử, mọi thông số đo đạc từ xa đều thể hiện vô cùng xuất sắc.

19 nét

HÁN VIỆT: NHIÊN THIÊU

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#580

热闹

rè nao

náo nhiệt, tấp nập, nhộn nhịp

每逢元宵佳节，古镇老街上张灯结彩、游人如织，一派欢腾热闹的喜庆景象。

Měi féng yuán xiāo jiā jié, gǔ zhèn lǎo jiē shàng zhāng dēng jié cǎi, yóu rén rú zhī, yī pài huān téng rè nao de xǐ qīng jǐng xiàng.

Mỗi dịp Tết Nguyên tiêu, khắp phố cổ giăng đèn kết hoa, du khách tấp nập nườm nượp, tạo nên khung cảnh lễ hội tưng bừng náo nhiệt.

27 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT NÁO

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#581

热心

rè xīn

nhiệt tình, sốt sắng, nhiệt tâm

社区里有一支由离退休老党员组成的热心志愿服务队，常年风雨无阻地为孤寡老人提供买菜送药等便民帮助。

Shè qū lǐ yǒu yī zhī yóu lí tuì xiū lǎo dǎng yuán zǔ chéng de rè xīn zhì yuàn fú wú dǔ, cháng nián fēng yǔ wú zǔ dì wèi gū guǎ lǎo rén tí gòng mǎi cài sòng yào děng biān mín bāng zhù.

Trong khu dân cư có một đội tình nguyện viên nhiệt tình gồm các cán bộ hưu trí cao tuổi, quanh năm không quản mưa nắng luôn giúp đỡ người già neo đơn đi chợ, mua thuốc và hỗ trợ sinh hoạt.

23 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT TÂM

HSK 4 (3.0)

Đại từ / Danh từ

#582

人家

rén jia

người ta (đại từ); hộ gia đình, gia đình

在古色古香的江南水乡古镇里，小桥流水人家与依河而建的白墙黛瓦构成了极具诗情画意的江南风貌。

Zài gǔ sè gǔ xiāng de jiāng nán shuǐ xiāng gǔ zhèn lǐ, xiǎo qiáo liú shuǐ rén jia yǔ yī hé ér jiàn de bái qiáng dài wǎ gòu chéng le jí jǔ shī qíng huà yì de jiāng nán fēng mào.

Bên trong thị trấn cổ miền sông nước Giang Nam cổ kính đậm phong vị xưa, những mái nhà hộ gia đình bên cây cầu nhỏ dòng nước trôi cùng những bức tường vôi trắng mái ngói đen xây ven sông đã dệt nên phong mạo Giang Nam ngập tràn chất thơ.

17 nét

HÁN VIỆT: NHÂN GIA

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#583

日记

rì jì

nhật ký

坚持每天在睡前写一篇反思日记，记录一天的收获与感悟，是提升自我认知的好习惯。

Jiān chí měi tiān zài shuì qián xiě yī piān fǎn sī rì jì, jì lù yī tiān de shōu huò yǔ gǎn wù, shì tí shēng zì wǒ rèn zhī de hào xí guān.

Kiên trì mỗi tối trước khi đi ngủ viết một trang nhật ký chiêm nghiệm, ghi lại những thu hoạch và cảm nhận trong ngày là một thói quen tốt để nâng cao nhận thức bản thân.

23 nét

HÁN VIỆT: NHẬT KÝ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#584

日历

rì lì

lịch, cuốn lịch để bàn

书桌上摆放着一本精美的故宫文创日历，每天翻开一页都能欣赏到一件国宝文物的华美图文解析。

Shū zhuō shàng bài fàng zhe yī běn jīng měi de gù gōng wén chuàng rì lì, měi tiān fān kāi yī yè dōu néng xīn shǎng dào yī jiàn guó bǎo wén wù de huá měi tú wén jiě xī.

Trên bàn học đặt một cuốn lịch sáng tạo văn hóa Cố Cung tinh xảo, mỗi ngày lật giở một trang đều có thể thưởng thức bài phân tích hình ảnh và bài viết tuyệt mỹ về một món cổ vật bảo vật quốc gia.

23 nét

HÁN VIỆT: NHẬT LỊCH

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#585

如今

rú jīn

ngày nay, giờ đây, hiện nay

昔日黄沙漫天、人迹罕至的荒凉盐碱滩，如今已蜕变成生机勃勃、繁华宜居的现代化滨海新城。

Xī rì huáng shā mǎn tiān, rén jì hǎn zhì de huāng liáng yán jiǎn tān, rú jīn yǐ tuì biàn chéng shēng jī bó bó, fán huá yí jū de xiān dài huà bīn hǎi xīn chéng.

Vùng đất hoang ngập mặn cát bụi mịt mù hiểm bóng người năm nào, giờ đây đã lột xác ngoạn mục thành một đô thị ven biển hiện đại đáng sống, sầm uất và tràn trề sức sống.

22 nét

HÁN VIỆT: NHƯ KIM



HSK 4 (3.0)

Tính từ / Động từ

#586

弱
ruò

yếu, suy yếu, kém cỏi

高灵敏度空间探测器能够精准捕捉到来自百亿光年外极端遥远天体发出的极其微弱的光学信号。

Gāo lǐng mǐn dù kōng jiān tàn cè qì néng gōu jīng zhǔn bǔ zhuō dào lái zì bǎi yì guāng nián wài jí duān yáo yuǎn tiān tǐ fā chū de jí qí wēi ruò de guāng xué xìn hào.

Thiết bị thăm trắc không gian độ nhạy cảm cao có thể bắt trọn chuẩn xác tín hiệu quang học cực kỳ yếu ớt nhỏ bé phát ra từ thiên thể xa xôi cực độ cách xa hàng chục tỷ năm ánh sáng.

10 nét

HÁN VIỆT: NHƯỢC

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#587

伞
sǎn

ô, cái dù che mưa nắng; lá chắn bảo vệ

出门前看天气预报得知午后有雷阵雨，他随身在背包里带了一把轻便的折叠晴雨伞。

Chū mén qián kàn tiān qì yù bào dé zhī wǔ hòu yǒu léi zhèn yǔ, tā suí shēn zài bēi bāo lǐ dài le yī bǎ qīng biǎn de zhé dié qíng yǔ sǎn.

Trước khi ra khỏi nhà xem dự báo thời tiết biết được buổi chiều có mưa dông, anh ấy đã mang theo sẵn một chiếc ô dù gấp che nắng mưa nhẹ nhàng bên trong ba lô.

11 nét

HÁN VIỆT: TẢN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#588

散
sàn

rải rác

老师鼓励大家积极散，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极散，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí sǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực rải rác, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: TẢN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#589

扫
sǎo

quét, quét dọn; quét mã QR

青年志愿者们定期到社区公共文化活动广场开展义务劳动，把公共区域打扫得干干净净。

Qīng nián zhì yuǎn zhě men dìng qī dào shè qū gōng gòng wén huà huó dòng guǎng chǎng kāi zhǎn yì wù láo dòng, bǎ gōng gòng qū yù dǎ sǎo dé gān gān jìng jìng.

Các tình nguyện viên trẻ định kỳ tới quảng trường hoạt động văn hóa công cộng khu dân cư triển khai lao động tình nguyện, quét dọn quét sạch sẽ tinh tươm toàn bộ khu vực công cộng.

10 nét

HÁN VIỆT: TẢO

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#590

色
sè

màu sắc, sắc thái; vẻ mặt

在这座大型现代化植物园内，五颜六色、争奇斗艳的珍稀名贵花木将整个园区装点得如诗如画。

Zài zhè zuò dà xíng xiàn dài huà wù yuán nèi, wǔ yán liù sè, zhēng qí dòu yàn de zhēn xī míng guì huà mù jiāng zhěng gè yuán qū zhuāng diǎn dé rú shī rú huà.

Bên trong vườn thực vật hiện đại hóa quy mô lớn này, các loài hoa cây cảnh quý hiếm danh giá đủ màu sắc muôn màu muôn vẻ đua nhau khoe sắc thắm đã điểm xuyết trang hoàng cho cả công viên đẹp tựa như thơ như họa.

12 nét

HÁN VIỆT: SẮC

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#591

色彩
sè cǎi

màu sắc; sắc thái tình cảm, bản sắc đặc trưng

敦煌莫高窟壁画采用了纯天然矿物颜料绘制，历经千载岁月沧桑依然保持着鲜艳夺目的绚丽色彩与神韵。

Dūn huáng mò gāo kū bì huà cái yòng le chún tiān rán kuàng wù yán liào huì zhì, lì jīng qiān zài suí yuè cāng sāng yǐ rán bǎo chí zhe xiān yàn duó mù de xuàn lì sè cǎi yǔ shén yùn.

Các bức bích họa Hang Mạc Cao Đôn Hoàng áp dụng màu khoáng chất hoàn toàn tự nhiên để vẽ, trải qua thăng trầm dâu bể của ngàn năm năm tháng vẫn giữ vững màu sắc rực rỡ bắt mắt cùng thần thái tuyệt trần.

22 nét

HÁN VIỆT: SẮC THÁI

HSK 4 (3.0)

Động từ

#592

晒
shài

tắm nắng

老师鼓励大家积极晒，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tắm nắng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: SÁI

HSK 4 (3.0)

Động từ / Tính từ

#593

闪
shǎn

chớp, lấp lánh, lóe sáng; né tránh

在深空射电望远镜控制大厅内，指示灯闪烁跳动，精准捕捉到了百亿光年外的神秘脉冲星信号。

Zài shēn kōng shè diàn wàng yuǎn jīng kòng zhì dà tīng nèi, zhǐ shì dēng shǎn suǒ tiào dòng, jīng zhǔn bǔ zhuō dào le bǎi yì guāng nián wài de shén mì mǐ ài chōng xīng xìn hào.

Bên trong đại sảnh điều khiển kính viễn vọng vô tuyến không gian sâu, các đèn tín hiệu chỉ thị chớp lấp lánh nhấp nháy, bắt trọn chuẩn xác tín hiệu ngôi sao xung (Pulsar) huyền bí cách xa hàng chục tỷ năm ánh sáng.

12 nét

HÁN VIỆT: THIỂM

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#594

闪电
shǎn diàn

tia chớp, sấm chớp

盛夏暴风雨来临之际，一道耀眼夺目的银白色闪电划破了漆黑如墨的夜空，气势震撼人心。

Shèng xià bào fēng yǔ lái lín zhī jī, yī dào yào yǎn duó mù de yín bái sè shǎn diàn huà pò le qī hēi rú mò de yè kōng, qì shì zhèn hàn rén xīn.

Thời khắc cơn dông bão giữa hè áp đến, một tia chớp màu bạc chói lòa đã rách ngang qua bầu trời đêm đen đặc như mực, khí thế làm chấn động lòng người.

23 nét

HÁN VIỆT: THIỂM ĐIỆN



HSK 4 (3.0)

Tính từ

#595

善良

shàn liáng

lương thiện, hiền lành, nhân hậu

心怀善良与同理心是一切崇高道德品质的基石，能够让整个社会充满互助互爱的融融暖意。

Xīn huái shàn liáng yǔ tóng lí xīn shì yī qiè chóng gāo dào dé pǐn zhì de jī shí, néng gòu ràng zhěng gè shè huì chōng mǎn hù zhù hù ài de róng róng nuǎn yì.

Nuôi dưỡng tấm lòng lương thiện và sự thấu cảm là hòn đá tảng của mọi phẩm chất đạo đức cao đẹp, có thể khiến toàn bộ xã hội ngập tràn hơi ấm của sự tương trợ và yêu thương đùm bọc lẫn nhau.

20 nét

HÁN VIỆT: THIỆN LƯƠNG

HSK 4 (3.0)

Động từ

#596

善于

shàn yú

giỏi về, khéo về, thành thạo

一名卓越的科研领军人才不仅需要精通本领域技术，更要善于广泛吸收其他学科的跨界前沿智慧。

Yí míng zhuó yuè de kē yán lǐng jūn rén cái bù jǐn xū yào jīng tōng běn lǐng jù xū yào jīng tōng běn lǐng yǔ jì shù, gèng yào shàn yú guǎng fàn xī shōu qí tā xué kē de kuà jiè qián yán zhì huì.

Một nhà lãnh đạo khoa học xuất chúng không chỉ cần tinh thông chuyên môn trong lĩnh vực của mình mà hơn thế nữa còn phải giỏi tiếp thu sâu rộng trí tuệ liên ngành tiên phong từ các môn khoa học khác.

25 nét

HÁN VIỆT: THIỆN VU

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#597

伤害

shāng hài

làm tổn thương, làm hại, gây thương tổn

网络空间应当弘扬真善美，坚决抵制任何恶意造谣传播和对他人造成人格伤害的网络暴力行为。

Wǎng luò kōng jiān yīng dāng hóng yáng zhēn shàn měi, jiǎn jué dǐ zhì rèn hé è yì zào yáo chuán yáo hé duì tā rén zào chéng rén gé shāng hài de wǎng luò bào lì xíng wéi.

Không gian mạng cần弘扬真正善良美好，坚决抵制任何恶意造谣传播和对他人造成人格伤害的网络暴力行为。

22 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG HẠI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#598

商务

shāng wù

thương vụ, kinh doanh thương mại

国际跨境电子商务综合试验区全面推行无纸化报关与智能通关，大幅提升了跨境商务结算效率。

Guó jì kuà jìng diàn zǐ shāng wù zōng hé shì yàn qū quán miàn tuī xíng wú zhǐ huà bào guān yǔ zhì néng tōng guān, dà fú tí shēng le kuà jìng shāng wù suàn é xiào lǜ.

Khu Thí nghiệm Tổng hợp Thương mại Điện tử Xuyên biên giới Quốc tế triển khai toàn diện thủ tục thông quan thông minh và khai báo hải quan không dùng giấy tờ, nâng cao vượt bậc hiệu suất thanh toán thương vụ thương mại xuyên biên giới.

26 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG VỤ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#599

赏

shǎng

thưởng, thưởng ngoạn ngắm cảnh; khen thưởng

中秋佳节之夜，全家人围坐在庭院中一边品尝特色月饼，一边赏一轮皎洁如玉的明月。

Zhōng qiū jiā jié zhī yè, quán jiā rén wéi zuò zài tīng yuán zhōng yì biān pǐn cháng tè sè yuè bǐng, yì biān shǎng yì lún jiǎo jié rú yù de míng yuè.

Trong đêm ngày Tết Trung Thu, cả gia đình quây quần ngồi bên khoảng sân vừa thưởng thức bánh trung thu đặc sắc, vừa thưởng ngoạn ngắm vầng trăng sáng trong vắt như ngọc.

14 nét

HÁN VIỆT: THƯỞNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#600

上个月

shàng gè yuè

tháng trước

上个月在国家大剧院举行的中外青年交响音乐会上，艺术家们的精彩演出赢得了全场高度评价。

Shàng gè yuè zài guó jiā dà jù yuàn jǔ xíng de zhōng wài qīng nián jiāo xiǎng yīn yuè huì shàng, yì shù jiā men de jīng cǎi yǎn chū yíng dé le quán chǎng gāo dù píng jià.

Tháng trước tại buổi hòa nhạc giao hưởng thanh niên trong và ngoài nước tổ chức ở Nhà hát Lớn Quốc gia, màn biểu diễn đặc sắc của các nghệ sĩ đã nhận được sự đánh giá rất cao của toàn thể khán phòng.

28 nét

HÁN VIỆT: THƯỞNG CÁ NGUYỆT

HSK 4 (3.0)

Động từ

#601

上楼

shàng lóu

lên lầu, đi lên tầng trên

老旧小区加装便民电梯工程全面完工，彻底解决了社区老年居民日常上下楼爬楼难的问题。

Lǎo jiù zhù zhái xiǎo qū jiā zhuāng biān mín diàn tī gōng chéng quán miàn wán gōng, chè dǐ jiě jué le shè qū lǎo nián jū mǐn rì cháng shàng xià lóu pá lóu nán de wèn tí.

Công trình lắp thêm thang máy tiện dân tại khu dân cư nhà ở cũ đã hoàn thành toàn diện, giải quyết triệt để vấn đề khó khăn leo lầu lên lầu đi lại hàng ngày của các cư dân cao tuổi trong khu dân cư.

21 nét

HÁN VIỆT: THƯỢNG LẦU

HSK 4 (3.0)

Động từ

#602

上门

shàng mén

đến tận nhà, phục vụ tận cửa

社区卫生服务中心定期组织全科医生上门为行动不便的空巢老人开展健康体检与用药指导服务。

Shè qū wēi shēng fú wù zhōng xīn dīng qī zǔ zhī quán kē yī shēng shàng mén wèi xíng dòng bù biàn de kōng cháo lǎo rén kāi zhǎn jiàn kāng tǐ jiǎn yǔ yòng yào zhǐ dǎo fú wù.

Trung tâm dịch vụ y tế cộng đồng định kỳ tổ chức các bác sĩ đa khoa đến tận nhà phục vụ tận nơi để triển khai dịch vụ hướng dẫn dùng thuốc và khám sức khỏe cho những người già neo đơn đi lại khó khăn.

18 nét

HÁN VIỆT: THƯỢNG MÔN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#603

烧

shāo

đốt, thiêu đốt; nấu nướng, kho nấu; bị sốt

在智能化绿色低碳钢铁冶炼车间内，先进的高炉富氢冶炼技术大幅减少了传统化石煤炭的直接燃烧消耗。

Zài zhì néng huà lǜ sè dī tàn gāng tiě yě liàn chē jiān nèi, xiān jìn de gāo lú fù qīng yě liàn jì shù dà fú jiǎn shǎo le chuán tǒng huà shí méi tàn de zhí jiē rán shāo xiāo hào.

Bên trong phân xưởng luyện gang thép xanh ít phát thải carbon thông minh hóa, công nghệ luyện kim giàu hydro lò cao tiên tiến đã giảm mạnh mức tiêu hao tiêu thụ đốt cháy trực tiếp của than đá hóa thạch truyền thống.

8 nét

HÁN VIỆT: THIÊU



HSK 4 (3.0)

Danh từ

#604

设施

shè shī

cơ sở vật chất, công trình hạ tầng

加快推进充电桩、加氢站以及智慧能源管网等新型基础设施建设，能够有力支撑绿色低碳出行。

Jiā kuài tuī jìn chōng diǎn zhuāng, jiā qīng zhàn yǐ jī zhì huì néng yuán guǎn wǎng děng xīn xíng jī chǔ shè shī jiàn shè, néng gòu yǒu lì zhī chēng lǜ sè dī tàn chū xíng.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình hạ tầng mới như trạm sạc điện, trạm tiếp hydro và mạng lưới ống năng lượng thông minh có thể hỗ trợ đắc lực cho giao thông xanh giảm phát thải.

25 nét

HÁN VIỆT: THIẾT THỊ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#605

设置

shè zhì

thiết lập, cài đặt cấu hình; bố trí

高校紧密围绕国家战略新兴产业急需，优化强化学科专业设置，重点增设人工智能与量子信息等交叉前沿学科。

Gāo xiào jǐn mì wéi rào guó jiā zhàn lüè xīn xīng chǎn yè jí xū, yōu huà qiáng huà xué kē zhuān yè shè zhì, zhòng diǎn zēng shè rén gōng zhì néng yǔ liàng zǐ xìn xī děng jiāo chā qián yán xué kē.

Các trường đại học cao đẳng bám sát các nhu cầu cấp bách của các ngành mới nổi mang tính chiến lược quốc gia, tối ưu hóa và tăng cường việc thiết lập bố trí các chuyên ngành môn học, tập trung mở thêm các ngành tiên phong liên ngành như thông tin lượng tử và trí tuệ nhân tạo.

22 nét

HÁN VIỆT: THIẾT TRÍ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#606

申请

shēn qǐng

xin, nộp đơn xin, đề nghị

符合条件的青年创业团队可以在市政务服务平台一键申请无息创业扶持贷款。

Fú hé tiáo jiàn de qīng nián chuàng yè tuán duì kě yǐ zài shì zhèng wù fú wù wǎng shàng pīn gài yī jiàn shēn qǐng wú xī chuàng yè fú chí dài kuǎn.

Các nhóm khởi nghiệp thanh niên đáp ứng đủ tiêu chuẩn có thể đăng ký nộp hồ sơ xin vay vốn hỗ trợ khởi nghiệp không lãi suất chỉ với một cú nhấp chuột trên cổng dịch vụ công thành phố.

22 nét

HÁN VIỆT: THÂN THỈNH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#607

身材

shēn cái

vóc dáng, thân hình

坚持常年科学规律的体育锻炼与营养均衡的清淡饮食，有助于保持匀称健康的健美身材。

Jiān chí cháng nián kē xué guī lǜ de tǐ yù duàn liàn yǔ yíng yǎng jūn héng de qīng dàn yǐn shí, yǒu zhù yú bǎo chí yún chèn jiàn kāng de jiàn měi shēn cái.

Duy trì rèn luyện thể dục thể thao khoa học đều đặn quanh năm cùng chế độ ăn uống thanh đạm đủ chất dinh dưỡng giúp duy trì vóc dáng thon gọn, khỏe mạnh và săn chắc.

22 nét

HÁN VIỆT: THÂN TÀI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#608

身份

shēn fèn

thân phận, thân thế, tư cách, danh tính

在国际数字安全与网络空间治理中，必须全面加强分布式数字身份验证与隐私保护体系建设。

Zài guó jì shù ān quán yǔ wǎng lóu kōng jiān zhì lǐ zhōng, bì xū quán miàn qiáng huà fēn bù shí shù zì shēn fèn yàn zhèng yǔ yīn sī bǎo hù tǐ xì jiàn shè.

Trong an toàn kỹ thuật số quốc tế và quản trị không gian mạng, nhất thiết phải tăng cường toàn diện việc xây dựng hệ thống xác thực danh tính kỹ thuật số phân tán và bảo vệ quyền riêng tư.

25 nét

HÁN VIỆT: THÂN PHẦN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#609

身高

shēngāo

chiều cao cơ thể, tầm vóc chiều cao

在国家青少年体育体质健康监测中，中小学生的身高、体重与肺活量等综合体质指标持续向好。

Zài guó jiā qīng shào nián tǐ yù tǐ zhì jiàn kāng jiān cè zhōng, zhōng xiǎo xué shēng de shēn gāo, tǐ zhòng yǔ fèi huó liàng děng zōng hé tǐ zhì zhǐ biāo chí xù xiàng hǎo.

Trong công tác quan trắc sức khỏe thể chất thể thao thanh thiếu niên quốc gia, các chỉ tiêu thể chất tổng hợp như dung tích phổi, cân nặng và chiều cao tầm vóc của học sinh tiểu học và trung học liên tục chuyển biến tích cực.

26 nét

HÁN VIỆT: THÂN CAO

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#610

深厚

shēnhòu

sâu dày, sâu sắc, bề dày thâm hậu

中华民族拥有五千多年连绵不断的文明史，积淀了博大精深、底蕴极其深厚的优秀传统文化。

Zhōng huá mín zú yǒng yǒu wǔ qiān duō nián lián mián bù duàn de wén míng shǐ, jī diàn le bó dà jīng shēn, dī yùnj jí qí shēn hòu de yōu xiù chuán tǒng wén huà.

Dân tộc Trung Hoa sở hữu bề dày lịch sử văn minh hơn 5.000 năm liên tục không đứt đoạn, tích lũy nên nền văn hóa truyền thống xuất sắc uyên thâm sâu rộng và có bề dày sâu dày thâm hậu vô cùng.

24 nét

HÁN VIỆT: THÂM HẬU

HSK 4 (3.0)

Liên từ

#611

甚至

shèn zhì

thậm chí, ngay cả

由于平时工作过于专注投入，他常常忘记下班时间，甚至连午饭都顾不上吃。

Yóu yú píng shí gōng zuò guò yú zhuān zhù tóu rù, tā cháng cháng wàng jì xià bān shí jiān, shèn zhì lián wǔ fàn dōu gù bù shàng chī.

Do ngày thường làm việc quá đổ tập trung và say mê, anh ấy thường quên cả giờ tan sở, thậm chí đến bữa cơm trưa cũng chẳng màng ăn.

23 nét

HÁN VIỆT: THẬM CHÍ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#612

神话

shén huà

thần thoại, truyền thuyết; huyền thoại

“女娲补天”、“夸父追日”等上古中华神话故事，生动展现了中华民族百折不挠、勇于同自然抗争的伟大开拓精神。

"Nǚ wā bǔ tiān", "Kuā fù zhuī rì" děng shàng gǔ zhōng huá shén huà gù shì, shēng dòng zhǎn xiàn le zhōng huá mín zú bǎi zhé bù nǎo, yǒng yǔ tóng zì rán kàng zhēng de wēi dà kāi tuò jīng shén.

Những câu chuyện thần thoại Trung Hoa cổ đại như "Nữ Oa vá trời", "Khóa Phụ đuổi mặt trời" thể hiện sinh động tinh thần khai phá vĩ đại kiên cường bất khuất, dám đấu tranh cùng thiên nhiên của dân tộc ta.

20 nét

HÁN VIỆT: THẦN THOẠI



HSK 4 (3.0)

Tính từ

#613

神秘

shén mì

thần bí, bí ẩn, huyền bí

深邃浩瀚的深海万米深渊与辽阔无垠的宇宙星空，始终对人类探索未知散发着神秘而巨大的吸引力。

Shēn suì hào hàn de shēn hǎi wàn mǐ shēn yuān yǔ liáo kuò wú yín de yǔ zhòu xīng kōng, shǐ zhōng duì rén lèi tàn suǒ wèi zhī sǎn fā zhe shén mì ér jù dà de xī yǐn lì.

Vực sâu vạn mét dưới đáy đại dương thăm thẳm cùng bầu trời sao vũ trụ bao la vô tận luôn tỏa ra sức hút thần bí và to lớn đối với hành trình thám hiểm những điều chưa biết của nhân loại.

20 nét

HÁN VIỆT: THẦN BÍ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#614

失败

shī bài

thất bại

俗话说“失败乃成功之母”，在科研探索中每一次失败都是通往真理的宝贵台阶。

Sú huà shuō "shī bài nǎi chéng gōng zhī mǔ", zài kē yán tàn suǒ zhōng měi yí cì shī bài dōu shì tóng wǎng zhēn lǐ de bǎo guì tái jiē.

Tục ngữ có câu 'Thất bại là mẹ thành công', trong hành trình nghiên cứu khoa học mỗi một lần vấp ngã đều là bậc thang quý giá dẫn tới chân lý đích thực.

28 nét

HÁN VIỆT: THẤT BẠI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#615

失望

shī wàng

thất vọng

尽管这次面试未能如愿入选，但他并未感到气馁失望，而是认真总结经验继续前行。

Jìn guǎn zhè cì miàn shì wèi néng rú yuàn rù xuǎn, dàn tā bìng wèi gǎn dào qì nǐ shī wàng, ér shì rèn zhēn zǒng jié jīng yàn jì xù qián xíng.

Dẫu buổi phỏng vấn lần này chưa được trúng tuyển như ý muốn, nhưng bạn ấy không hề nản lòng hay thất vọng mà nghiêm túc rút kinh nghiệm để vững bước tiến lên.

27 nét

HÁN VIỆT: THẤT VỌNG

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#616

失业

shī yè

thất nghiệp, mất việc làm

国家出台了一系列援企稳岗与职业技能培训补贴政策，有力保障了重点群体的就业稳定与失业兜底。

Guó jiā chū tái le yí xiè yuán tǐ wěn gǎng yǔ zhí yè jī néng péi xùn bǔ tiē zhèng cè, yǒu lì bǎo zhàng le zhòng diǎn qún tǐ de jiù yè wěn dìng yǔ shī yè dǒu dǐ.

Nhà nước đã ban hành một loạt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp giữ việc làm và trợ cấp đào tạo kỹ năng nghề, bảo đảm chắc chắn cho sự ổn định việc làm và an sinh cho người thất nghiệp của các nhóm đối tượng trọng điểm.

24 nét

HÁN VIỆT: THẤT NGHIỆP

HSK 4 (3.0)

Động từ

#617

诗

shī

thơ ca

老师鼓励大家积极诗，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shī, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thơ ca, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: THI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#618

诗人

shī rén

nhà thơ, thi nhân

唐代伟大浪漫主义诗人李白用豪放雄浑的瑰丽诗篇，描绘了祖国壮丽山河的磅礴气势与豪迈情怀。

Tǎng dài wēi dà làng mǎn zhǔ yì shī rén lǐ bái yòng háo fàng xióng hún de guī lì shī piān, miáo huì le zǔ guó zhuàng lì shān hé de páng bó qì shì yǔ háo mài qíng huái.

Nhà thơ thi nhân chủ nghĩa lãng mạn vĩ đại thời Đường Lý Bạch đã dùng những bài thơ tráng lệ hào sảng hùng hồn để miêu tả khí phách hào sảng và khí thế hùng vĩ của non lập biển của non sông gấm vóc Tổ quốc.

18 nét

HÁN VIỆT: THI NHÂN

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Động từ

#619

湿

shī

ẩm ướt, ướt át; làm ướt

经过一场及时的春雨滋润，湿润肥沃的土地上散发着泥土的清香，麦苗茁壮成长。

Jīng guò yí chǎng jí shí de chūn yǔ zī rùn, shī rùn féi wò de tǔ dì shàng sǎn fā zhe ní tǔ de qīng xiāng, mài miào zhuó zhuàng chéng zhǎng.

Trải qua sự tưới tắm của cơn mưa xuân kịp thời, trên mảnh đất phì nhiêu ẩm ướt tỏa ra mùi thơm trong lành của đất đai, mầm lúa mì sinh trưởng phát triển xanh tốt.

8 nét

HÁN VIỆT: THẤP

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#620

实施

shí shī

thực thi, triển khai thực hiện (chính sách, kế hoạch)

国家深入实施科教兴国战略、人才强国战略与创新驱动发展战略，加快推进高水平科技自立自强。

Guó jiā shēn rù shí shī kē jiào xīng guó zhàn lüè, rén cái qiáng guó zhàn lüè yǔ chuàng xīn qū dòng fā zhǎn zhàn lüè, jiā kuài tuī jìn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng.

Nhà nước đi sâu thực thi Chiến lược Đổi mới Thúc đẩy Phát triển, Chiến lược Phát triển Đất nước bằng Nhân tài cùng Chiến lược Trấn hưng Đất nước bằng Khoa học và Giáo dục, đẩy nhanh tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

25 nét

HÁN VIỆT: THỰC THI

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#621

实用

shí yòng

thực dụng, thiết thực, có tính ứng dụng cao

这款由高校创客团队自主设计的便携式水质快速检测仪体积小、操作简便且极其经济实用。

Zhè kuǎn yóu gāo xiào chuàng kè tuán duì zì zhǔ shè jì de biàn xié shí shuǐ zhì kuàng sù shì jiàn cè yí jī xī xiǎo qiǎo, cāo zuò jiǎn biàn qiē jí jī jīng jì shí yòng.

Thiết bị kiểm tra nhanh chất lượng nước cầm tay do nhóm sinh viên sáng chế đại học tự chủ thiết kế này có kích thước nhỏ gọn, thao tác dễ dàng và cực kỳ kinh tế, thiết thực trong đời sống.

24 nét

HÁN VIỆT: THỰC DỤNG



HSK 4 (3.0)

Danh từ

#622

食堂

shítáng

nhà ăn, căng tin ăn uống

大学校园智能学生营养食堂推行营养配餐与明厨亮灶，为广大学子提供了安全卫生、美味可口的饭菜。

Dà xué xiào yuán zhì néng xué yǎng shí táng yíng yǎng pèi cān yǔ míng chú liàng zào, wèi guāng dà xué zǐ tǐ gòng le ān quán wèi shēng, měi wèi kě kǒu de fàn cài.

Nhà ăn căng tin dinh dưỡng sinh viên thông minh trong khuôn viên trường đại học triển khai bếp ăn công khai và khâu phần dinh dưỡng khoa học, mang lại những bữa ăn thơm ngon hợp khẩu vị, vệ sinh và an toàn cho đồng đảo sinh viên.

25 nét

HÁN VIỆT: THỰC ĐƯỜNG

HSK 4 (3.0)

Động từ / Phó từ

#623

使劲

shǐjìn

dùng sức, dốc sức, gắng sức

在拔河比赛决胜局的关键时刻，全班同学齐心协力、使劲拉绳，终于勇夺全校总冠军。

Zài bá hé bǐ sài jué shèng jú de guān jiàn shí kè, quán bān tóng xué qí xīn xié lì, shǐ jìn lā shéng, zhōng yú yǒng duó quán xiào zǒng quán jūn.

Vào thời khắc then chốt của ván đấu quyết định trong trận thi kéo co, toàn thể các bạn học sinh trong lớp đồng tâm hiệp lực, dốc sức dùng sức kéo dây, cuối cùng đã xuất sắc giành ngôi quán quân toàn trường.

20 nét

HÁN VIỆT: SỬ KINH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#624

士兵

shì bīng

người lính, chiến sĩ, binh sĩ

边防哨所的年轻士兵在海拔五千余米的风雪高原界碑旁英勇巡逻，用青春热血誓死捍卫祖国每一寸神圣领土。

Biān fáng shào suǒ de nián qīng shì bīng zài hǎi bá wù qiān yú mǐ de fēng xuě gāo yuán jiè bēi páng yǐng yǒng xún luó, yòng qīng chūn rè xuè shì sǐ hàn wèi zú guó měi yī cùn shén shèng lǐng tǔ.

Những người lính trẻ của đồn biên phòng anh dũng đi tuần tra bên cột mốc biên giới nơi cao nguyên bão tuyết ở độ cao hơn 5.000 mét, dùng dòng máu nóng tuổi trẻ thể chết bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: SĨ BINH

HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#625

市区

shì qū

nội thành, khu vực nội đô thành phố

随着现代化轨道交通网络的延伸，从远郊生态科技园区前往核心市区只需要半小时。

Suí zhe xiàn dài huà guī dào jiāo tōng wǎng luò de yǎn shēn, cóng yuǎn jiāo shēng tài kē jì yuán qū qián wǎng hé xīn shì qū zhǐ xū yào bàn xiǎo shí.

Cùng với sự vươn dài của mạng lưới giao thông đường sắt hiện đại hóa, đi từ khu công viên khoa học công nghệ sinh thái ngoại ô xa tới khu vực nội đô thành trung tâm chỉ mất nửa tiếng đồng hồ.

21 nét

HÁN VIỆT: THỊ ÂU

HSK 4 (3.0)

Trợ từ

#626

似的

shì de

dường như, tựa như, như là (sau danh từ)

漫山遍野盛开的火红枫叶如同燃烧的熊熊晚霞似的，将秋日的大峡谷装点得格外壮美如画。

Màn shān biàn yě shèng kāi de huǒ hóng fēng yè rú tóng rán shāo de xióng xióng wǎn xiá shì de, jiāng qiū rì de dà xiá gǔ zhuāng diǎn dé gé wài zhuàng měi rú huà.

Khắp núi đồi bạt ngàn lá phong đỏ rực tựa như ánh sáng chiều cháy bỏng, điểm xuyết cho đại hẻm núi mùa thu trở nên tráng lệ vô cùng tựa bức tranh thủy mặc.

23 nét

HÁN VIỆT: TỰ ĐÍCH

HSK 4 (3.0)

Phó từ

#627

似乎

sì hū

dường như, dẫu như, có vẻ

漫步在晨雾缭绕的江南古镇石板小巷深处，时光在这里似乎慢了下来，宁静而悠远。

Màn bù zài chén wù liáo rào de jiāng nán gǔ zhèn shí bǎn xiǎo xiàng shēn chù, shí guāng zài zhè lǐ sì hū màn le xià lái, níng jìng ér yōu yuǎn.

Đạo bước sâu trong con ngõ nhỏ lát đá ngập tràn sương sớm của cổ trấn Giang Nam, thời gian nơi đây dường như trôi chậm lại, thanh bình và sâu lắng xa xăm.

26 nét

HÁN VIỆT: TỰ HỒ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#628

事物

shì wù

sự vật, việc, hiện tượng

勇于接纳并探索新生事物，始终保持敏锐的好奇心与求知欲，是青年科技人才不断开拓创新的源动力。

Yǒng yú jiē nà bìng tàn suǒ xīn shēng shì wù, shì zhōng bǎo chí mǐn ruì de hào qí xīn yǔ qiú zhī yù, shì qīng nián kē jì rén cái bù duàn kāi tuò chuàng xīn de yuán dòng lì.

Dũng cảm đón nhận và thám hiểm những sự vật hiện tượng mới mẻ, luôn giữ vững sự tò mò nhạy bén cùng khát khao học hỏi là nguồn động lực để các tài năng công nghệ trẻ không ngừng khai phá đổi mới.

20 nét

HÁN VIỆT: SỰ VẬT

HSK 4 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#629

事先

shì xiān

trước, từ trước, trước đó

开展大型复杂高危特种设备检修作业前，必须事先制定周密详实的应急处置预案并完成全员安全演练。

Kāi zhǎn dà xíng fù zá gāo wēi tè zhòng shè bēi jiū xiū zuò yè qián, bì xū shì xiān zhì dìng zhōu mì xiǎng shí de yìng jí chǔ zhì yàn àn bìng wán chéng quán yuán ān quán yǎn liàn.

Trước khi triển khai công tác bảo dưỡng thiết bị đặc chủng nguy hiểm cao phức tạp quy mô lớn, nhất thiết phải lập trước phương án xử lý tình huống khẩn cấp chu đáo chi tiết và hoàn thành diễn tập an toàn toàn bộ nhân viên.

23 nét

HÁN VIỆT: SỰ TIỀN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#630

试卷

shì juǎn

bài thi, đề thi, bài làm

高考全流程严格实行国家教育考试保密标准，确保试卷命题、印制、运送与评阅各个环节万无一失。

Gāo kǎo quán liú chéng yán gé shí xíng guó jiā jiào yù kǎo shì bǎo mì biāo zhǔn, què bǎo shì juǎn mìng tí, yìn zhì, yùn sòng yǔ píng yuē gè gè huán jié wàn wú yī shī.

Toàn bộ quy trình thi đại học quốc gia thực thi nghiêm ngặt tiêu chuẩn bảo mật thi cử quốc gia, bảo đảm các khâu ra đề thi, in ấn, vận chuyển và chấm thi tuyệt đối không một sai sót.

25 nét

HÁN VIỆT: THÍ CUỘN


HSK 4 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#631

是否

shì fǒu

liệu có... không, có hay không

在做重大临床用药方案决策前，主治医师必须全面评估患者是否存在过敏体质与药物禁忌。

Zài zuò chū zhòng dà lín chuáng yòng yào fāng àn jué cè qián, zhǔ zhì yī shī bì xū quán miàn píng gū huàn zhě shì fǒu cún zài guò mǐn tǐ zhì yǔ yào wù jìn jì.

Trước khi đưa ra quyết định phác đồ dùng thuốc lâm sàng trọng đại, bác sĩ điều trị chính nhất thiết phải đánh giá toàn diện xem người bệnh liệu có cơ địa dị ứng và các chống chỉ định thuốc hay không.

19 nét

HÁN VIỆT : THỊ PHỦ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#632

收回

shōu huí

lấy lại

老师鼓励大家积极收回，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shōu huí, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lấy lại, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT : THU HỒI

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#633

收获

shōu huò

thu hoạch, gặt hái; thành quả đạt được

一分耕耘，一分收获；经过数年如一日的潜心攻关，研发团队在深海机器人领域收获了丰硕的科研成果。

Yī fēn gēng yún, yī fēn shōu huò; jīng guò shù nián rú yí rì de qián xīn gōng guān, yán jiū tuán duì zài shēn hǎi jī qì rén lǐng yù shōu huò le fēng shuō de kē yán chéng guǒ.

Có công mài sắt có ngày nên kim, gieo hạt nào gặt quả nấy; trải qua bao năm miệt mài nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã gặt hái được những thành quả khoa học rực rỡ trong lĩnh vực robot biển sâu.

19 nét

HÁN VIỆT : THU HOẠCH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#634

收益

shōu yì

thu nhập, lợi nhuận, lợi ích kinh tế thu về

乡村通过发展现代设施农业、特色农产品深加工与乡村生态旅游，让广大群众切实分享到了产业链增值收益。

Xiāng cūn tōng guò fā zhǎn xiàn dài shè shī nóng yè, tè sè nóng chǎn pín shēn jiā gōng yǔ xiāng cūn shēng tài lǚ yóu, ràng guāng dà nóng mǐn qún zhòng qiè shí fēn xiāng dào le chǎn yè lián zēng zhí shōu yì.

Nông thôn thông qua việc phát triển du lịch sinh thái nông thôn, chế biến sâu nông sản đặc sản và nông nghiệp nhà kính hiện đại, đã giúp đông đảo bà con nông dân được chia sẻ thiết thực lợi ích kinh tế thu nhập gia tăng từ chuỗi ngành nghề.

21 nét

HÁN VIỆT : THU ÍCH

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#635

手工

shǒu gōng

thủ công, làm bằng tay; công việc thủ công

大国工匠凭借精湛绝伦的手工技艺，在微米级精度要求的航天发动机喷嘴上完成了超高精密装配。

Dà guó gōng jiàng píng jié jīng zhàn lún de shǒu gōng jì yì, zài wēi mǐ jī jīng dù yāo qiú de háng tiān fā dòng jī pēn zuǐ shàng wán chéng le chāo gāo jīng mì zhuāng pèi.

Nghệ nhân bậc thầy nước lớn dựa vào tay nghề thủ công làm bằng tay tuyệt đỉnh tinh xảo đã hoàn thành việc lắp ráp siêu chính xác trên vòi phun động cơ hàng không vũ trụ có yêu cầu độ chính xác cấp micromet.

27 nét

HÁN VIỆT : THỦ CÔNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#636

手里

shǒu lǐ

trong tay, nắm trong tay

关键核心技术是要不来、买不来、讨不来的，我们必须把科技发展的命脉牢牢掌握在自己手里。

Guān jiàn hé xīn jì shù shì yào bù lái, mǎi bù lái, tǎo bù lái de, wǒ men bì xū bǎ kē jì fā zhǎn de mìng mài láo láo wǎng zài zì jǐ shǒu lǐ.

Công nghệ lõi then chốt là thứ không thể đòi được, không thể mua được và không thể xin xỏ được, chúng ta bắt buộc phải nắm chắc huyết mạch phát triển khoa học công nghệ trong chính tay trong tay của bản thân mình.

21 nét

HÁN VIỆT : THỦ LÝ

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Động từ

#637

手术

shǒu shù

phẫu thuật, ca mổ

借助新一代超高清国产手术机器人辅助系统，外科专家团队成功完成了高难度的微创心脏搭桥手术。

Jiè zhù xīn yí dài chāo gāo qīng guó chǎn shǒu shù jī qì rén fǔ zhù xì tǒng, wài kē zhuān jiā tuán duì chéng gōng wán chéng le gāo nán dù de wēi创 chuāng xīn zàng dǎ qiáo shǒu shù.

Nhờ vào sự hỗ trợ của hệ thống robot phẫu thuật nội soi siêu nét thế hệ mới trong nước, đội ngũ chuyên gia ngoại khoa đã hoàn thành thành công ca phẫu thuật bắc cầu động mạch vành xâm lấn tối thiểu độ khó cao.

25 nét

HÁN VIỆT : THỦ THUẬT

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#638

手套

shǒu tāo

găng tay, bao tay

在严谨的高级别生物安全三级实验室内，科研人员必须全程严格规范穿戴特制防护手套与正压防护服。

Zài yán jǐn de gāo jí bié shēng ān quán sān jí shí yàn shì nèi, kē yán rén yuán bì xū quán chéng yán gé guī fàn chuān dài tè zhì fáng hù shǒu tāo yǔ zhèng yǎ fáng hù fú.

Bên trong phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp ba nghiêm ngặt, các nhà nghiên cứu bắt buộc phải mang găng tay bảo hộ đặc chế và mặc đồ bảo hộ áp lực dương chuẩn quy cách trong suốt toàn bộ quá trình.

23 nét

HÁN VIỆT : THỦ SÁO

HSK 4 (3.0)

Động từ

#639

守

shǒu

giữ, canh giữ, bám trụ bảo vệ; tuân thủ

边防战士长年累月默默坚守在风雪弥漫的崇山峻岭之巅，用青春和热血守卫着祖国的神圣边疆。

Biān fáng zhàn shì cháng nián lěi yuè mò mò jiān shǒu zài fēng xuě mí màn de chóng shān jùn lǐng zhī diǎn, yòng qīng chūn hé rè xuè shǒu wèi zhe zū guó de shén shèng biān jiāng.

Các chiến sĩ biên phòng năm này qua tháng khác âm thầm bám trụ kiên cường trên đỉnh núi non trùng điệp ngập tràn bão tuyết, dùng thanh xuân và máu nóng để giữ gìn canh giữ bảo vệ vùng biên cương thiêng liêng của Tổ quốc.

11 nét

HÁN VIỆT : THỦ

HSK 4
(3.0)Danh từ / Lượng từ /
Tính từ #640

首

shǒu

đầu tiên, đứng đầu; bài (thơ, bài hát - lượng từ)

在重大庆典仪式上，全体代表齐声高唱这首激昂雄壮的爱国主义赞歌，心潮澎湃。

Zài zhòng dà qīng diǎn yí shì shàng, quán tǐ dài biǎo qí shēng gāo chàng zhè shǒu jī áng xióng zhuàng de ài guó zhū yì zàn gē, xīn cháo péng pài.

Trong nghi lễ đại lễ trọng đại, toàn thể đại biểu cùng đồng thanh cất cao giọng hát vang bài hát ca ngợi chủ nghĩa yêu nước hào hùng vang dội này, tâm trạng dâng trào cảm xúc.

14 nét

HÁN VIỆT: THỦ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#641

受不了

shòu bù liǎo

không chịu nổi, không thể chịu được

炎炎盛夏如果室内没有通风设备和空调降温，那种闷热潮湿的气候实在让人感到受不了。

Yán yán shèng xià rú guǒ shì nèi méi yǒu tōng fēng shè bèi hé kōng tiáo jiàng wēn, nà zhǒng mēn rè cháo shī de qì hòu shí zài ràng rén gǎn dào shòu bù liǎo.

Giữa trưa hè oi ả nếu trong phòng không có quạt thông gió và điều hòa làm mát, cái cảm giác nực nóng ẩm thấp ấy thực sự khiến người ta không thể nào chịu nổi.

33 nét

HÁN VIỆT: THỌ BẤT LIỂU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#642

售货员

shòu huò yuán

nhân viên bán hàng, thu ngân

商场专柜那位热情的售货员不仅专业知识丰富，而且始终面带微笑、服务十分周到。

Shāng chǎng zhuān guā nà wèi rè qíng de shòu huò yuán bù jīn zhuān yè zhī shí fēng fù, ér qiě shǐ zhǒng miàn dài wēi xiào, fú wù shí fēn zhōu dào.

Người nhân viên bán hàng niềm nở tại quầy hàng trong trung tâm thương mại không chỉ am hiểu chuyên môn sâu mà lúc nào cũng nở nụ cười trên môi, phục vụ khách hàng vô cùng chu đáo.

30 nét

HÁN VIỆT: THỤ HOÁ VIÊN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#643

叔叔

shū shu

chú

张叔叔是我父亲三十多年的挚友，为人忠厚豁达，逢年过节都会来家中促膝长谈。

Zhāng shūshu shì wǒ fùqīn sānshí duō nián de zhīyǒu, wéirén zhōnghòu huòdá, féng nián guò jié dòu huì lái jiā zhōng cùxī chángtán.

Chú Trương là bạn thân tri kỷ hơn 30 năm của bố tôi, tính tình ôn hậu phóng khoáng, mỗi dịp lễ Tết đều ghé nhà cùng bố tôi trò chuyện thâu đêm.

26 nét

HÁN VIỆT: THÚC THÚC

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#644

舒适

shū shì

đễ chịu, thoải mái, tiện nghi

新型智能复兴号高铁动车组采用了全方位降噪减震技术与人体工学座椅，为旅客提供了极其舒适宁静的乘车体验。

Xīn xíng zhì néng fù xīng hào gāo tiě dòng chē zǔ cǎi yòng le quán fāng wèi jiàng nǎo jiǎn zhèn jì shù yǔ rén tǐ gōng xué zuò yǐ, wéi lǚ kè tí gòng le jí qí shū shì níng jìng de chéng chē tǐ yàn.

Đoàn tàu cao tốc thông minh thế hệ mới Phục Hưng áp dụng công nghệ giảm ồn giảm chấn toàn diện cùng ghế ngồi công thái học, mang lại cho hành khách trải nghiệm đi tàu vô cùng thoải mái và êm dịu.

26 nét

HÁN VIỆT: THƯ QUÁT

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#645

熟练

shú liàn

thành thạo, thuần thực, điêu luyện

高级技师凭借极其熟练精湛的手工装配微操技艺，将精密陀螺仪核心部件的装配公差控制在微米级以内。

Gāo jí jì shī píng jiè jí qí shú liàn jīng zhàn de shǒu gōng zhuāng pèi wéi cǎo jì yì, jiāng jīng mì tuó lúo yí hé xīn bù jiàn de zhuāng pèi gōng chā kòng zhì zài wēi mǐ jí yǐ nēi.

Kỹ thuật viên bậc cao nhờ vào tay nghề thao tác vi mô lắp ráp thủ công vô cùng thuần thực điêu luyện đã kiểm soát dung sai lắp ráp các linh kiện con quay hồi chuyển chính xác trong phạm vi micromet.

24 nét

HÁN VIỆT: THỰC LUYỆN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#646

暑假

shǔ jià

kỳ nghỉ hè, nghỉ hè

利用难得的大学暑假，许多青年学子积极参加乡村支教与基层社会实践调研活动。

Lì yòng nán de dà xué shǔ jià, xǔ duō qīng nián xué zǐ jī jī bào míng cān jiā xiāng cūn zhī jiào yǔ jī céng shè huì shí jiān diào yán huó dòng.

Tận dụng kỳ nghỉ hè nghỉ hè đại học quý giá, nhiều bạn sinh viên thanh niên đã tích cực đăng ký tham gia các hoạt động khảo sát thực tiễn xã hội cơ sở và dạy học hỗ trợ vùng nông thôn.

22 nét

HÁN VIỆT: THỬ GIẢ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#647

树林

shù lín

rừng cây, rặng cây

在国家级生态湿地公园茂密的防护树林深处，栖息着上百种珍稀濒危鸟类与野生动物。

Zài guó jiā jí shēng tài gōng yuán mào mì de fáng hù shù lín shēn chù, qī xī zhe shàng bǎi zhǒng zhēn xī bīn wēi niǎo lèi yǔ yě shēng dòng wù.

Nơi sâu thẳm trong rặng cây rừng cây phòng hộ rậm rạp của Công viên Đất ngập nước Sinh thái Cấp Quốc gia là nơi trú ngụ của hàng trăm loài động vật hoang dã và chim chóc quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

25 nét

HÁN VIỆT: THỤ LÂM

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#648

树叶

shù yè

lá cây, chiếc lá

金秋十月，漫山遍野的枫树叶被秋霜染成了绚丽如火的深红色，如诗如画、美不胜收。

Jīn qiū shí yuè, mǎn shān biàn yě de fēng shù yè bèi qiū shuāng rǎn chéng le xuàn lì rú huǒ de shēn hóng sè, rú shī rú huà, měi bù shèng shōu.

Tháng Mười mùa thu vàng, những chiếc lá cây lá phong khắp núi đồi được sương thu nhuộm thành màu đỏ thắm rực rỡ như lửa, đẹp tựa như thơ như họa, cảnh đẹp không sao xiết.

26 nét

HÁN VIỆT: THỤ HIỆP



HSK 4 (3.0)

Danh từ

#649

数据

shù jù

dữ liệu, số liệu

在大数据与人工智能驱动的科研范式中，海量高质量多模态科研数据成为了最核心的基础要素。

Zài dà shù jù yǔ rén gōng zhì néng qū dòng de kē yán fàn shì zhōng, hǎi liàng gāo zhì liàng duō mó tài kē yán shù jù chéng wéi le zuì hé xīn de jī chǔ yào sù.

Trong mô hình nghiên cứu khoa học được dẫn dắt bởi dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, nguồn dữ liệu nghiên cứu đa phương thức khổng lồ chất lượng cao đã trở thành yếu tố nền tảng cốt lõi nhất.

23 nét

HÁN VIỆT

SỐ CƯ

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#650

数码

shù mǎ

kỹ thuật số, số hóa (digital)

随着数码影像传感技术的飞跃发展，超亿像素全画幅微单相机在商业广告与风光摄影中得到广泛普及。

Suí zhāo shù mǎ yǐng xiàng chuán gǎn jī shù de fēi yuè fā zhǎn, chāo yì xiàng sù quán huà fú wēi dān xiàng jī zài shāng yè gǎng gào yǔ fēng guāng shè yǐng zhōng dé dào guǎng fàn pǔ jí.

Cùng với sự phát triển nhảy vọt của công nghệ cảm biến hình ảnh kỹ thuật số, máy ảnh không gương lật full-frame độ phân giải trên 100 triệu điểm ảnh đã được phổ biến rộng rãi trong quảng cáo và nhiếp ảnh phong cảnh.

26 nét

HÁN VIỆT

SỐ MÃ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#651

刷

shuā

bàn chải

养成每天早晚认真刷牙三分钟的良好卫生习惯，有助于长久保持口腔清洁与牙齿坚固。

Yǎng chéng měi tiān zǎo wǎn rèn zhēn shuā yá sān fēn zhōng de liáng hǎo yǎn xí guàn, yǒu zhù yú cháng jiǔ bǎo chí kǒu qiāng qīng jié yǔ yá chǐ jiāng gù.

Rèn luyện thói quen vệ sinh tốt đánh răng kỹ 3 phút mỗi sáng và tối giúp khoang miệng luôn sạch sẽ và răng chắc khỏe dài lâu.

13 nét

HÁN VIỆT

XOÁT

HSK 4 (3.0)

Động từ

#652

刷牙

shuā yá

đánh răng, chải răng

养成每天早晚坚持使用含氟牙膏认真刷牙三分钟的良好卫生习惯，能有效预防龋齿与口腔疾病。

Yǎng chéng měi tiān zǎo wǎn jiān chí shǐ yòng hán fú yá gāo rèn zhēn shuā yá sān fēn zhōng de liáng hǎo yǎn xí guàn, néng yǒu xiào yù fáng qǔ chǐ yǔ kǒu qiāng jí bìng.

Hình thành thói quen vệ sinh tốt kiên trì đánh răng chải răng cẩn thận ba phút bằng kem đánh răng có chứa fluor vào mỗi sáng và tối có thể phòng ngừa sâu răng và các bệnh răng miệng hiệu quả.

27 nét

HÁN VIỆT

XOÁT NHA

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#653

刷子

shuā zi

bàn chải, cái chổi cọ quét

文物保护修复专家手持柔软细密的特制羊毛刷子，极其轻柔细致地清理着千年青铜器表面的附着物。

Wén wù bǎo hù xiū fù zhuān jiā shǒu chí róu ruǎn xī mǐ de tè zhì yáng máo shuā zi, jí qí qīng róu xì zhì dì qīng lí zhe qiān nián qīng tóng qì biǎo miàn de fù zhuó wù.

Chuyên gia bảo tồn phục chế cổ vật tay cầm chiếc chổi cọ bàn chải lông cừu đặc chế mềm mại mịn màng, làm sạch các chất bám trên bề mặt đồ đồng ngàn năm một cách vô cùng nhẹ nhàng và tỉ mỉ.

24 nét

HÁN VIỆT

XOÁT TỬ

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#654

帅

shuài

đẹp trai

在面对复杂的挑战时，保持帅的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí Shuài de xīn tài yóu wéi zhòng yào. Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái đẹp trai đặc biệt quan trọng.

11 nét

HÁN VIỆT

SOÀI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#655

帅哥

shuài gē

anh chàng đẹp trai, soái ca, chàng trai khôi ngô

这位在国家科技攻关项目中表现优异的青年帅哥，不仅科研业务精湛，而且为人谦逊诚恳、乐于助人。

Zhè wèi zài guó jiā gōng guān xiàng mù zhōng biǎo xiàn yōu yí de qīng nián shuài gē, bù jǐn kē yán yè wù jīng zhàn, ér qiě wéi rén qiān xùn chéng kěn, lè yú zhù rén.

Anh chàng đẹp trai chàng trai khôi ngô trẻ tuổi có biểu hiện xuất sắc trong dự án vượt khó khoa học công nghệ quốc gia này không chỉ tinh thông nghiệp vụ nghiên cứu, mà còn khiêm tốn chân thành, nhiệt tình giúp đỡ mọi người.

24 nét

HÁN VIỆT

SOÀI CA

HSK 4 (3.0)

Động từ

#656

睡着

shuì zhāo

ngủ thiếp đi, ngủ say, chìm vào giấc ngủ

在连续奋战攻克核心算法代码后，极度疲惫的研究员趴在实验室办公桌上不知不觉睡着了。

Zài lián xù fèn zhàn gōng kè hé xīn suàn fǎ dài mǎ hòu, jí dù pí bèi de yán jiū yuán pā zài shí yàn shì bàn gōng zhuō shàng bù jiào bù jué shuì zhāo le.

Sau khi liên tục chiến đấu chinh phục mã lệnh thuật toán cốt lõi, người nghiên cứu viên vô cùng mệt mỏi đã gục đầu xuống bàn làm việc trong phòng thí nghiệm ngủ thiếp đi chìm vào giấc ngủ lúc nào không hay.

23 nét

HÁN VIỆT

THUY TRƯỚC

HSK 4 (3.0)

Động từ

#657

顺序

shùn xù

thứ tự, tuần tự, trật tự

在组装复杂的机械设备时，必须严格按照操作手册规定的先后顺序逐步安装。

Zài zǔ zhuāng fù zá de jī xié shè bèi shí, bì xū yán gē àn zhào cāo zuò shǒu cè guī dìng de xiān hòu shùn xù zhù bù ān zhuāng.

Khi lắp ráp các thiết bị cơ khí phức tạp, nhất định phải tuân thủ nghiêm ngặt thứ tự trước sau quy định trong sổ tay hướng dẫn để lắp từng bước.

19 nét

HÁN VIỆT

THUẬN TỰ



HSK 4 (3.0)

Phó từ

#658

说不定

shuō bu dīng

biết đâu chừng, có khi, không chừng

坚持每天在跨学科前沿领域阅读一篇最新顶刊论文，说不定哪天就能碰撞出颠覆性的原创灵感。

Jiān chí měi tiān zài kuà xué kē qián yán lǐng yú yuē dú yī piān zuì xīn dīng kǎn lùn wén, shuō bù dīng nǎ tiān jiù néng pèng chuàng chū diǎn fù xīng de yuán chuàng líng gǎn.

Kiên trì mỗi ngày đọc một bài báo khoa học mới nhất trên tạp chí đầu ngành liên ngành, biết đâu chừng ngày nào đó sẽ bùng sáng nên nguồn cảm hứng nguyên tác mang tính cách mạng.

29 nét

HÁN VIỆT: THUYẾT BẤT ĐỊNH

HSK 4 (3.0)

Động từ

#659

说服

shuō fú

thuyết phục

科研负责人用详实可靠的实验对照数据与严密的理论推演，成功说服了专家评审委员会批准该创新方案。

Kē yán fù zé rén yòng xiáng shí kěào de shí yàn duì zhào shù jù yǔ yán mì de lǐ lùn tuī yǎn, chéng gōng shuō fú le zhuan jia ping shen wei yuan hui pī zhǔn gāi chuàng xīn fāng àn.

Người phụ trách nghiên cứu bằng các số liệu thực nghiệm đối chứng tin cậy chi tiết và suy luận lý thuyết chặt chẽ đã thuyết phục thành công hội đồng thẩm định chuyên gia phê duyệt để án đổi mới này.

23 nét

HÁN VIỆT: THUYẾT PHỤC

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#660

思考

sī kǎo

suy nghĩ, tư duy, suy ngẫm

学而不思则罔，思而不学则殆；在获取海量信息的同时必须保持独立深入的批判性思考。

Xué ér bù sī zé wǎng, sī ér bù xué zé dài; zài huò qǔ hǎi liàng xìn xī de tóng shí bì xū bǎo chí dú lì shēn rù de pī pàn xìng sī kǎo.

Học mà không suy nghĩ thì mông lung, suy nghĩ mà không học thì nguy hại; trong khi tiếp nhận nguồn thông tin khổng lồ nhất thiết phải duy trì tư duy phản biện sâu sắc và độc lập.

20 nét

HÁN VIỆT: TƯ KHẢO

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ / Động từ

#661

松

sōng

cây thông; lỏng lẻo, lơ lửng; thả lỏng thư giãn

挺拔苍劲的青松傲立于黄山悬崖绝壁之上，展现出百折不挠、坚韧不拔的崇高气节与顽强生命力。

Tǐng bá cāng jīng de qīng sōng ào lì yú huáng shān xuán yá jué bì zhī shàng, zhǎn xiàn chū bǎi zhé bù náo, jiān rèn bù bá de chóng gāo qì jié yǔ wán qiáng shēng mìng lì.

Cây thông tùng bách xanh tươi sừng sững kiêu hãnh đứng trên vách đá cheo leo của Hoàng Sơn, phô diễn sức sống ngoan cường cùng khí tiết cao đẹp kiên định bất khuất trầm trạn không lùi bước.

14 nét

HÁN VIỆT: TÙNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#662

松树

sōngshù

cây thông

大雪压青松，青松挺且直；我们要学习松树在严寒风雪中依然坚毅挺拔的崇高品格。

Dà xuě yā qīng sōng, qīng sōng tǐng qiè zhí; wǒ men yào xué xī sōng shù zài yán hán fēng xuě zhōng yī rán jiān yì tǐng bá de chóng gāo pǐn gé.

Tuyết lớn đè thông xanh, thông xanh vẫn thẳng và vững chãi; chúng ta cần học tập phẩm chất cao đẹp của cây thông vẫn kiên cường đứng thẳng giữa bão tuyết giá rét.

28 nét

HÁN VIỆT: TÙNG THỤ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#663

塑料

sùliào

nhựa, chất dẻo

国家全面推广使用全生物可降解新型环保材料，有序替代传统难以降解的一次性不可降解塑料制品。

Guó jiā quán miàn tuī guǎng shǐ yòng quán shēng wù kě jiǎng jiě xīn xíng huán bǎo cái liào, yǒu xù tì dài chuán tǒng nán yǐ jiǎng jiě de yí cì xíng bù kě jiǎng jiě sù liào zhì pǐn.

Nhà nước nhân rộng toàn diện việc sử dụng vật liệu thân thiện môi trường kiểu mới có thể phân hủy sinh học hoàn toàn, thay thế có trật tự các sản phẩm nhựa đồ chất dẻo dùng một lần khó phân hủy truyền thống.

26 nét

HÁN VIỆT: TỔ LIỆU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#664

塑料袋

sù liào dài

túi ni-lông, túi nhựa

为了践行绿色低碳环保生活，前往超市购物时请自觉自备可重复使用的环保布袋，尽量减少使用一次性塑料袋。

Wèi le jiàn xíng lǜ sè dī tàn huán bǎo shēng huó, qián wǎng chāo shì gòu wù shí qīng zì jué zì bèi kě chóng fù shǐ yòng de huán bǎo bù dài, jìn liàng jiǎn shǎo shǐ yòng yí cì xíng sù liào dài.

Nhằm thực hành lối sống xanh giảm phát thải, khi đi siêu thị mua sắm bạn hãy tự giác mang theo túi vải thân thiện với môi trường có thể tái sử dụng, hạn chế tối đa dùng túi ni-lông dùng một lần.

35 nét

HÁN VIỆT: TỔ LIỆU ĐẠI

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#665

酸

suān

Axit

在面对复杂的挑战时，保持酸的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí suān de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Axit đặc biệt quan trọng.

8 nét

HÁN VIỆT: TOAN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#666

酸奶

suānnǎi

sữa chua, yaourt

早餐搭配一杯富含活性益生菌与优质蛋白质的低糖纯鲜酸奶，有助于促进肠道健康与营养吸收。

Zǎo cān dā pèi yí bēi fù hán huó xìng yǐ shēng jūn yǔ yōu zhì dàn bái zhǐ de dī táng chún xiān suān nǎi, yǒu zhù yú cù jìn cháng dào jiàn kāng yǔ yíng yǎng xī shōu.

Bữa sáng kết hợp một ly sữa chua tươi nguyên chất ít đường giàu protein chất lượng cao và lợi khuẩn probiotic hoạt tính giúp thúc đẩy hấp thụ dinh dưỡng và sức khỏe đường ruột.

21 nét

HÁN VIỆT: TOAN NẪI


HSK 4 (3.0)

Phó từ

#667

随手

suí shǒu

tiện tay, thuận tay làm gì đó

全社会大力倡导绿色低碳文明新风尚，引导广大公众养成随手关灯、垃圾分类与节约用水的良好生活习惯。

Quán shè huì dà lì chàng dǎo lǜ sè dī tàn wén míng xīn fēng shàng, yǐn dǎo guāng dà gōng zhòng yǎng chéng sù suí shǒu guān dēng, lā jī fēn lèi yǔ jié yuē yòng shuǐ de liáng hǎo shēng huó xí guàn.

Toàn xã hội ra sức đề xướng nếp sống văn minh xanh ít phát thải mới, dẫn dắt đông đảo công chúng hình thành thói quen sinh hoạt tốt đẹp thuận tay tiện tay tắt đèn, phân loại rác thải và tiết kiệm nước sinh hoạt.

22 nét

 HÁN VIỆT : **TUỶ THỦ**
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#668

孙女

sūn nǚ

cháu gái (con gái của con trai)

老院士慈祥地牵着聪明伶俐的小孙女的手漫步在校园里荫道上，脸上洋溢着幸福慈爱的笑容。

Lǎo yuán shì cí xiáng dì qiān zhe cōng míng líng lì de xiǎo sūn nǚ de shǒu màn bù zài xiào yuán yīn dào shàng, liǎn shàng yáng yǎng zhe xìng fú cí ài de xiào róng.

Vị viện sĩ lão thành hiền từ dắt tay cô cháu gái bé nhỏ thông minh lanh lợi dạo bước trên con đường rợp bóng cây trong khuôn viên trường, trên gương mặt ngập tràn nụ cười hiền hậu và hạnh phúc.

23 nét

 HÁN VIỆT : **TÔN NỮ**
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#669

孙子

sūn zǐ

cháu trai (cháu nội)

老两口退休后在乡间小院弄花种菜，闲暇时含饴弄孙，享受着孙子绕膝的天伦之乐。

Lǎo liǎng kǒu tuì xiū hòu zài xiāng jiān xiǎo yuàn nòng huā zhòng cài, xián xiá shí hán yí nòng sūn, xiǎng shòu zhe sūn zǐ rào xī de tiān lún zhī lè.

Hai cụ sau khi nghỉ hưu về căn nhà nhỏ nơi thôn quê trồng hoa tía rau, những lúc rảnh rỗi bồng bế cháu nhỏ, tận hưởng niềm hạnh phúc sum vầy cháu con quây quần.

24 nét

 HÁN VIỆT : **TÔN TRƯ**
HSK 4 (3.0)

Động từ

#670

缩短

suō duǎn

rút ngắn (thời gian, cự ly, khoảng cách)

全线开通运营的时速三百五十公里高速铁路，将两座特大城市之间的通勤通行时间大幅缩短至一小时以内。

Quán xiàn kāi tōng yùn yíng de shí sù sān bǎi wǔ shí gōng lǐ gāo sù tiě lù, jiāng liǎng zuò tè dà chéng shì zhī jiān de tōng qín tōng xíng shí jiān dà fú suō duǎn zhì yí xiǎo shí yǐ nèi.

Tuyến đường sắt cao tốc vận tốc 350 km/h được thông xe toàn tuyến đã rút ngắn mạnh mẽ thời gian đi lại giữa hai siêu đô thị xuống chỉ còn dưới 1 tiếng đồng hồ.

25 nét

 HÁN VIỆT : **SÚC ĐOÀN**
HSK 4 (3.0)

Động từ

#671

缩小

suō xiǎo

thu hẹp, thu nhỏ (khoảng cách, quy mô)

通过全面推进乡村振兴与产业对口帮扶，东西部地区之间的经济发展与公共服务差距正在持续缩小。

Tōng guò quán miàn tuī jìn xiāng jīng xīng cūn zhèn xīng yù chān yè duì kǒu bāng fú, dōng xī bù dì qū zhī jīn de jīng jì fā zhǎn yǔ gōng gòng gōng fú wù chāi jù zhèng zài chí xù suō xiǎo.

Thông qua việc đẩy mạnh toàn diện công cuộc chấn hưng nông thôn và hỗ trợ ghép đôi ngành nghề, khoảng cách phát triển kinh tế và dịch vụ công cộng giữa hai miền Đông - Tây đang không ngừng được thu hẹp.

24 nét

 HÁN VIỆT : **SÚC TIỂU**
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#672

台阶

tái jiē

bậc thang, nấc thang; lối thoát (tình huống khó xử)

沿着泰山十八盘陡峭崎岖的石砌台阶拾级而上，登临玉皇顶极目远眺，令人顿生一览众山小的豪迈情怀。

Yán zhe tài shān shí bā pán dǒu qiào qí qū de shí qī tái jiē shè jí ér shàng, dēng lín yù huáng dǐng jì mù yuǎn tiào, líng rén dùn shēng yí lǎn zhòng shān xiǎo de háo mài qīng huái.

Từng bước leo lên các bậc thang đá cheo leo uốn lượn nơi Mười Tám Bàn núi Thái Sơn, bước lên đỉnh Ngọc Hoàng phóng tầm mắt ra xa, trong lòng tức thì dâng trào niềm hào khí ngút ngàn non sông nhỏ bé dưới chân.

24 nét

 HÁN VIỆT : **ĐÀI GIAI**
HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#673

台上

táishang

trên sân khấu, trên bục giảng

当大国工匠走上领奖台上的那一刻，全场数千名科技工作者起立鼓掌，向楷模致以崇高的敬意。

Dāng dà guó gōng jiàng zǒu shàng lǐng jiǎng tái shàng de nà yí kè, quán chǎng shù qiān míng kē jì gōng zuò zhě qǐ lì gǔ zhǎng, xiàng kǎi mó zhī yǐ chóng gāo de jīng yì.

Vào khoảnh khắc nghệ nhân bậc thầy nước lớn bước lên trên bục giảng trên sân khấu nhận giải thưởng, hàng ngàn cán bộ khoa học công nghệ trong toàn khán phòng đã đứng dậy vỗ tay, nghiêng mình kính cẩn trước tấm gương sáng.

21 nét

 HÁN VIỆT : **ĐÀI THƯỜNG**
HSK 4 (3.0)

Động từ

#674

躺

tǎng

nằm, ngả lưng nằm

新时代青年决不能在过去的功劳簿上躺平懈怠，而要勇于迎接前沿科技攻关的新挑战。

Xīn shí dài qīng nián jué bù néng zài guò qù de gōng láo bù shàng tǎng píng xiè dài, ér yào yǒng yú yíng jiē qián yán kē jì gōng guān de xīn tiǎo zhàn.

Thanh niên thời đại mới tuyệt đối không được buông xuôi nằm yên nằm im lười nhác trên sổ ghi công lao trong quá khứ, mà phải can đảm đón nhận những thử thách mới của trận đánh vượt khó công nghệ tiên phong.

13 nét

 HÁN VIỆT : **THẰNG**
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#675

套餐

tàocān

suất ăn trọn gói, gói cước dịch vụ

学生营养餐厅推出了荤素搭配科学、热量均衡合理的平价特色爱心营养套餐，深受广大学子欢迎。

Xué shēng yíng yǎng cān tīng tuī chū le hūn sù dā pèi kē xué, rè liàng jiū héng hé lǐ de píng jià tè sè ài xīn yíng yǎng tài cān, shēn shòu guāng dà xué zǐ huān yíng.

Nhà ăn dinh dưỡng sinh viên đã cho ra mắt suất ăn trọn gói suất cơm dinh dưỡng tình yêu đặc sắc bình dân kết hợp khoa học giữa món mặn và chay, cân bằng calo hợp lý, được đông đảo học sinh đón nhận nồng nhiệt.

23 nét

 HÁN VIỆT : **SÁO XAN**



HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#676

特价

tè jià

giá đặc biệt, giá ưu đãi giảm giá

全民读书月期间，新华书店面向广大学生读者推出了经典科学人文著作特价优惠专场展销活动。

Quán mìn dú shū yuè qī jiān, xīn huá shū diǎn miàn xiàng guāng dà xué shēng dú zhě tuī chū le jīng diǎn kē xué rén wén zhuō zuò tè jià yōu huì zhǎn xiāng chāng zhǎn xiǎo huó dòng.

Trong Tháng Đọc sách Toàn dân, Nhà sách Tân Hoa đã cho ra mắt đợt triển lãm giảm giá ưu đãi giá đặc biệt chuyên để các tác phẩm nhân văn khoa học kinh điển dành cho đồng đạo bạn đọc học sinh sinh viên.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC GIÁ

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#677

特殊

tè shū

đặc biệt

在面对复杂的挑战时，保持特殊的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí tè shū de xīn tài yōu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái đặc biệt đặc biệt quan trọng.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC THÙ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#678

特征

tè zhēng

đặc trưng, dấu hiệu đặc thù

中国式现代化既有各国现代化的共同特征，更有基于自己国情的鲜明中国特色与中国气派。

Zhōng guó shì xiàn dài huà jì yǒu gè guó xiàn dài huà de gòng tóng tè zhēng, gèng yǒu jī yú zì jǐ guó qíng de xiǎn míng zhōng guó tè sè yǔ zhōng guó qì pài.

Hiện đại hóa kiểu Trung Quốc vừa mang những đặc trưng chung của hiện đại hóa ở các nước, lại vừa có nét đặc sắc Trung Hoa và phong thái Trung Hoa rõ nét dựa trên tinh hình thực tế của đất nước.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC CHINH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#679

提供

tí gòng

cung cấp, mang lại, hỗ trợ

本次创新创业孵化器平台将为入驻的青年科技初创团队提供全方位的免租办公场地与天使投资对接。

Bēn cì chuàng xīn chuàng yè huà qì qū wéi fù huà qì píng tái jiāng wèi rù zhù de qīng nián kē jì chū chuàng tuán duì tí gòng quán fāng wèi de miǎn zū bàn gōng chǎng dì yǔ tiān shǐ tóu zī duì jiē.

Nền tảng vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lần này sẽ cung cấp không gian làm việc miễn phí tiền thuê cùng cơ hội kết nối vốn đầu tư thiên thần toàn diện cho các nhóm công nghệ trẻ.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ CUNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#680

提醒

tí xǐng

nhắc nhở, lưu ý

乘务长通过广播温馨提醒各位乘客，下机前请仔细检查个人随身贵重物品以防遗落。

Chéng wù zhǎng tōng guo guǎng bō wēn xīn tí xǐng gè wèi chéng kè, xià jī qián qǐng zì xī jiǎn chá gè rén suí shēn guì zhòng wù pǐn yǐ fáng yí luò.

Tiếp viên trưởng qua hệ thống phát thanh đã ân cần nhắc nhở quý hành khách hãy kiểm tra kỹ đồ đạc tư trang quý giá trước khi rời máy bay để tránh bỏ quên.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ TỈNH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#681

体操

tǐ cāo

thể dục, môn thể dục dụng cụ

在世界体操锦标赛全能决赛中，我国青年健儿以一套行云流水、难度极高的动作勇夺世界冠军牌。

Zài shì jiè tǐ cāo jīn biāo sài quán néng jué sài zhōng, wǒ guó qīng nián jiàn ér yǐ yī tào xíng yún liú shuǐ, nán dù jí gāo de dòng zuò yǒng duó shì jiè jīn pái.

Trong trận chung kết toàn năng Giải Vô địch Thể dục Thể thao Dụng cụ Thế giới, vận động viên trẻ nước ta bằng một bài thi độ khó cực cao, uyển chuyển như mây trôi nước chảy đã xuất sắc đoạt huy chương vàng thế giới.

19 nét

HÁN VIỆT: THỂ THAO

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#682

体检

tǐ jiǎn

khám sức khỏe, kiểm tra thể lực

高校每年定期组织全体师生进行全面的免费健康体检，切实建立健全师生健康档案保障机制。

Gāo xiào měi nián dìng qī zī zhī quán tǐ shī shēng jìn xíng quán miǎn de miǎn fèi jiàn kāng tǐ jiǎn, qiè shí jiàn lì jiàn quán shī shēng jiàn kāng dǎng àn bǎo zhàng jī zhì.

Trường đại học định kỳ tổ chức khám sức khỏe kiểm tra thể lực miễn phí toàn diện cho toàn thể thầy cô và học sinh hàng năm, xây dựng hoàn thiện thiết thực cơ chế bảo đảm hồ sơ sức khỏe cho giáo viên và sinh viên.

22 nét

HÁN VIỆT: THỂ KIỂM

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#683

体重

tǐ zhòng

trọng lượng cơ thể, cân nặng

坚持科学膳食搭配与规律体育运动，能够将成年人体重与血脂率长期保持在健康的理想标准范围内。

Jiān chí kē xué shàn shí dài pèi yù yǐ guī lǜ tǐ yù yùn dòng, néng gòu jiāng chéng nián rén tǐ zhòng yǔ lí zhǐ lǜ cháng qī bǎo chí zài jiàn kāng de lǐ xiǎng biāo zhǔn fàn wéi nèi.

Kiên trì vận động thể thao đều đặn và kết hợp khẩu phần ăn khoa học có thể duy trì cân nặng trọng lượng cơ thể và tỷ lệ mỡ cơ thể của người trưởng thành lâu dài trong phạm vi tiêu chuẩn lý tưởng khỏe mạnh.

17 nét

HÁN VIỆT: THỂ TRÙNG

HSK 4 (3.0)

Giới từ / Động từ

#684

替

tì

thay, thay cho, thay thế; hộ giúp

看到青年科研骨干攻克了重大卡脖子技术难关，老院士由衷地替年轻一代感到骄傲与欣慰。

Kǎn dào qīng nián kē yán gǔ gàn gōng kè le zhòng dà qiā bó zǐ jī shù nán guān, lǎo yuàn shì yóu zhōng dì tì nián qīng yí dài gǎn dào jiāo ào yǔ xīn wèi.

Nhìn thấy các cán bộ nghiên cứu khoa học cốt cán trẻ tuổi chinh phục được ải khó công nghệ nghẽn cổ chai trọng đại, vị viện sĩ lão thành từ đáy lòng cảm thấy vô cùng tự hào và an ủi thay cho thế hệ trẻ.

13 nét

HÁN VIỆT: THẾ



HSK 4 (3.0)

Động từ

#685

替代

tìdài

thay thế, thế chỗ

我国完全自主研发的新型高分子环保合成材料，顺利实现了对传统进口工业原材料的全面自主替代。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn xíng gāo fēn zǐ huán bǎo hé chéng cái liào, shùn lì shí xiàn le duì chuán tǒng jìn kǒu gōng yè yuán cái liào de quán miàn zì zhǔ tì dài.

Vật liệu tổng hợp thân thiện môi trường đại phân tử (polymer) kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã thực hiện thành công việc tự chủ thay thế toàn diện đối với các nguyên liệu công nghiệp truyền thống nhập khẩu.

21 nét

HÁN VIỆT: THẾ ĐẠI

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#686

天真

tiān zhēn

ngây thơ, hồn nhiên, trong sáng

幼儿园操场上传来孩子们无忧无虑的银铃般笑声，那一双双纯净天真的大眼睛里闪烁着对世界的好奇。

Yòu ér yuán cǎo chǎng chuān lái hái zǐ men wú yōu wú lǜ de yīn líng bān xiào shēng, nà yī shuāng shuāng chún jīng tiān zhēn de dà yǎn jīng lǐ shǎn shuò zhe duì shì jiè de hào qí.

Trên sân chơi trường mầm non vang lên tiếng cười giòn giã như chuông bạc vô tư lý của con trẻ, những đôi mắt to tròn ngây thơ trong sáng ánh lên niềm hiếu kỳ vô tư thế giới xung quanh.

24 nét

HÁN VIỆT: THIÊN CHÂN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#687

填

tián

điền vào (mẫu đơn); lấp đầy (hố)

在申报国家重大科技创新专项基金时，请严格按照申报指南要求详实完整地填报各项科研数据。

Zài shēn bào guó jiā zhòng dà kē jì chuàng xīn zhuān xiàng jī jīn shí, qǐng yán gé àn zhào shēn bào zhǐ nán yào qiú xiáng shí wán zhěng dì tián bào gē xiàng kē yán shù jù.

Khí đăng ký Quỹ Chuyên án Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Trọng đại Quốc gia, xin vui lòng điền vào khai báo đầy đủ và chi tiết xác thực các số liệu nghiên cứu khoa học đúng theo yêu cầu của bản hướng dẫn đăng ký.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀN

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#688

填空

tiánkòng

điền vào chỗ trống, bài tập điền khuyết

在国际中文水平等级测评中，考生需要根据上下文语境准确完成词汇与语法填空题目。

Zài guó jì zhōng wén shuǐ píng děng jí cè píng zhōng, kǎo shēng xū yào gēn jù shàng xià wén yǔ jīng zhǔn què wán chéng cí huì yǔ yǔ fǎ tián kòng tí mù.

Trong kỳ thi đánh giá trình độ Hán ngữ quốc tế, thí sinh cần căn cứ vào ngữ cảnh ngữ cảnh câu văn để hoàn thành chuẩn xác các câu hỏi bài tập điền vào chỗ trống điền khuyết ngữ pháp và từ vựng.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀN KHÔNG

HSK 4 (3.0)

Động từ

#689

挑

tiāo

chọn lựa, tuyển chọn; gánh vác

新时代青年科技骨干要勇挑重担、敢啃硬骨头，在科技强国建设征程中勇攀世界科学高峰。

Xīn shí dài qīng nián gǔ gàn yào yǒng tiāo zhòng dàn, gǎn kǎn yìng gǔ tóu, zài kē jì qiáng guó jiàn shè zhēng chéng zhōng yǒng pān shì jiè kē xué gāo fēng.

Cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới cần dũng cảm gánh vác việc lớn, dám gặm những miếng xương khó khăn, dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học thế giới trên hành trình xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

8 nét

HÁN VIỆT: KHIÊU

HSK 4 (3.0)

Động từ

#690

挑选

tiāoxuǎn

tuyển chọn, lựa chọn kỹ càng

国家航天员选拔中心严格按照生理、心理和专业综合指标，精心挑选出了新一批优秀青年预备航天员。

Guó jiā háng tiān yuán xuǎn bá zhōng xīn yán gé àn zhào shēng lǐ, xīn lǐ hé zhuān yè zōng hé zhǐ biāo, jīng xīn tiāo xuǎn chū le xīn yī pī yōu xiù qīng nián yù bèi háng tiān yuán.

Trung tâm Tuyển chọn Phi hành gia Quốc gia căn cứ nghiêm ngặt theo các chỉ tiêu tổng hợp chuyên môn, tâm lý và sinh lý đã cẩn thận lựa chọn tuyển chọn kỹ càng ra đời phi hành gia dự bị thanh niên xuất sắc mới.

20 nét

HÁN VIỆT: KHIÊU TUYỂN

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Động từ

#691

挑战

tiǎo zhàn

thách thức, thử thách; khiêu chiến

面对深海超高压、强腐蚀与完全无光的极限挑战，我国万米载人潜水器成功创造了世界深潜新纪录。

Miàn duì shēn hǎi chāo gāo yā, qiáng fù shí yǔ wán quán wú guāng de jí xiàn tiǎo zhàn, wǒ guó wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì chéng gōng chuàng zào le shì jiè shēn qián xīn jì lù.

Đứng trước những thách thức cực hạn của biển sâu như áp suất siêu cao, độ ăn mòn cực mạnh và bóng tối đen đặc hoàn toàn, tàu lặn có người lái vạn mét của nước ta đã lập nên kỷ lục lặn sâu mới của thế giới.

19 nét

HÁN VIỆT: KHIÊU CHIẾN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#692

贴

tiē

đán

老师鼓励大家积极贴，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极贴，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tiē, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì. Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tiē, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực dán, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: THIẾP

HSK 4 (3.0)

Động từ

#693

停下

tíngxià

dừng lại, ngừng lại

尽管科学探索的道路充满未知与坎坷，但广大科研人员探索真理的坚实步伐从未停下。

Jìn guǎn kē xué tàn sù de dào lù chōng mǎn wèi zhī yǔ kǎn kě, dàn guǎng dà kē yán yǎn yuán tàn sù zhēn lǐ de jiǎn shí bù fá cóng wèi tíng xià.

Dẫu con đường thám hiểm khoa học ngập tràn chông gai và những điều chưa biết, nhưng bước chân vững chắc khám phá chân lý của đồng đội cán bộ nghiên cứu khoa học chưa bao giờ ngừng lại dừng lại.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH HẠ


HSK 4 (3.0)

Danh từ

#694

通知书

tōngzhīshū

giấy thông báo, giấy báo (trúng tuyển/nhập học)

当在偏远山村苦读十二载的青年学子收到名牌大学录取通知书的那一刻，全家人激动得热泪盈眶。

Dāng zài piǎn yuǎn shān cūn kǔ dú shí èr zǎi de qīng nián xué zǐ shòu dào míng pái dà xué lù qǔ tōng zhī shū de nà yí kè, quán jiā rén jī dòng dé rè lèi yíng kuàng.

Vào khoảng khắc người học sinh thanh niên miệt mài học tập suốt mười hai năm nơi làng quê vùng núi xa xôi nhận được giấy báo trúng tuyển giấy thông báo nhập học của trường đại học danh tiếng, cả gia đình đã xúc động rưng rưng nước mắt.

30 nét

HÁN VIỆT : THÔNG TRI THƯ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#695

同情

tóng qíng

đồng cảm, thông cảm, xót thương

面对遭遇重大自然灾害不幸受灾的灾区群众，社会各界纷纷伸出援助之手并给予深切的同情与关怀。

Miàn duì zǎo yù zhòng dà zì rán zāi hài bù xīng shòu zāi de zāi qū qún zhòng, shè huì gè jiē fēn fēn shēn chū yuán zhù zhǐ shòu bīng jī yǔ shēn qiè de tóng qíng yǔ guān huái.

Trước nỗi mất mát của bà con vùng lũ lụt không may gặp thảm họa thiên tai, các tầng lớp xã hội đều dang tay cứu trợ và dành trọn niềm cảm thông, sẻ chia sâu sắc.

21 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG TÌNH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#696

童话

tóng huà

truyện cổ tích, thế giới thần tiên cổ tích

冬日里的九寨沟瀑布凝结成晶莹剔透的天然巨型蓝色冰瀑群，银装素裹宛如梦幻般的童话冰雪世界。

Dōng rì lǐ de jiǔ zǎi gǔ pù bù níng jié chéng jīng tōng tǐ yù de tiān rán jù xíng lán sè bīng pù qún, yín zhuāng sù guǒ wǎn rú mèng huàn bān de tóng huà bīng xuě shì jiè.

Các thác nước Cửu Trại Câu vào mùa đông đóng băng kết tinh thành quần thể thác băng màu xanh biếc tự nhiên khổng lồ trong veo óng ánh, khoác lên mình màu áo tuyết bạc trắng ngấn tựa như thế giới băng tuyết truyện cổ tích huyền ảo.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG THOẠI

HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#697

童年

tóngnián

tuổi thơ, thời thơ ấu

童年时期仰望星空时产生的强烈好奇心，点燃了他长大后立志投身深空天文探索的科学梦想。

Tóng nián shí qī yǎng wàng xīng kōng shí chǎn shēng de qiáng liè hào qí xīn, diǎn rán le tā zhǎng dà hòu lì zhì tóu shēn shēn kōng tiān wén tàn sù de kē xué mèng xiǎng.

Trí tò mò mãnh liệt nảy sinh khi ngược nhìn bầu trời sao thuở tuổi thơ thời thơ ấu đã thấp sáng ước mơ khoa học lập chí cống hiến cho thám hiểm thiên văn không gian sâu khi anh lớn lên.

21 nét

HÁN VIỆT : ĐỒNG NIÊN

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#698

统计

tǒng jì

thống kê, số liệu thống kê

国家统计局发布的宏观经济运行数据显示，我国高技术制造业投资与新能源装备出口实现了强劲高速增长。

Guó jiā tǒng jì jú fā bù de máo jīng jī yùn xíng shù jù xiǎn shì, wǒ guó gāo jì shù zhì zào yè tóu zī yǔ xīn néng yuán zhuāng bèi chū kǒu shí xiàn le qiáng jīng gāo sù zēng zhǎng.

Số liệu thống kê vận hành kinh tế vĩ mô do Cục Thống kê Quốc gia công bố cho thấy, xuất khẩu trang thiết bị năng lượng mới cùng đầu tư ngành sản xuất chế tạo công nghệ cao của nước ta đã đạt mức tăng trưởng cao tốc mạnh mẽ.

25 nét

HÁN VIỆT : THỐNG KẾ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#699

统一

tǒng yī

thống nhất, đồng bộ, nhất thể hóa

加快建设全国统一大市场，能够坚决打破地方保护与市场分割，促进各类要素资源高效自由流动。

Jiǎ kuài jiàn shè quán guó tǒng yī dà shì chǎng, néng gòu jiǎn jué dǎ pò dì fāng bǎo hù yǔ shì chǎng fēn gē, cù jìn gè lèi yào sù zī yuán gāo xiào zì yóu liú dòng.

Đẩy nhanh xây dựng thị trường thống nhất lớn toàn quốc có thể kiên quyết xóa bỏ tư duy bảo hộ địa phương và chia cắt thị trường, thúc đẩy các yếu tố tài nguyên lưu chuyển tự do hiệu quả cao.

26 nét

HÁN VIỆT : THỐNG NHẤT

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#700

痛快

tòng kuài

sảng khoái, thỏa thích; dứt khoát, hào sảng

在炎炎夏日畅饮一杯清凉解渴的冰镇酸梅汤，那种从头到脚的清凉感真是痛快极了。

Zài yán yán xià rì chàng yǐn yí bēi qīng liáng jiě kě de bīng zhèn suān méi tāng, nà zhǒng cóng tóu dào jiǎo de qīng liáng gǎn zhēn shì tòng kuài jí le.

Giữa trưa hè oi ả uống một ly nước mơ chua ướp lạnh giải khát mát rượi, cảm giác mát lạnh thấu từ đầu đến chân ấy thật là sảng khoái khôn cùng.

23 nét

HÁN VIỆT : THỐNG KHOÁI

HSK 4 (3.0)

Động từ

#701

投

tóu

ném, quăng; bỏ phiếu; đầu tư; đầu quân

青年学者满怀科技报国热情，毅然投身到国家前沿大科学装置的建设与科研攻关事业之中。

Qīng nián xué zhě mǎn huái kē jì bào guó rè qíng, yì rán tóu shēn dào guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì de jiàn shè yǔ kē yán gōng guān shì yè zhī zhōng.

Người học giả trẻ tuổi tràn đầy nhiệt huyết dùng khoa học phụng sự Tổ quốc, đã kiên quyết đầu quân dẫn thân vào sự nghiệp vượt khó nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học lớn tiền phong của đất nước.

10 nét

HÁN VIỆT : ĐẦU

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#702

投入

tóu rù

đầu tư, đưa vào sử dụng; dồn tâm huyết

国家持续大幅加大基础研究财政经费投入力度，全面支持青年科学家开展自由探索式前沿创新研究。

Guó jiā chí xù dà fú jiā dà jī chǔ yán jiū cái zhèng jīng fèi tóu rù lì dù, quán miàn zhī chí qīng nián kē xué jiā kāi zhǎn zì yóu tàn sù shì qián yán chuàng xīn yán jiū.

Nhà nước liên tục tăng cường mạnh mẽ mức độ đầu tư kinh phí tài chính cho nghiên cứu cơ bản, hỗ trợ toàn diện các nhà khoa học trẻ triển khai các nghiên cứu đổi mới sáng tạo tiên phong theo phương thức tự do tìm tòi.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐẦU NHẬP



HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#703

投诉

tóusù

kh khiếu nại, phản ánh tố cáo

政务服务便民热线全面落实闭环办理机制，做到了群众诉求与投诉件件有回音、事事有落实。

Zhèng wù fú wù biàn mín ré xiàn quán miàn luò shí bì huán bàn lì jī zhì, zuò dào le qún zhòng sù qiú yǔ tóu sù jiàn jiàn yǒu huí yīn, shì shì yǒu luò shí.

Đường dây nóng phục vụ tiện dân hành chính công triển khai toàn diện cơ chế giải quyết khép kín, thực hiện việc mọi phản ánh và khiếu nại tố cáo của quần chúng đều có phản hồi hồi âm, mọi việc đều được giải quyết thực chất.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐẤU TỐ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#704

投资

tóu zī

đầu tư, nguồn vốn đầu tư

国家持续加大对量子科技、人工智能与生命健康等关键基础前沿领域的长期战略性研发投入。

Guó jiā chí xù jiā dà duì liàng zǐ kē jì, rén gōng zhì néng yǔ shēng mìng jiàn kāng děng guān jiàn yī chǔ qián yán lǐng yǔ de cháng qī zhàn lüè xīng yán fā tóu zī.

Nhà nước liên tục tăng cường nguồn vốn đầu tư nghiên cứu phát triển chiến lược lâu dài đối với các lĩnh vực mũi nhọn nền tảng then chốt như công nghệ lượng tử, trí tuệ nhân tạo và sức khỏe sự sống.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẦU TƯ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Tính từ / Phó từ

#705

透

tòu

xuyên qua, thấu qua; thấu suốt, kỹ càng; hoàn toàn

科学家在研究复杂物理规律时必须抓住本质、想深想透，绝不能浅尝辄止。

Kē xué jiā zài yán jiū fù zá wù lǐ guī lǜ shí bì xū zhuā běn zhì, xiǎng shēn xiǎng tòu, jué bù néng qiǎn cháng zhé zhǐ.

Các nhà khoa học khi nghiên cứu quy luật vật lý phức tạp bắt buộc phải nắm chắc bản chất, suy nghĩ sâu sắc thấu suốt kỹ càng, tuyệt đối không được hời hợt chuồn chuồn đập nước.

11 nét

HÁN VIỆT: THẤU

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#706

透明

tòu míng

trong suốt; minh bạch, công khai

推进阳光政务要求各项行政审批与财政预算分配全流程公开透明，依法自觉接受社会公众监督。

Tuī jìn yáng guāng zhèng wù yào qiú gè xiàng xíng zhèng shěn pī yǔ cái zhèng yù suàn fēn pèi quán liú chéng gōng kāi tòu míng, yī fǎ zì jué jiē shòu shè huì gōng zhòng jiān dū.

Thúc đẩy nền hành chính công khai minh bạch đòi hỏi toàn bộ quy trình thẩm định hành chính và phân bổ ngân sách tài chính phải công khai minh bạch, tự giác chịu sự giám sát của công chúng xã hội theo quy định pháp luật.

21 nét

HÁN VIỆT: THẤU MINH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#707

图案

tú àn

hoa văn, họa tiết hoa văn trang trí

出土汉代织锦“五星出东方利中国”上织绣着云气、神兽与星宿交织的华美吉祥图案，承载着深厚的中华文明密码。

Chū tǔ hàn dài zhī jīn "wǔ xīng chū dōng fāng lì zhōng guó" shàng zhī xiù zhe yún qì, shén shòu yǔ xīng xiù jiāo zhī de huá měi jí xiāng tú àn, chéng zài zhe shēn hòu de zhōng huá wén míng mǐ mǎ.

Tấm gấm dệt thời Hán 'Ngũ tinh xuất phương Đông lợi Trung Quốc' khai quật được thêu dệt những họa tiết hoa văn cát tường lộng lẫy đan xen giữa các vì tinh tú, thần thú và mây lành, gánh vác mật mã văn minh Trung Hoa thâm hậu.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỒ ÁN

HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Thời gian

#708

途中

tú zhōng

trên đường đi, dọc đường, giữa chừng

在远赴青藏高原开展地质考察的行程途中，科考队员们克服高原反应、严谨采集各类岩石标本。

Zài yuǎn fù qīng zàng gāo yuán kāi zhǎn dì zhì kǎo chá de xíng chéng tú zhōng, kē kǎo duì yuán men kè fú gāo yuán fǎn yīng, yán jǐn cái jí gè lèi yán shí biāo běn.

Trên hành trình dọc đường trên đường đi xa tới cao nguyên Thanh Tạng để triển khai khảo sát địa chất, các đội viên khảo sát khoa học đã khắc phục phản ứng say độ cao, thu thập cẩn thận chuẩn xác các loại mẫu vật đất đá.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐỒ TRUNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#709

土地

tǔ dì

đất đai, thổ nhưỡng, đất

严守十八亿亩耕地红线，实行最严格的耕地保护制度，坚决守好我们赖以生存的宝贵土地资源。

Yán shǒu shí bā yì mǔ gēng dì hóng xiàn, shí xíng zuì yán gé de gēng dì bǎo hù zhì dù, jiān jué shǒu hǎo wǒ men lài yǐ shēng cún de bǎo guì tǔ dì zī yuán.

Giữ vững nghiêm ngặt lằn ranh đỏ 1,8 tỷ mẫu đất canh tác, thực thi chế độ bảo vệ đất canh tác nghiêm ngặt nhất, kiên quyết giữ trọn nguồn tài nguyên đất đai quý giá để sinh tồn của chúng ta.

21 nét

HÁN VIỆT: THỔ ĐỊA

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#710

推迟

tuī chí

hoãn lại, lùi lại (thời gian)

由于受突发台风雨暴恶劣天气影响，原定于今晚在户外体育场举行的群星演唱会将推迟至下周末举行。

Yóu yú shòu tū fā tái fēng bào yǔ è liè tiān qì yǐng xiǎng, yuán dìng yú jīn wǎn zhī hù wài tǐ yù chǎng jǔ xíng de qún xīng yǎn chāng huì jiāng tuī chí zhì xià zhōu mò jǔ xíng.

Do ảnh hưởng của thời tiết mưa bão khốc nghiệt bất ngờ ập đến, đêm nhạc hội quy tụ dàn sao dự kiến diễn ra tối nay tại sân vận động ngoài trời sẽ được hoãn sang cuối tuần tới.

24 nét

HÁN VIỆT: SUY TRÌ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#711

推销

tuī xiāo

chào hàng, tiếp thị bán sản phẩm; quảng bá

乡村青年电商主播通过高清数字化直播带货平台，热情向全国数以亿计的网友推销大山深处的优质绿色农特产品。

Xiāng cūn qīng nián diǎn shǔ zhǔ bō tōng guò gāo qīng shù zì huà zhí bō dài huò píng tái, rè qíng xiàng quán guó shù yǐ jì de wǎng yǒu tuī xiāo dà shān shēn chù de yōu zhì lǜ sè nóng tè chǎn pǐn.

Các bạn trẻ dẫn chương trình thương mại điện tử nông thôn thông qua nền tảng phát sóng trực tiếp bán hàng kỹ thuật số độ nét cao đã nhiệt tình tiếp thị chào hàng những nông sản đặc sản xanh chất lượng cao sâu trong lòng núi tới hàng trăm triệu cư dân mạng trên cả nước.

21 nét

HÁN VIỆT: SUY TIÊU



HSK 4 (3.0)

Động từ

#712

脱

tuō

cởi (quần áo, giày dép), thoát khỏi

从寒冷的室外进入暖气充足的室内后，大家纷纷脱下厚重的防寒外套。

Cóng hán lěng de shì wài jìn rù nuǎn qì chōng zú de shì nèi hòu, dà jiā fēn fēn tuō xià hòu zhòng de fáng hán wài tào.

Từ ngoài trời giá rét bước vào căn phòng ấm áp đầy đủ lò sưởi, mọi người đều cởi bỏ chiếc áo khoác mùa đông dày cộm ra cho thoải mái.

13 nét

HÁN VIỆT · THOÁT

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#713

袜子

wà zi

tất, vớ

在严寒冬日外出户外徒步登山时，穿上一双加厚保暖吸汗的优质羊毛袜子十分必要。

Zài yán hán dōng rì wài chū hù wài tú bēng shān shí, chuān shàng yí shuāng jiā hòu bǎo nuǎn xī hàn de yōu zhì yáng máo wǎ zi shí fēn bì yào.

Khi đi dã ngoại leo núi ngoài trời vào những ngày đông giá rét, việc mang một đôi tất len cừu dày giữ ấm và thấm mồ hôi tốt là hết sức cần thiết.

19 nét

HÁN VIỆT · VẬT TỬ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#714

外汇

wàihuì

ngoại hối, dự trữ ngoại hối

我国外汇储备规模长期稳定在三万亿美元以上，为维护国家金融安全与国际收支平衡提供了坚实盾牌。

Wǒ guó wàihuì chǔ bèi guī mó cháng qī wěn dìng zài sān wàn yì měi yuán yǐ shàng, wéi wéi hù guó jiā jīn róng ān quán yǔ guó jì shōu zhī píng héng tí gòng le jiān shí dùn pái.

Quy mô dự trữ ngoại hối của nước ta duy trì ổn định lâu dài ở mức trên 3 nghìn tỷ đô la Mỹ, mang lại tầm khiên lá chắn vững chắc cho việc bảo vệ cân bằng cán cân thanh toán quốc tế và an ninh tài chính quốc gia.

22 nét

HÁN VIỆT · NGOẠI HỘI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#715

外交官

wàijiāoguān

nhà ngoại giao, quan chức ngoại giao

我国优秀青年外交官在联合国多边国际舞台上从容自信发声，坚定维护国家主权、安全与发展利益。

Wǒ guó yōu xiù qīng nián wàijiāo guān zài lián hé guó duō biān guó jì wú tái shàng cǒng róng zì xìn fā shēng, jiǎn dìng wéi hù guó jiā zhǔ quán, ān quán yǔ fā zhǎn lì yì.

Những nhà ngoại giao thanh niên xuất sắc của nước ta trên vũ đài quốc tế đa phương Liên Hợp Quốc đã tự tin ung dung lên tiếng, kiên định giữ gìn và bảo vệ lợi ích phát triển, an ninh và chủ quyền quốc gia.

29 nét

HÁN VIỆT · NGOẠI GIAO QUAN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#716

外套

wàitào

áo khoác, áo choàng ngoài

初冬时节早晚温差较大，出门开展野外科研考察时请务必备好防风保暖的专业冲锋衣外套。

Chū dōng shí jié zǎo wǎn wēn chà jiào dà, chū mén kāi zhǎn yě wài kǎo chá shí qīng wù bì bēi hǎo fáng fēng bǎo nuǎn de zhuān yè chōng fēng yī wài tào.

Vào tiết đầu đông độ chênh lệch nhiệt độ sáng tối tương đối lớn, khi ra ngoài triển khai khảo sát nghiên cứu khoa học dã ngoại xin hãy nhớ chuẩn bị sẵn chiếc áo khoác áo gió chuyên dụng cản gió giữ ấm.

18 nét

HÁN VIỆT · NGOẠI SÁO

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#717

弯

wān

cong, uốn cong; khúc cua

高速动车组列车在通过连续复杂的多弯道路段时，车身智能倾斜控制系统确保了运行极其平稳安全。

Gāo sù dòng chē zǔ liè chē zài tōng guò lián xù fù zá de duō wān dào lù duàn shí, chē shēn zhì néng qīng xié kòng zhì xì tǒng què bǎo le yùn xíng jí qí píng wěn ān quán.

Đoàn tàu cao tốc khi chạy qua các cung đường đèo nhiều khúc cua phức tạp liên tiếp, hệ thống điều khiển nghiêng thân xe thông minh đã bảo đảm vận hành vô cùng êm ái và an toàn tuyệt đối.

8 nét

HÁN VIỆT · LOAN

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#718

晚点

wǎndiǎn

trễ giờ, chậm giờ, muộn chuyển (tàu xe); bữa ăn khuya

得益于高度智能化的调度指挥系统，我国高铁列车正点率常年保持全球领先，极少出现晚点现象。

Dé yì yú gāo dù zhì néng huà de diào dù zhǐ huī xì tǒng, wǒ guó gāo tiě liè chē zhèng diǎn lǜ cháng nián bǎo chí quán qiú lǐng xiān, jí shǎo chū xiàn wǎn diǎn xiàn xiàng.

Nhờ vào hệ thống chỉ huy điều độ thông minh hóa cao độ, tỷ lệ đúng giờ của đoàn tàu đường sắt cao tốc nước ta quanh năm duy trì dẫn đầu toàn cầu, cực kỳ hiếm khi xuất hiện hiện tượng trễ giờ muộn chuyển.

20 nét

HÁN VIỆT · VẤN ĐIỂM

HSK 4 (3.0)

Liên từ / Danh từ

#719

万一

wàn yī

ngộ nhỏ, vạn nhất, lỡ như

野外科考队必须随身携带卫星应急通信电话与备用急救医疗包，以防万一遭遇突发极端险情。

Yě wài kē kǎo duì bì xū suí shēn xié dài wèi xīng yīng jì tōng xìn diàn huà yǔ bèi yòng jí jiù yī liáo bāo, yǐ fáng wàn yī zāo yù tū fā jì duǎn xiān qíng.

Đội khảo sát khoa học dã ngoại bắt buộc phải mang theo bên người điện thoại vệ tinh liên lạc khẩn cấp cùng túi sơ cứu y tế dự phòng, nhằm phòng ngừa vạn nhất gặp phải tình huống hiểm nghèo cực đoan bất ngờ.

24 nét

HÁN VIỆT · MẶC NHẤT

HSK 4 (3.0)

Động từ

#720

王

Wáng

vua

老师鼓励大家积极王，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí wáng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực vua, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT · VƯƠNG



HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#721

网络

wǎng luò

mạng lưới, mạng internet; không gian mạng

我国建成了全球规模最大、技术领先的5G高速移动宽带通信网络与千兆光网基础设施。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, jì shù lǐng xiān de 5G gāo sù yí dòng kuān dài tōng xìn wǎng luò yǔ qiān zhào guāng wǎng jī chǔ shè shī.

Nước ta đã xây dựng thành công cơ sở hạ tầng mạng cáp quang gigabit cùng mạng lưới thông tin liên lạc băng thông rộng di động tốc độ cao 5G có quy mô lớn nhất và công nghệ dẫn đầu trên toàn cầu.

20 nét

HÁN VIỆT: VŨNG LẠC

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#722

网址

wǎngzhǐ

địa chỉ trang web, đường link website, URL

公众可以登录国家科技图书文献中心官方网站网址，免费检索下载海量国内外权威学术期刊论文。

Gōng zhòng kě yǐ dēng lù guó jiā kē jì tú shū wén xiàn zhōng xīn guān fāng wǎng zhǐ, miǎn fèi jiǎn sù xià zài hǎi liàng guó nèi wēi quán wēi xué shù qī kān lùn wén.

Công chúng có thể đăng nhập vào đường link địa chỉ trang web website chính thức của Trung tâm Tư liệu Sách Báo Khoa học Công nghệ Quốc gia để tra cứu tài về miễn phí khối lượng khổng lồ các bài báo tạp chí học thuật có thẩm quyền trong và ngoài nước.

23 nét

HÁN VIỆT: VŨNG CHỈ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#723

微笑

wēi xiào

mỉm cười, nụ cười mỉm

导医台护士用亲切和蔼的微笑与耐心细致的指引，瞬间抚平了前来就诊患者内心的焦躁与不安。

Dǎo yī tái hù shì yòng qīn qiè hé āi de wēi xiào yǔ nài xīn xì zhì de zhǐ yǐn, shùn jiān fú píng le qián lái jiù zhěn huà zhě nèi xīn de jiāo zǎo yǔ bù ān.

Nữ y tá tại bàn hướng dẫn khám bệnh bằng nụ cười mỉm ân cần hiền hậu cùng sự chỉ dẫn kiên nhẫn tỉ mỉ đã tức thì làm xoa dịu nỗi bồn chồn lo âu trong lòng người bệnh đến khám.

22 nét

HÁN VIỆT: VI TIỂU

HSK 4 (3.0)

Danh từ riêng

#724

微信

Wēixìn

ứng dụng WeChat

政务服务微信小程序推行一网通办，让企业和群众只需动动手指就能轻松在线办理各项便民业务。

Zhèng wù fú wù wēi xìn xiǎo chéng xù tuǐ xīng yǐ wǎng tōng bàn, ràng qī yè hé qún zhòng zhǐ xū dòng dòng shǒu zhǐ jiù néng qīng sōng zài xiàn bàn lǐ gè xiàng biān mín yè wù.

Chương trình nhỏ (mini-program) WeChat ứng dụng dịch vụ hành chính công triển khai một cổng thông suốt trên mạng, giúp doanh nghiệp và người dân chỉ cần cử động ngón tay là có thể dễ dàng làm các thủ tục tiện dân trực tuyến.

19 nét

HÁN VIỆT: VI TÍN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#725

围巾

wéi jīn

khăn quàng cổ, khăn choàng

在寒风呼啸的数九冬日里，母亲亲手编织的那条厚实柔软的羊绒大围巾带来了无尽的温暖与慰藉。

Zài hán fēng hū xiào de shù jiǔ dōng rì lǐ, mǔ qīn qīn shǒu biān zhī de nà tiáo hòu shí róu ruǎn de yáng róng dà wéi jīn dài lái le wú jìn de wēn nuǎn yǔ wèi jiè.

Trong những ngày đông rét buốt gió rít từng hồi, chiếc khăn quàng cổ bằng lông cừu dày dặn mềm mại do chính tay người mẹ đan tạc đã mang lại hơi ấm và sự chở che vô bờ bến.

19 nét

HÁN VIỆT: VI CÂN

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#726

维持

wéi chí

duy trì, giữ gìn bảo đảm trạng thái ổn định

中国空间站生命保障系统能够长期高效稳定运行，将舱内氧气、水资源再利用效率维持在百分之九十五以上的国际领先水平。

Zhōng guó kōng jiān zhàn shēng bǎo zhàng xì tǒng néng gòu cháng qī gāo xiào wěn dìng yùn xíng, jiāng cāng nèi yǎng qì, shuǐ zī yuán zài lì yòng lǜ wéi chí zài bǎi fēn zhī jiǔ shí wǔ yǐ shàng de guó jì lǐng xiān shuǐ píng.

Hệ thống bảo đảm sinh mệnh của Trạm vũ trụ Trung Quốc có thể vận hành ổn định hiệu quả cao lâu dài, duy trì tỷ lệ tái sử dụng tài nguyên nước và oxy bên trong khoang ở mức trên 95% dẫn đầu quốc tế.

27 nét

HÁN VIỆT: DUY TRÌ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#727

维护

wéi hù

bảo vệ, gìn giữ, duy tu bảo dưỡng

中国始终是世界和平的建设者、全球发展的贡献者以及国际秩序与以联合国为核心的多边体系的坚定维护者。

Zhōng guó shǐ zhōng shì shì jiè hé píng de jiàn zhě, quán qiú fā zhǎn de gòng xiàn zhě yǐ jī guó jì zhì xù yǔ yǐ lián hé guó wéi hé xīn de duō biān tǐ xì de jiān dìng wéi hù zhě.

Trung Quốc luôn là người kiến tạo hòa bình thế giới, người đóng góp cho sự phát triển toàn cầu và là người kiên định bảo vệ gìn giữ trật tự quốc tế cùng hệ thống đa phương lấy Liên Hợp Quốc làm trung tâm.

25 nét

HÁN VIỆT: DUY HỘ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#728

维修

wéi xiū

bảo trì, sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị

现代化智能高铁动车组检修基地运用超声相控阵探伤机器人，实现了对列车关键转向架零部件的纳米级精密无损维修检测。

Xiān dài huà zhì néng gāo tiě dòng chē zǔ jiū xiū jī dì yùn yòng chāo shēng xiāng kòng zhèn tàn shāng jī qì rén, shí xiàn le duì liè chē guān jiàn zhuǎn xiàng jiǎ líng bù jiàn de nà mǐ jī jīng mì wú sǔn wéi xiū jiǎn cè.

Căn cứ kiểm tra sửa chữa đoàn tàu cao tốc thông minh hiện đại hóa vận dụng robot dò tìm khuyết tật mảng theo pha siêu âm, đã thực hiện việc kiểm tra kiểm định bảo trì sửa chữa không phá hủy chính xác ở cấp độ nano đối với các linh kiện giả chuyển hướng then chốt của đoàn tàu.

23 nét

HÁN VIỆT: DUY TU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#729

尾巴

wěi ba

cái đuôi; phần đuôi

深海探测器高清摄像机捕捉到了罕见深海发光鱼类摆动着修长荧光尾巴在深渊中优雅游弋的生动画面。

Shēn hǎi tàn cè qì gāo qīng shè xiàng jī bǔ zhuō dào le hǎn jiàn shēn hǎi fā guāng yú lèi bǎi dòng zhe xiū cháng yǐng guāng wéi ba zài shēn yuān zhōng yōu yǎ yóu yì de shēng dòng huà miàn.

Camera độ nét cao của tàu thám hiểm biển sâu đã ghi lại được những thước phim sinh động về loài cá phát quang biển sâu quý hiếm đang vẫy chiếc đuôi huyền quang thon dài bơi lội thanh tao giữa vực thẳm đại dương.

19 nét

HÁN VIỆT: VĨ BA


HSK 4 (3.0)

Phó từ

#730

未必

wèi bì

chưa hẳn, không nhất thiết, chưa chắc

表面上看似繁琐复杂的实验步骤未必是多余的，往往正是确保高精尖实验数据可复现的关键所在。

Biǎo miàn shàng kàn shì fán suǒ fù zá de shí yàn bù zhòu wèi bì shì duō yú de, wǎng wǎng zhèng shì què bǎo gāo jīng jiǎn shí yàn shù jù kě fù xiàn de guān jiàn suǒ zài.

Các bước thực nghiệm thoạt nhìn có vẻ rườm rà phức tạp bề ngoài chưa hẳn đã là dư thừa, mà thông thường đó chính là mấu chốt then chốt bảo đảm số liệu thực nghiệm tinh vi có thể tái lập chuẩn xác.

25 nét

 HÁN VIỆT : **VỊ TẤT**
HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#731

未来

wèi lái

tương lai, mai sau

把握新一轮科技革命与产业变革的重大历史机遇，才能在塑造未来全球创新版图赢得战略主动。

Bǎ wò xīn yī lún kē jì gé mìng yǔ chǎn yè biàn gé de zhòng dà lì shǐ jī yù, cái néng zài sù zào wèi lái quán qiú chuāng xīn bǎn tú zhòng yíng dé zhàn lüè zhǔ dòng.

Nắm bắt cơ hội lịch sử trọng đại của làn sóng cách mạng khoa học công nghệ và chuyển đổi công nghiệp mới mới có thể giành thế chủ động chiến lược trong việc định hình bản đồ đổi mới sáng tạo tương lai của thế giới.

24 nét

 HÁN VIỆT : **VỊ LAI**
HSK 4 (3.0)

Động từ

#732

位于

wèi yú

tọa lạc tại, nằm ở vị trí địa lý

位于贵州平塘深山喀斯特洼坑之中的“中国天眼”FAST，是当今全球口径最大、灵敏度最高的单口径射电望远镜。

Wèi yú guì zhōu píng táng shēn shān kǎ sī tè wā kēng zhī zhōng de "zhōng guó tiān yǎn" FAST, shì dāng jīn quán qiú kǒu jīng zuì dà, líng mǐn dù zuì gāo de dān kǒu jīng shè diǎn wǎng yuǎn jìng.

Kính viễn vọng "Thiên Nhân Trung Quốc" FAST tọa lạc tại thung lũng đá vôi Karst sâu trong lòng núi huyện Bình Đường, tỉnh Quý Châu chính là kính viễn vọng vô tuyến đơn khẩu độ có độ nhạy cao nhất và khẩu độ lớn nhất toàn cầu hiện nay.

23 nét

 HÁN VIỆT : **VỊ VU**
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#733

位置

wèi zhi

vị trí, địa điểm, chỗ đứng

北斗高精度卫星导航系统能够向全球各类智能终端提供厘米级甚至毫米级的极速精准定位位置服务。

Běi dòu gāo jīng dù wēi xīng dǎo háng xì tǒng néng gòu xiàng quán qiú gè lèi zhì néng zhōng duǎn tí gòng lǐ mí jí shēn zhì háo mǐ jí de jí sù jīng zhǔn dìng wèi wèi zhì fú wù.

Hệ thống vệ tinh định vị Bắc Đẩu độ chính xác cao có thể cung cấp dịch vụ định vị vị trí siêu tốc chuẩn xác đến từng centimet, thậm chí là milimet cho các loại thiết bị đầu cuối thông minh trên toàn cầu.

19 nét

 HÁN VIỆT : **VỊ TRÍ**
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#734

味儿

wèi er

mùi vị, hương vị; phong vị hương sắc

新春佳节古镇老街两旁挂满了大红灯笼，处处弥漫着浓郁地道的中国传统年味儿。

Xīn chūn jiā jié gǔ zhèn lǎo jiē liǎng páng guà mǎn le dà hóng dēng lóng, chù chù mǐ màn zhe nóng yù dì dào de chuān tǒng zhōng guó nián wèi er.

Địp Tết đến xuân về hai bên con phố cổ cổ trấn treo đầy những chiếc đèn lồng đỏ lớn, khắp nơi lan tỏa phong vị mùi vị hương vị Tết Trung Hoa truyền thống đậm đà chuẩn vị.

21 nét

 HÁN VIỆT : **VỊ NHÂN**
HSK 4 (3.0)

Tính từ / Động từ / Phó từ

#735

稳

wěn

vững vàng, ổn định, chắc chắn; giữ vững

我们要坚持稳中求进工作总基调，保持战略定力，牢牢守住不发生系统性风险的底线。

Wǒ men yào jiān chí wěn zhōng qiú jìn gōng zuò zōng jī diào, bǎo chí zhān lǚ de dǐng lì, láo láo shǒu zhù bù fá shēng xì tǒng xìng fēng xiǎn de dǐ xiàn.

Chúng ta phải kiên trì phương châm tổng thể công tác vững vàng tìm bước tiến (ổn trung cầu tiến), giữ vững định lực chiến lược, giữ chắc lẫn ranh độ không để xảy ra rủi ro mang tính hệ thống.

8 nét

 HÁN VIỆT : **ỔN**
HSK 4 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#736

稳定

wěn dìng

ổn định, vững vàng; làm ổn định

保持宏观经济大盘与金融体系平稳健康运行，是有效抵御外部风险冲击、保障社会大局和谐稳定的基本前提。

Bǎo chí hóng guān jīng jì dà pán yǔ jīn róng tǐ xì píng wěn jiàn kāng yùn xíng, shì yǒu xiào dǐ yù wài bù fēng xiǎn chōng jī, bǎo zhàng shè huì dà jú hé xié wěn dìng de jī běn qián tí.

Duy trì đại cục kinh tế vĩ mô và hệ thống tài chính vận hành ổn định khỏe mạnh là tiền đề cơ bản để phòng ngừa hiệu quả các cú sốc rủi ro từ bên ngoài và bảo đảm đại cục xã hội hài hòa vững chắc.

16 nét

 HÁN VIỆT : **ỔN ĐỊNH**
HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#737

问候

wèn hòu

thăm hỏi, gửi lời chào hỏi, chúc sức khỏe

新春佳节来临之际，国家领导人深入基层看望慰问一线辛勤值守的工作人员并致以诚挚亲切的节日问候。

Xīn chūn jiā jié lái lín zhī jī, guó jiā lǐng dǎo rén shēn rù yí cǎng kàn wàng wèi yí xiàn xīn qín zhī shǒu de gōng zuò rén yuán bìng zhī yǐ chéng zhì qīn qiè de jié rì wèn hòu.

Nhân dịp Tết cổ truyền đến gần, các đồng chí lãnh đạo Nhà nước đã đi sâu xuống cơ sở thăm hỏi động viên các cán bộ nhân viên đang miệt mài ứng trực tuyến đầu và gửi tới họ những lời chúc mừng thăm hỏi ân cần chân thành nhất.

19 nét

 HÁN VIỆT : **VẤN HẬU**
HSK 4 (3.0)

Động từ

#738

无

wú

không, không có (vô)

在这座全自动化黑灯智慧工厂里，从物料入库到成品组装出厂实现了全程无人化高效运作。

Zài zhè zuò quán zì dòng huà hēi dēng zhì huì gōng chǎng lǐ, cóng wù liào rù kù dào chéng pǐn zǔ zhuāng chū chǎng shí xiàn le quán chéng wú rén huà gāo xiào yùn zuò.

Bên trong nhà máy thông minh tự động hóa hoàn toàn không cần ánh đèn này, từ khâu nguyên liệu nhập kho đến lắp ráp thành phẩm xuất xưởng đều vận hành trơn tru không bóng người.

13 nét

 HÁN VIỆT : **VÔ**



HSK 4 (3.0)

Phó từ / Động từ

#739

无法

wúfǎ

không thể, không có cách nào

单凭传统经验主义的简单类比，无法科学解释极端深空与微观量子领域的颠覆性物理前沿现象。

Dān píng chuán tǒng jīng yàn zhǔ yì de jiǎn dān lèi bǐ, wú fǎ kē xué jiě shì jí duān shēn kōng yǔ wēi guān liàng zǐ lǐng yù de diǎn fù xīng wù lǐ qián yán xiàn xiàng.

Chỉ dựa vào sự so sánh đơn giản của chủ nghĩa kinh nghiệm truyền thống thì không thể không có cách nào giải thích một cách khoa học các hiện tượng tiên phong vật lý mang tính cách mạng trong lĩnh vực lượng tử vi mô và không gian sâu cực đoan.

22 nét

HÁN VIỆT: VÔ PHÁP

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#740

无聊

wúliáo

nhàm chán, tẻ nhạt, buồn chán

与其在无意义的琐碎闲谈中浪费宝贵光阴，不如静下心来读一本好书来充实自我。

Yǔ qí zài wú yì yì de suǒ suǐ xián tán zhōng làng fèi bǎo guì guāng yīn, bù rú jìng xīn lái dú yī běn hǎo shū lái chōng shí zì wǒ.

Thay vì lãng phí thời gian quý báu vào những câu chuyện phiếm tẻ nhạt vô bổ, chỉ bằng lặng lòng đọc một cuốn sách hay để làm giàu cho vốn sống của bản thân.

26 nét

HÁN VIỆT: VÔ LIÊU

HSK 4 (3.0)

Liên từ

#741

无论

wúlùn

bất kể, dù cho, bất luận

无论未来的人生旅途上面临多少惊涛骇浪，只要心中有光、脚下有路，我们就能无所畏惧勇往直前。

Wúlùn wèi lái de rén shēng lǚ tú shàng miàn lín duō shǎo jīng tāo hài làng, zhǐ yào xīn zhōng yǒu guāng, jiǎo xià yǒu lù, wǒ men jiù néng wú suǒ wèi jù yǒng wǎng zhí qián.

Bất kể chặng đường đời phía trước có bao nhiêu sóng to gió lớn bủa vây, chỉ cần trong tim có ánh sáng, dưới chân có lối đi thì chúng ta đều có thể dũng cảm vững vàng tiến bước mà không sợ hãi.

21 nét

HÁN VIỆT: VÔ LUẬN

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#742

无数

wúshù

vô số, vô vàn, không đếm xuể

一代代功勋科学家与工程技术人员付出了无数辛勤的心血与汗水，铸就了今天中国大国重器的辉煌奇迹。

Yí dài dài gōng gōng xūn kē xué jiā yǔ gōng chéng jì shù rén yuán fù chū liáo wú shù xīn qín de xīn xuè yǔ hàn shuǐ, zhù jiù le jīn tiān zhōng guó dà guó zhòng qì de huī huáng qí jì.

Bao thế hệ nhà khoa học có công lớn và cán bộ kỹ thuật công trình đã đổ biết bao mồ hôi và tâm huyết vô vàn, đúc kết nên kỳ tích rực rỡ của những đại thiết bị công trình trọng đại của đất nước hôm nay.

26 nét

HÁN VIỆT: VÔ SỐ

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Cụm từ

#743

无所谓

wúsuǒwèi

không sao cả, chẳng sao, không thành vấn đề

做科学研究必须严谨求实、一丝不苟，对任何微小的实验误差都决不能抱有无所谓的态度。

Zuò kē xué yán jiū bì xū yán jìn qiú shí, yī sī bù gōu, duì rèn hé wēi xiǎo de shí yàn wù chǎ dōu jué bù néng bào yǒu wú suǒ wèi de jiǎo xīng tài dù.

Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải nghiêm cẩn cầu thị, tỉ mỉ chu đáo không một sơ suất, đối với bất kỳ sai sót thực nghiệm nhỏ bé nào cũng tuyệt đối không được ôm giữ thái độ cầu may chẳng sao cả không sao cả.

35 nét

HÁN VIỆT: VÔ SỞ VỊ

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#744

无限

wúxiàn

vô hạn, không có giới hạn, vô bờ bến

浩瀚未知的宇宙蕴藏着无限的奥秘，激励着一代代青年科学家勇往直前、探索真理。

Hào hàn wèi zhī de yǔ zhòu yùn cáng zhe wú xiàn de ào mì, jī lì zhe yī dài dài qīng nián kē xué jiā yǒng wǎng zhí qián, tàn suǒ zhēn lǐ.

Vũ trụ bao la huyền bí ẩn chứa những bí ẩn vô hạn vô bờ bến, khích lệ biết bao thế hệ các nhà khoa học trẻ tuổi dũng cảm tiến lên phía trước, khám phá chân lý.

22 nét

HÁN VIỆT: VÔ HẠN

HSK 4 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ

#745

五颜六色

wǔyán liùsè

muôn màu muôn vẻ, đủ màu sắc sặc sỡ

在阳光明媚的春天，国家植物园里五颜六色的奇花异草争奇斗艳，呈现出勃勃生机。

Zài yáng guāng míng mèi de chūn tiān, guó jiā zhí wù yuán lǐ wǔ yán liù sè de qí huā yì cǎo zhēng qí dòu yàn, chéng xiàn chū bó bó shēng jī.

Vào mùa xuân nắng đẹp rực rỡ, bên trong Vườn Thực vật Quốc gia các loài hoa thơm cỏ lạ muôn màu muôn vẻ đủ màu sắc đua nhau khoe sắc thắm, phô diễn sức sống đạt dào.

35 nét

HÁN VIỆT: NGŨ NHAN LỤC SẮC

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#746

误会

wùhuì

hiểu lầm, ngộ nhận

人与人相处难免会产生一些认知偏差，坦诚及时的沟通往往是化解心中误会与隔阂的最佳钥匙。

Rén yǔ rén xiāng xiāng chǔ nán miǎn huì chǎn chéng yī xiē zhī shi piān chā, tǎn chéng jí shí de gōu tōng wǎng wǎng shì huà jiě xīn zhōng wù huì yǔ gé hé de zuì jiā yào shi.

Con người ta khi tiếp xúc khó tránh khỏi có những lúc nhận thức chưa đồng nhất, việc thẳng thắn trao đổi kịp thời luôn là chiếc chìa khóa vạn năng tốt nhất để xóa tan mọi hiểu lầm và khoảng cách trong lòng.

26 nét

HÁN VIỆT: NGỘ HỘI

HSK 4 (3.0)

Động từ

#747

吸

xī

hút, hít vào; thu hút

清晨漫步在空气清新的森林公园步道上，深深吸一口饱含负氧离子的纯净空气，令人心旷神怡。

Qīng chén màn bù zài àirì qīng xīn de sēn lín gōng yuán bù dào shàng, shēn shēn xī yī kǒu bǎo hán fù yǎng lí zǐ de chún jìng kōng qì, lǐng rén xīn kuàng shén yí.

Đạo bước trên con đường mòn công viên rừng cây không khí trong lành lúc sáng sớm, hít thở hít sâu một hơi không khí thuần khiết giàu ion oxy âm khiến tâm hồn sáng khoái thư thái.

8 nét

HÁN VIỆT: HẤP


HSK 4 (3.0)

Danh từ

#748

吸管

xīguǎn
ống hút (đồ uống/phòng thí nghiệm)

为践行绿色低碳环保理念，全国各大饮品连锁店全面普及使用了可降解纸质或聚乳酸环保吸管。

Wèi jiàn xíng lǜ sè dī tàn huán bǎo lǐ niàn, quán guó dà yǐn pǐn lián suǒ diàn quán miàn pǔ jí shǐ yòng le kě jiěng jiě zhǐ zhǐ huò jù rǔ suān huán bǎo xī guǎn.

Nhằm thực hành quan niệm bảo vệ môi trường xanh ít phát thải carbon, chuỗi cửa hàng đồ uống lớn trên cả nước đã phổ cập toàn diện việc sử dụng ống hút thân thiện môi trường bằng axit polylactic (PLA) hoặc bằng giấy có thể phân hủy.

18 nét

HÁN VIỆT: HẤP QUẢN
HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#749

吸收

xīshōu
hấp thu, hấp thụ, tiếp thu; thu nạp

新型高效钙钛矿太阳能电池材料具备极宽的光谱吸收范围与优异的光电能量转换效率。

Xīn xíng gāo xiào gài tài kuàng tài yáng néng guāng pǔ xī shōu fàn wéi yǒu yì de guāng diàn néng liàng zhuān huàn xiào lǜ.

Loại vật liệu pin mặt trời perovskite hiệu năng cao thể hệ mới sở hữu dải hấp thụ quang phổ cực rộng cùng hiệu suất chuyển đổi quang năng thành điện năng xuất sắc.

19 nét

HÁN VIỆT: HẤP THU
HSK 4 (3.0)

Động từ

#750

吸烟

xīyān
hút thuốc, hút thuốc lá

全社会积极倡导健康文明生活方式，在室内公共场所与公共交通工具内全面严格禁止吸烟。

Quán shè huì jī jí chàng dǎo jiàn kāng wén míng shēng huó fāng shì, zài shì nèi gōng gòng chǎng suǒ yǔ gōng gòng jiāo tōng gōng jù nèi quán miàn yán gé jìn zhǐ xī yān.

Toàn xã hội tích cực kêu gọi lối sống văn minh lành mạnh, nghiêm cấm hút thuốc hút thuốc lá nghiêm ngặt toàn diện bên trong các phương tiện giao thông công cộng và nơi công cộng trong nhà.

22 nét

HÁN VIỆT: HẤP YÊN
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#751

吸引

xī yǐn
thu hút, lôi cuốn, hấp dẫn

故宫博物院举办的故宫数字文物沉浸式大展，以其前沿科技与古典美学交融的独特魅力，吸引了数以万计的游客前来打卡。

Gù gōng bó wù yuán jǔ bàn de gù gōng shù zì wén wù chén jìn shì dà zhǎn yǐ qí qián yán kē jì yǔ gù diǎn měi xué jiāo róng de dú tè měi lì, xī yǐn le shù yǐ wàn jì de yóu kè qián lái dǎ kǎ.

Triển lãm đắm chìm di sản số Cố Cung do Bảo tàng Cố Cung tổ chức với sức hút độc đáo hòa quyện giữa công nghệ mũi nhọn và mỹ học cổ điển đã thu hút hàng vạn lượt du khách tới tham quan chiêm ngưỡng.

18 nét

HÁN VIỆT: HẤP DẪN
HSK 4 (3.0)

Động từ

#752

喜爱

xǐ ài
thích

老师鼓励大家积极喜爱，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xǐ ài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thích, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT: HỖ AI
HSK 4 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#753

系列

xì liè
loạt, chuỗi, sê-ri liên hoàn

我国“神舟”系列载人飞船与“天舟”系列货运飞船常态化往返运行，为中国空间站长期在轨运营提供了可靠保障。

Wǒ guó "shén zhōu" xì liè zài rén fēi chuán yǔ "tiān zhōu" xì liè huò yùn fēi chuán cháng tài huà wǎng fǎn yùn xíng, wéi zhōng guó kōng jiān zhǎn cháng qī zài guī yùn yíng tí gòng le kě kào bǎo zhàng.

Chuỗi loạt tàu vận tải hàng hóa dòng 'Thiên Châu' và tàu vũ trụ có người lái dòng 'Thần Châu' của nước ta vận hành đi lại thường thái hóa, mang lại sự bảo đảm vững chắc đáng tin cậy cho sự vận hành lâu dài trên quỹ đạo của Trạm vũ trụ Trung Quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: HỆ LIỆT
HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#754

系统

xì tǒng
hệ thống; có tính hệ thống

该国家级重大战略工程全面采用了全自主可控的分布式实时高可靠操作系统与核心芯片架构。

Gāi guó jiā zhòng dà zhàn lüè gōng chéng quán miàn cǎi yòng le quán zì zhǔ kě kòng de fēn bù shí shí shí gāo kě kào cǎo zuò xì tǒng yǔ hé xīn xīn piàn jià gòu.

Đại dự án chiến lược cấp quốc gia này đã áp dụng toàn diện hệ điều hành thời gian thực độ tin cậy cao phân tán cùng kiến trúc chip cốt lõi hoàn toàn tự chủ tự kiểm soát.

27 nét

HÁN VIỆT: HỆ THỐNG
HSK 4 (3.0)

Tính từ

#755

细

xì
mảnh, nhỏ; tỉ mỉ, cẩn thận chi tiết

天下难事必作于易，天下大事必作于细；做科学研究必须细致入微、严谨求实。

Tiān xià nán shì bì zuò yú yì, tiān xià dà shì bì zuò yú xì; zuò kē xué yán jiū bì xū xì zhǐ rù wēi, yán jìn qiú shí.

Việc khó trong thiên hạ ắt làm từ việc dễ, việc lớn trong thiên hạ ắt làm từ việc tỉ mỉ nhỏ bé; làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải tỉ mỉ cẩn thận đến từng chi tiết nhỏ, nghiêm cẩn cầu thị.

10 nét

HÁN VIỆT: TẾ
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#756

细节

xì jìé
chi tiết, tiểu tiết

天下大事必作于细；在大飞机总装集成制造中，必须以极致严谨的匠心把控好每一个细微的装配细节。

Tiān xià dà shì bì zuò yú xì; zài dà fēi jī zǒng zhuāng jí chéng zhì zào zhōng, bì xū yǐ jí zhì yán jìn de jiàng xīn bǎ kòng hào měi yí gè xì wēi de zhuāng pèi xì jié.

Việc lớn trong thiên hạ ắt phải làm từ những điều tỉ mỉ nhỏ bé nhất; trong công tác tổng lắp ráp chế tạo máy bay chở khách cỡ lớn, nhất thiết phải lấy tâm thế người thợ thủ công chuẩn mực nghiêm ngặt tuyệt đối để kiểm soát từng chi tiết lắp ráp tinh vi nhất.

24 nét

HÁN VIỆT: TẾ TIẾT



HSK 4 (3.0)

Tính từ

#757

细致

xì zhì

tỉ mỉ, chi tiết chu đáo, cặn kẽ từng nét

文博考古修复大师手持超微工具，对出土千年绢本文物进行极其耐心细致的无损除尘与纤维加固修复。

Wénbó kǎo gǔ xiū fù dà shī shǒu chí chāo wēi gōng jù, duì chū tǔ qiān nián juàn běn wén wù jìn xíng jí qí nài xīn xì zhì de wú sǔn chú chén yǔ xiān wéi jiā gù xiū fù.

Bác thấy phục chế khảo cổ bảo tàng văn hóa tay cầm dụng cụ siêu vi, tiến hành làm sạch bụi không phá hủy và gia cố phục chế sợi vải vô cùng tỉ mỉ chi tiết và kiên nhẫn đối với các di vật văn vật lưu trữ ngàn năm vừa xuất thổ.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TẾ TRÍ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#758

西瓜

xī guā

dưa hấu

夏天吃西瓜很舒服。

Xiàtiān chī xīguā hěn shūfu.

Mùa hè ăn dưa hấu rất dễ chịu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TÂY QUÁ

HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#759

下个月

xià gè yuè

tháng sau, tháng tới

经过为期一年的紧张筹备，新一代国家深空探测卫星计划将于下个月正式在酒泉发射升空。

Jīngguò wéi qī yī nián de jǐnzhāng chóubèi, xīn yí dài guó jiā shēn kōng tàn cè wèi xīng jì huà jiāng yú xià gè yuè zhèng shì zài jiǔ quán fā shè shēng kōng.

Trải qua một năm chuẩn bị khẩn trương, vệ tinh thám trắc không gian sâu quốc gia thế hệ mới dự kiến sẽ chính thức phóng bay lên trời tại Tuyến vào tháng sau tháng tới.

📖 29 nét

HÁN VIỆT: HẠ CÁ NGUYỆT

HSK 4 (3.0)

Động từ

#760

下降

xiàjiàng

hạ xuống, giảm xuống, suy giảm

随着生态环境综合治理持续发力，重污染天数大幅减少，空气中主要污染物浓度显著下降。

Suízhe shēngtài huánjīng zōnghé zhìlǐ chíxù fā lì, zhòngwū rān tiān shù dà fú jiǎn shǎo, kōngqì zhōng zhǔ yào wù rǎn wù nòng dù xiǎn zhù xià jiàng.

Cùng với việc quản lý tổng hợp môi trường sinh thái tiếp tục phát huy sức mạnh, số ngày ô nhiễm nặng giảm mạnh, nồng độ các chất gây ô nhiễm chủ yếu trong không khí đã giảm xuống hạ xuống rõ rệt.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: HẠ GIÁNG

HSK 4 (3.0)

Động từ

#761

下楼

xiàlóu

xuống lầu, đi xuống tầng dưới

下课铃响起，同学们收拾好书本依次有序下楼，前往图书馆阅览室继续自主研修。

Xià kè líng shēng xiǎng qǐ, tóngxué men shōu shí hǎo shū běn yīcì yǒu xù xià lóu, qiánwǎng tú shū guǎn yuē lǎn shí jì xù zì zhǔ yán xiū.

Tiếng chuông tan học vang lên, các bạn học sinh thu dọn sách vở lần lượt xuống lầu đi xuống dưới một cách trật tự, đi tới phòng đọc thư viện để tiếp tục tự học nghiên cứu.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: HẠ LÂU

HSK 4 (3.0)

Động từ

#762

下载

xià zài

tải xuống, download

在千兆高速光纤与第五代移动通信技术普及后，用户只需数秒即可完成数吉字节高清科学数据集的极速下载。

Zài qiān zhào gāo sù guāng xiān yǔ dì wǔ dài yí dòng tōng xìn jì shù pǔ jí hòu, yòng hù zhǐ xū shù miǎo jǐ kè wán chéng shù jí zì jié gāo qīng kē xué shù jù jí de jí sù xià zài.

Sau khi mạng cáp quang tốc độ cao Gigabit và công nghệ thông tin di động 5G được phổ cập, người dùng chỉ mất vài giây là có thể hoàn tất việc tải xuống siêu tốc các bộ dữ liệu khoa học độ nét cao dung lượng hàng Gigabyte.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: HẠ TẢI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#763

夏季

xià jì

mùa hè, vụ mùa hè

在夏季高温酷暑天气里，广大户外建设者坚守岗位、战高温斗酷暑，全力推进国家重点工程建设。

Zài xià jì gāo wēn kù shǔ tiān qì lǐ, guǎng dà hù wài jiàn shè zhě jiān shǒu gǎng wèi, zhàn gāo wēn dòu kù shǔ, quán lì tuī jìn guó jiā zhòng diǎn gōng chéng jiàn shè.

Trong thời tiết nắng nóng gay gắt oi bức của mùa hè, đông đảo những người xây dựng ngoài trời vẫn bám trụ vị trí công tác, chiến đấu với nắng nóng, dốc toàn lực thúc đẩy xây dựng công trình trọng điểm quốc gia.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: HẠ QUÝ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#764

鲜

xiān

tươi

老师鼓励大家积极鲜，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiān, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tươi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: TIỀN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#765

鲜花

xiānhuā

hoa tươi, những bông hoa tươi thắm

少先队员们怀着崇敬走上领奖台，将芳香美丽的鲜花敬献给为国奉献一生的功勋科学家。

Shǎoxiān duì yuán men huái zhe chóng jīng yì zōu shàng lǐng jiǎng tái, jiāng fāng xiāng měi lì de xiānhuā jìng xiàn gěi wèi guó fèng xiàn yì shēng de gōng xūn kē xué jiā.

Các đội viên Thiếu niên Tiên phong mang theo lòng tôn kính cao cả bước lên bục nhận giải, kính cẩn dâng tặng những bông hoa tươi thơm ngát tươi đẹp cho nhà khoa học có công lao đã cống hiến trọn đời cho đất nước.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TIỀN HOA



HSK 4 (3.0)

Tính từ

#766

鲜明**xiān míng****rõ nét, nổi bật rực rỡ; dứt khoát
rành mạch**

中国特色社会主义进入新时代，我国社会主要矛盾的变化具有鲜明的时代特征与深远的历史意义。

Zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì jìn rù xīn shí dài, wǒ guó shè huì zhǔ yào máo dùn de biàn huà jù yǒu xiān míng de shí dài tè zhēng yǔ shēn yuǎn de lì shǐ yì yì.

Chủ nghĩa xã hội đặc sắc bước vào thời đại mới, sự biến đổi trong mâu thuẫn chủ yếu của xã hội nước ta mang đặc trưng thời đại vô cùng rõ nét nổi bật và ý nghĩa lịch sử sâu xa.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

TIỀN MINH

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#767

咸**xián****mặn, vị mặn; tất cả (cổ)**

厨师在烹饪这道清蒸海鱼时特意少放了食盐，既保持了原汁原味的鲜美，又不会太咸。

Chú shī zài pēng rèn zhè dào qīng zhēng hǎi yú shí tè yì shǎo fàng le shí yán, jì bǎo chí le yuán zhī yuán wèi de xiān měi, yòu bú huì tài xián.

Khi chế biến món cá biển hấp này đầu bếp đã đặc biệt nêm ít muối, vừa giữ được trọn vẹn vị tươi ngọt nguyên bản lại không bị quá mặn.

📖 10 nét

HÁN VIỆT

HÀM

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#768

显著**xiǎn zhù****rõ rệt, nổi bật, đáng kể vượt bậc**

经过深入实施大气污染防治攻坚战行动，我国重点城市空气质量实现了历史性显著改善，蓝天白云成为常态。

Jīng guò shēn rù shí shī dà qì wū rǎn zǒng hé fáng zhì gōng jiàn xíng dòng, wǒ guó zhòng diǎn chéng shì kōng qì zhì liàng shí xiàn le lì shǐ xīng xiǎn zhù gǎi shàn, lán tiān bái yún chéng wéi cháng tài.

Trải qua việc đi sâu thực thi chiến dịch phòng chống tổng hợp ô nhiễm không khí, chất lượng không khí tại các thành phố trọng điểm nước ta đã đạt được sự cải thiện rõ rệt mang tính lịch sử, trời xanh mây trắng đã trở thành cảnh tượng thường nhật.

📖 23 nét

HÁN VIỆT

HIỂN TRƯỚC

HSK 4 (3.0)

Động từ

#769

县**xiàn****Quận**

老师鼓励大家积极县，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Quận, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT

HUYỆN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#770

限制**xiàn zhì****hạn chế, giới hạn**

为了保护古老脆弱的喀斯特溶洞地质遗迹，景区每日接待游客总量实行严格的实名预约限流限制。

Wèi le bǎo hù gǔ lǎo cuì ruò de kā sī tè róng dòng dì zhì yí jì, jǐng qū měi rì jiē dài yóu kè zǒng liàng shí xíng yán gē de shí míng yù yuē xiàn liú xiàn zhì.

Nhằm bảo vệ di sản địa chất hang động karst cổ xưa mong manh, khu danh thắng áp dụng quy định hạn chế số lượng khách tham quan mỗi ngày theo hình thức đặt chỗ định danh nghiêm ngặt.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

HẠN CHẾ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#771

相处**xiāng chǔ****chung sống, đối đãi, hòa hợp với
nhau**

在多元文化交融的国际青年学者公寓里，来自不同国家的同学们相互尊重、包容互助，相处得十分融洽。

Zài duō yuán wén huà jiāo róng de guó jì qīng nián xué zhě gōng yù lǐ, lái zì bù tóng guó jiā de tóng xué men xiāng hù zūn zhòng, bāo róng hù zhù, xiāng chǔ dé shí fēn róng qià.

Bên trong khu căn hộ học giả trẻ quốc tế nơi giao thoa nhiều nền văn hóa, các bạn sinh viên đến từ nhiều quốc gia luôn tôn trọng lẫn nhau, bao dung tương trợ và chung sống vô cùng hòa thuận.

📖 25 nét

HÁN VIỆT

TƯƠNG XỬ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#772

相反**xiāng fǎn****ngược lại, trái lại**

遇到技术瓶颈时不要怨天尤人，相反，我们应当将其视作倒逼自主创新与架构重构的绝佳良机。

Yù dào jì shù píng jǐng shí bú yào yuàn tiān yóu rén, xiāng fǎn, wǒ men yīng dāng jiāng qí shì zuò dào bǐ zì zhǔ chuàng xīn yǔ jià gòu zhòng gòu de jué jiā líng jī.

Khi gặp phải nút thắt kỹ thuật đừng oán trời trách người, ngược lại, chúng ta nên coi đó là cơ hội tuyệt vời để thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo tự chủ và tái cấu trúc hệ thống.

📖 27 nét

HÁN VIỆT

TƯƠNG PHẢN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#773

相片**xiàng piàn****bức ảnh, tấm hình**

在老一辈战略科学家的工作手记中，夹着一张当年在大西北试验基地攻坚克难的珍贵历史相片。

Zài lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā de gōng zuò shǒu jì zhōng, jiā zhe yí zhāng dāng nián zài dà xī běi shí yàn jī dì gōng jiàn kè nán de zhēn guì lì shǐ xiàng piàn.

Bên trong cuốn sổ tay công tác của nhà khoa học chiến lược tiền bối kẹp một bức ảnh tấm hình lịch sử vô giá thời vượt khó chinh phục thử thách tại căn cứ thử nghiệm miền Đại Tây Bắc năm xưa.

📖 24 nét

HÁN VIỆT

TƯƠNG PHIẾN

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#774

箱**xiāng****hòm, rương, vali; thùng (lượng từ)**

科考队员把成功采集到的数百件珍贵冰芯标本整齐地封装在特制恒温低温冷藏箱内。

Kē kǎo duì yuán bǎ chéng gōng cái jí de shù bǎi zhēn guì bīng xīn bāo běn zhěng qí dì fēng zhuāng zài tè zhì héng wēn dī wēn lěng cáng xiāng nèi.

Các đội viên khảo sát khoa học đã đóng gói niêm phong ngay ngắn hàng trăm mẫu vật lõi băng vô giá thu thập thành công vào trong thùng hòm bảo quản lạnh nhiệt độ thấp không đối đặc chế.

📖 12 nét

HÁN VIỆT

RUƠNG



HSK 4 (3.0)

Danh từ

#775

箱子

xiāngzi

chiếc hòm, chiếc rương, va li chiếc hộp

技术工程师小心翼翼地打开装有高精度光学镜片的专用减震箱子，准备进行精密装配调试。

Jì shù gōng chéng shì xiǎo xīn yì yì dì dǎ kāi zhuāng yǒu gāo jīng mǐ guāng xué jìng piàn de zhuān yòng jiǎn zhèn xiāng zi, zhǔn bèi jìn xíng jīng mì zhuāng pèi diào shì.

Kỹ sư kỹ thuật cẩn thận nhẹ nhàng mở chiếc hòm chiếc hộp giảm chấn chuyên dụng đựng thấu kính quang học siêu chính xác, chuẩn bị tiến hành lắp ráp và hiệu chỉnh chính xác.

23 nét

HÁN VIỆT: RƯƠNG TỬ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#776

想念

xiǎngniàn

nhớ nhung, tưởng nhớ, nhớ thương

远在南极科考站坚守越冬的科学家们，在除夕之夜深深想念着远在大洋彼岸的祖国和亲人。

Yuǎn zài nán jí kē kǎo zhàn jiān shǒu yuè dōng de kē xué jiā men, zài chù xī zhī yè shēn shēn xiǎng niàn zhe yuǎn zài dà yáng bǐ àn de zǔ guó hé qīn rén.

Các nhà khoa học bám trụ qua mùa đông tại trạm khảo sát khoa học Nam Cực xa xôi, trong đêm Giao thừa đã da diết nhớ thương nhớ nhung người thân và Tổ quốc ở phương trời xa xôi bên kia bờ đại dương.

22 nét

HÁN VIỆT: TƯỞNG NIỆM

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#777

想象

xiǎng xiàng

tưởng tượng, hình dung; trí tưởng tượng

爱因斯坦曾说过，想象力比知识更重要，因为知识是有限的，而想象力概括着世界上的一切并推动着科学进步。

Ài yīn sī tān céng shuō guò, xiǎng xiàng lì bǐ zhī shì gèng zhòng yào, yīn wèi zhī shì yǒu xiàn de, ér xiǎng xiàng lì gài kuò zhe shì jiè shàng de yī qiè bìng tuī dòng zhe kē xué jìn bù.

Albert Einstein từng nói: 'Trí tưởng tượng quan trọng hơn tri thức, bởi vì tri thức là có hạn, trong khi trí tưởng tượng bao quát mọi thứ trên đời và thúc đẩy khoa học tiến bộ'.

26 nét

HÁN VIỆT: TƯỞNG TƯỢNG

HSK 4 (3.0)

Động từ

#778

项

xiàng

mục

老师鼓励大家积极项，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiàng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mục, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: HẠNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#779

项目

xiàng mù

dự án, hạng mục, đề án

国家重大科技攻关专项项目正式启动，旨在全面突破高端工业母机核心零部件的技术瓶颈。

Guó jiā zhòng dà kē jì gōng guān zhuān xiàng xiàng mù zhèng shì qǐ dòng, zhǐ zài quán miàn tū pò gāo duān gōng yè mǔ jī hé xīn bù jiàn de jì shù píng jīng.

Dự án chuyên đề nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm cấp quốc gia đã chính thức khởi động, nhằm mục đích tạo đột phá toàn diện các nút thắt cổ chai kỹ thuật linh kiện cốt lõi của máy công cụ đầu ngành cao cấp.

20 nét

HÁN VIỆT: HẠNG MỤC

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#780

消化

xiāo huà

tiêu hóa; hấp thu tiếp thu (kiến thức)

引进国外先进技术设备后，科研团队经过扎实的消化吸收与再创新，成功研发出了更先进的国产自主型号。

Yǐn jìn guó wài xiān jìn jì shù shè bèi hòu, kē yán tuán duì jīng guò zhā shí de xiāo huà xī shōu yǔ zài chuàng xīn, chéng gōng yán fā chū le gèng xiān jìn de guó chǎn zì zhǔ xíng hào.

Sau khi nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến từ nước ngoài, nhóm nghiên cứu qua quá trình tiếp thu tiêu hóa và đổi mới sáng tạo lại vững chắc đã phát triển thành công phiên bản tự chủ trong nước tiên tiến hơn.

25 nét

HÁN VIỆT: TIÊU HOA

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#781

销售

xiāo shòu

tiêu thụ, bán hàng, doanh số bán lẻ

我国新能源汽车产销量已连续多年稳居全球第一，展现出强大的国际综合竞争优势与品牌影响力。

Wó guó xīn néng yāo chē chǎn xiāo liàng yǐ lián xù duō nián wēn jù quán qiú dì yī, zhǎn xiàn chū qiáng dà de guó jì zōng hé jìng zhēng yōu shì yǔ pǐn pái yǐng xiǎng lì.

Sản lượng sản xuất và doanh số bán ra của xe năng lượng mới nước ta đã liên tục nhiều năm đứng vững ở vị trí số một toàn cầu, thể hiện ưu thế cạnh tranh tổng hợp và sức ảnh hưởng thương hiệu quốc tế mạnh mẽ.

18 nét

HÁN VIỆT: TIÊU THỤ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#782

小吃

xiǎo chī

món ăn vặt, đồ ăn nhẹ đặc sản phố phường

古城夜市步行街上汇聚了来自全国各地的特色传统小吃，香气四溢，吸引了八方游客驻足品尝。

Gǔ chéng yè shì bù xíng jiē shàng huì jí le lái zì quán guó gè dì de tè sè chuán tǒng míng xiǎo chī, xiāng qì sì yì, xī yǐn le bā fāng yóu kè zhù zú pǐn cháng.

Phố đi bộ chợ đêm trong thành cổ quy tụ các món ăn nhẹ truyền thống đặc sản nức tiếng đến từ khắp mọi miền đất nước, hương thơm nức mũi thu hút du khách thập phương dừng chân thưởng thức.

24 nét

HÁN VIỆT: TIỂU CẬT

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#783

小伙子

xiǎo huǒ zi

chàng trai, cậu thanh niên, chàng thanh niên

这位从名牌大学毕业返乡创业的热血小伙子，利用电商直播带货成功带领全村乡亲走上了致富路。

Zhè wèi cóng míng pái dà xué bì yè fǎn xiāng chuàng yè de rè xuè xiǎo huǒ zi, lì yòng diàn shāng zhí bō dài huò chéng gōng dài lǐng quán cūn xiāng qīn zǒu shàng le zhì fù lù.

Chàng thanh niên đầy nhiệt huyết sau khi tốt nghiệp trường đại học danh tiếng đã quyết định trở về quê khởi nghiệp, tận dụng thương mại điện tử phát sóng trực tiếp dẫn dắt bà con cả làng bước lên con đường làm giàu.

35 nét

HÁN VIỆT: TIỂU HOÀ TỬ



HSK 4 (3.0)

Tính từ

#784

小型

xiǎoxíng

cỡ nhỏ, loại nhỏ, quy mô nhỏ

我国科研团队自主研发成功的新型小型模块化核反应堆，具有极高的固有安全性与多用途灵活性。

Wǒ guó kē yán tuán duì zì zhǔ yán zhì chéng gōng de xīn xíng xiǎo xíng mó kuài huà hé fān yīng duī, jù yǒu jí gāo de gù yǒu ān quán xíng yǔ duō yòng tú líng huó xìng.

Lò phản ứng hạt nhân dạng module loại nhỏ cỡ nhỏ kiểu mới do đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo thành công sở hữu tính linh hoạt đa mục đích và độ an toàn nội tại cực kỳ cao.

25 nét

HÁN VIỆT: TIỂU HÌNH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#785

效率

xiào lǜ

hiệu suất, năng suất, tốc độ hiệu quả

通过引入全自动无人搬运机器人与智能立体仓储调度算法，物流分拣中心的流转作业效率提升了数倍。

Tōng guò yǐn rù quán zì dòng wú rén bān yùn jī qì rén yǔ zhì néng lì tǐ cāng chū diào dù suàn fǎ, wù liú fēn jiǎn zhōng xīn de liú zhuǎn zuò yè xiào lǜ tí shēng le shù bèi.

Thông qua việc đưa robot vận chuyển tự hành hoàn toàn và thuật toán điều độ kho thông minh đa tầng vào vận hành, hiệu suất xử lý phân loại hàng hóa của trung tâm logistics đã tăng lên gấp nhiều lần.

16 nét

HÁN VIỆT: HIỆU LƯỢNG

HSK 4 (3.0)

Lượng từ

#786

些

xiē

một vài, một số

这些苹果很好吃。
Zhèxiē píngguǒ hěn hǎochī.
Mấy quả táo này rất ngon.

13 nét

HÁN VIỆT: TA

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#787

心理

xīn lǐ

tâm lý, trạng thái tâm lý

学校设立了专业的心理健康咨询辅导中心，为面临学业压力与考前焦虑的学生提供温暖科学的心理疏导。

Xué xiào shè lì le zhuān yè de xīn lǐ jiàn kāng zī xún fú dǎo zhōng xīn, wéi miàn lín xué yè yǔ kǎo qián jiǎo lù de xué shēng tí gōng wēn nuǎn kē xué de xīn lǐ shǔ dǎo.

Nhà trường đã thành lập trung tâm tư vấn hỗ trợ tâm lý sức khỏe chuyên nghiệp, mang lại sự khai mở tâm lý ấm áp và khoa học cho các học sinh đang đối mặt với áp lực học tập và áp lo trước kỳ thi.

18 nét

HÁN VIỆT: TÂM LÝ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#788

新郎

xīn láng

chú rể, tân lang

在庄重喜庆的军营集体婚礼现场，身着笔挺军装的新郎与美丽的新娘在战友们的由衷祝福声中幸福步入婚姻殿堂。

Zài zhuāng zhòng xǐ qīng de jūn yíng jí tǐ hūn lǐ xiàn chǎng, shēn zhuó bǐ tǐng jūn zhuāng de xīn láng yǔ měi lì de xīn niáng zài zhàn yǒu men de yóu zhōng zhù fú shēng zhōng xìng fú bù rù hūn yīn diàn táng.

Tại hiện trường đám cưới tập thể trong doanh trại quân đội trang trọng vui tươi, chú rể trong bộ quân phục chỉnh tề cùng cô dâu xinh đẹp hòa cùng tiếng chúc phúc từ đầy lòng của các đồng đội đã hạnh phúc bước vào lễ đường hôn nhân.

27 nét

HÁN VIỆT: TÂN LANG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#789

新娘

xīn niáng

cô dâu, tân nương

身穿传统精致中式凤冠霞帔的汉服新娘在婚礼仪式上容光焕发，尽显东方婚俗文化的端庄优雅与典雅韵味。

Shēn chuān chuān tǒng jīng zhì fēng guān xiá pèi de hàn fú de xīn niáng zài hūn lǐ yí shì shàng róng guāng huàn fā, jìn xiǎn dōng fāng hūn sù wén huà de duān zhuāng yōu yǎ yǔ gǔ diǎn yā yùn.

Cô dâu mặc trang phục Hán phục với chiếc mũ phượng áo rắng thêu hoa văn truyền thống tinh xảo tại nghi thức hôn lễ rạng rỡ thần thái, phô diễn trọn vẹn sự đoan trang tao nhã cùng phong vị cổ điển của văn hóa hôn lễ phương Đông.

28 nét

HÁN VIỆT: TÂN NƯƠNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#790

新鲜

xīn xiān

tươi

清晨的海鲜早市上摆满了刚从渔船上卸下来的大活鱼和新鲜龙虾，吸引了众多市民争相选购。

Qīng chén de hǎi xiān zǎo shì shàng bǎi mǎn le gāng cóng yú chuán shàng xiè xià lái de dà huó yú hé xīn xiān lóng xiā, xī yǐn le zhòng duō shì mīn zhēng xiāng xuǎn gòu.

Khu chợ hải sản sớm mai bày la liệt những mẻ cá tươi sống và tôm hùm vừa đánh bắt từ thuyền lên, thu hút đông đảo người dân chen chân chọn mua.

25 nét

HÁN VIỆT: TÂN TIỀN

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#791

新型

xīn xíng

kiểu mới, loại mới, tân tiến

加快构建以新能源为主体的新型电力系统，是推动能源绿色低碳转型与实现双碳目标的关键举措。

Jiā kuài gòu jiàn yǐ xīn néng yuán wéi zhǔ tǐ de xīn xíng diàn lì xì tǒng, shì tuī dòng néng yuán lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng yǔ shí xiàn shuāng tàn mù biāo de guān jiàn jǔ cuò.

Đẩy nhanh xây dựng hệ thống điện lực kiểu mới loại mới lấy năng lượng mới làm chủ thể là biện pháp then chốt để thực hiện mục tiêu 'carbon kép' và thúc đẩy chuyển đổi năng lượng xanh ít phát thải carbon.

26 nét

HÁN VIỆT: TÂN HÌNH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#792

行业

háng yè

ngành nghề, ngành công nghiệp

随着绿色能源技术的成熟，新能源汽车与储能行业正在迎来爆发式增长的历史机遇期。

Suí zhe lǜ sè néng yuán jì shù de chéng shú, xīn néng yuán qì chē yǔ chǔ néng háng yè zhèng zài yíng lái bào fā shì zēng zhǎng de lì shǐ jī yù qī.

Cùng với sự chín muồi của công nghệ năng lượng xanh, ngành công nghiệp xe năng lượng mới và lưu trữ năng lượng đang đón nhận thời kỳ cơ hội lịch sử tăng trưởng bùng nổ.

22 nét

HÁN VIỆT: HÀNG NGHIỆP



HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#793

形容

xíng róng

hình dung, miêu tả; diện mạo

站在巍峨雄奇的黄山光明顶俯瞰翻滚奔涌的浩瀚云海，那种波澜壮阔的美简直无法用普通言语来形容。

Zhàn zài wēi é xióng qí de huáng shān guāng míng dǐng fú kàn fān gǔn bēn yǒng de hào hàn yún hǎi, nà zhǒng bō lán zhuàng kuò de měi jiǎn zhī wú fǎ yòng pǔ tōng yán yǔ lái xíng róng.

Đứng trên đỉnh Quang Minh hùng vĩ tráng lệ của núi Hoàng Sơn phóng tầm mắt nhìn xuống biển mây cuộn cuộn bao la, vẻ đẹp tráng lệ hào hùng ấy quả thực không thể dùng lời nói bình thường để hình dung diễn tả.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: HÌNH DUNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#794

形势

xíng shì

tình hình, cục diện, thời thế

面对复杂严峻的外部环境与全球产业链重构形势，我们要保持战略定力，集中精力办好自己事情。

Miàn duì fù zá yán jùn de wài bù huán jìng yǔ quán qiú chǎn yè lián zhòng gòu xíng shì, wǒ men yào bǎo chí zhàn lüè dìng lì, jí zhōng jīng lì bàn hǎo zì jǐ de shì qíng.

Đứng trước tình hình tái cấu trúc chuỗi công nghiệp toàn cầu và môi trường bên ngoài phức tạp khắc nghiệt, chúng ta cần giữ vững sự kiên định chiến lược, tập trung sức lực làm tốt việc của chính mình.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: HÌNH THẾ

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Hậu tố

#795

型

xíng

kiểu, loại, hình mẫu, mô hình

国家大力支持建设创新型大学与高水平研究型医院，推动基础研究与临床转化深度融合。

Guó jiā dà lì zhī chí jiàn shè chuàng xīn xíng dà xué yǔ gāo shuǐ píng yán jiū xíng yī yuàn, tuī dòng jī chǔ yán jiū yǔ lín chuáng zhuǎn huà shēn dù róng hé.

Nhà nước ra sức hỗ trợ xây dựng các bệnh viện kiểu mô hình nghiên cứu trình độ cao và các trường đại học kiểu đổi mới sáng tạo, thúc đẩy sự dung hợp sâu sắc giữa chuyển đổi lâm sàng và nghiên cứu cơ bản.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: HÌNH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#796

型号

xíng hào

mẫu mã, số hiệu kiểu mẫu, model

该型号国产重型燃气轮机顺利通过满负荷商业运行考核，标志着我国在高端动力装备领域实现重大跨越。

Gāi xíng hào guó chǎn zhòng xíng qì lún jī shùn lì tōng guò mǎn fù hè shāng yè yùn xíng kǎo hé, biāo zhì zhe wǒ guó zài gāo duān dòng lì zhuāng bèi lǐng yù shí xiàn zhòng dà kuà yuè.

Mẫu mã model tuabin khí hạng nặng sản xuất trong nước thuộc số hiệu kiểu mẫu này đã vượt qua kỳ sát hạch vận hành thương mại toàn tải thuận lợi, đánh dấu việc nước ta thực hiện bước nhảy vọt trọng đại trong lĩnh vực trang thiết bị động lực cao cấp.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: HÌNH GÀO

HSK 4 (3.0)

Động từ

#797

醒

xǐng

tỉnh, thức dậy, tỉnh ngộ

清晨被窗外清脆悦耳的鸟鸣声唤醒，推开窗户便迎来了清新宜人的春风。

Qīng chén bèi chuāng wài qīng cuī yuè ěr de niǎo míng shēng huàn xǐng, tuī kāi chuāng hù biàn yíng lái le qīng xīn yí rén de chūn fēng.

Sáng sớm được đánh thức bởi tiếng chim hót véo von trong trẻo ngoài khung cửa sổ, đẩy cửa ra là đón nhận làn gió xuân mát lành dễ chịu.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: TỈNH

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#798

兴奋

xīng fèn

hào hứng, phấn khích, hưng phấn

得知自己梦寐以求的科研项目终于成功获得国家自然科学基金重点资助，全校师生兴奋得欢呼雀跃。

Dé zhī zì jǐ mèng mèi yǐ qiú de kē yán xiàng mù zhōng yú chéng gōng huò dé guó jiā zì rán kē xué jī jīn zhòng diǎn zī zhù, quán zǔ shī shēng xīng fèn dé huān hū què yuè.

Hay tin để tài nghiên cứu khoa học bấy lâu ấp ủ ước mơ cuối cùng đã chính thức nhận được tài trợ trọng điểm từ Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia, thầy trò cả nhóm phấn khích reo hò nhảy cẫng lên vì vui sướng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: HƯNG PHẤN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#799

兴趣

xìng qù

Lỗi suất

兴趣是最好的老师，对一门语言文化发自内心的热爱是支撑我们长期精进的源泉动力。

Xìng qù shì zuì hǎo de lǎo shī, duì yī mén yǔ yán wén huà fā zì nèi xīn de rè ài shì zhī chēng wǒ men cháng qī jīng jìn de yuán quán dòng lì.

Hứng thú là người thầy giỏi nhất, niềm say mê xuất phát từ đáy lòng đối với một ngôn ngữ văn hóa là cội nguồn động lực giúp ta không ngừng tiến xa.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: HƯNG THÚ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#800

性质

xìng zhì

tính chất, bản chất

物理学家深入解析了二维拓扑金属材料在强磁场极端环境下的反常量子输运物理性质。

Wù lǐ huà xué jiā shēn rù jīě xī le èr wéi tuō pǔ jīn shǔ cái liào zài qiáng cí chǎng jí duān huán jīng xià de fǎn cháng liàng zǐ shū yùn wù lǐ xìng zhì.

Các nhà hóa lý đã đi sâu giải mã các tính chất vật lý truyền dẫn lượng tử dị thường của vật liệu bán kim loại tô-pô hai chiều trong môi trường cực đoan của từ trường cực mạnh.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TÍNH CHẤT

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#801

兄弟

xiōng dì

anh em, tình anh em

两家科研兄弟单位在国家重大深空探测工程中精诚合作、密切协同，共同攻克了地外天体软着陆技术难关。

Liǎng jiā kē yán xiōng dì dān wèi zài guó jiā zhòng dà shēn kōng tàn cè gōng chéng zhōng jīng chéng hé zuò, mì qiè xié tóng, gòng tóng gōng kè le dì wài tiān tǐ ruǎn zhuó lù jì shù nán guān.

Hai đơn vị nghiên cứu khoa học anh em trong đại công trình thám hiểm không gian sâu quốc gia đã hợp tác chí tình chí nghĩa, phối hợp chặt chẽ, cùng nhau chinh phục rào cản kỹ thuật hạ cánh mềm trên các thiên thể ngoài Trái Đất.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: HUYNH ĐỆ



HSK 4 (3.0)

Danh từ

#802

胸部

xiōngbù

ngực, phần ngực, lồng ngực

新型超低剂量数字化胸部CT扫描设备能够在几秒钟内完成肺部微小结节的高精度筛查。

Xīn xíng chāo dī jì liàng shù zì huà xiōng bù CT sǎo miǎo shè bēi níng gòu zài jǐ miǎo zhōng nèi wǎn chéng fēi bù wēi xiǎo jié jié de gāo jīng dù shāi chá.

Thiết bị chụp CT lồng ngực phần ngực số hóa liều lượng siêu thấp kiểu mới có thể hoàn thành việc sàng lọc độ chính xác cao các nốt mờ siêu nhỏ trong phổi chỉ trong vòng vài giây.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : HUNG BỘ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#803

修理

xiū lǐ

sửa chữa, bảo dưỡng tu sửa máy móc

航天员在空间站核心舱外成功开展了多次微重力太空出舱行走，精准完成了太阳能电池翼受损部位的修理加固作业。

Háng tiān yuán zài kōng jiàn zhōng xīn cāng wài chéng gōng kāi zhǎn le duō cì wēi zhòng lì tài kōng chū cāng xíng zǒu, jīng zhǔn wán chéng le tài kōng chū cāng xíng zǒu, jīng zhǔn wán chéng le tài kōng chū cāng xíng zǒu, jīng zhǔn wán chéng le tài kōng chū cāng xíng zǒu.

Các phi hành gia bên ngoài khoang lõi của trạm vũ trụ đã triển khai thành công nhiều chuyến đi bộ ngoài không gian trong điều kiện vi trọng lực, hoàn thành chuẩn xác tác nghiệp gia cố và sửa chữa các vị trí bị tổn hại của cánh pin mặt trời.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : TULY

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#804

选择

xuǎn zé

chọn

在人生的关键十字路口，我们要学会倾听自己内心的真实呼唤，做出无悔的勇敢选择。

Zài rénshēng de guānjiàn shízìlùkǒu, wǒmen yào xuéhuì qīngtīng zìjǐ nèixīn de zhēnshí hūhuàn, zuò chū wúhuǐ de yǒnggǎn xuǎnzé.

Đứng trước những bước ngoặt ngã rẽ quan trọng của cuộc đời, chúng ta cần học cách lắng nghe tiếng lòng chân thật để đưa ra lựa chọn đúng cảm không hối tiếc.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : TUYỂN TRẠCH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#805

学分

xuéfēn

tín chỉ (học tập)

高校推行完全学分制与弹性学制，鼓励优秀学生根据个人志趣跨专业跨学院选修创新学分。

Gāo xiào tuī xíng wán quán xué fēn zhì yǔ tán xìng xué zhì, gǔ lì yōu xiù xué shēng gēn jù gè rén zhì qù kuà zhuān yè kuà xué yuàn xuǎn xiū chuàng xīn xué fēn.

Trường đại học thực hiện chế độ học tập linh hoạt và chế độ tín chỉ hoàn toàn, khích lệ sinh viên xuất sắc căn cứ vào chí hướng sở thích cá nhân để tích lũy tín chỉ đổi mới sáng tạo tự chọn liên viện liên chuyên ngành.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : HỌC PHẦN

HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#806

学年

xuénián

năm học

在这个充满收获的新学年里，学校全面推行科教融汇与产教融合协同育人新模式。

Zài zhè ge chōng mǎn shōu huò de xīn xué nián lǐ, xué xiào quán miàn tuī xíng kē jiào róng huì yǔ chǎn jiào róng hé xié tóng yù rén xīn mó shì.

Trong năm học mới tràn ngập niềm vui thu hoạch này, nhà trường đẩy mạnh toàn diện mô hình mới cùng nuôi dưỡng giáo dục kết hợp hài hòa giữa doanh nghiệp - giáo dục và khoa học - giáo dục.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : HỌC NIÊN

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#807

学时

xuéshí

tiết học, giờ học quy chuẩn

这门面向全校开设的人工智能通识核心课程共计三十二个学时，包含丰富的上机实操项目实践。

Zhè mén miàn xiàng quán xiào kāi shè de rén gōng zhì néng tōng shí hé xīn kè chéng gòng jì sān shí èr gè xué shí, bāo hán fēng fù de shàng jī shí cǎo xiàng mù shí jiàn.

Môn học cốt lõi đại cương trí tuệ nhân tạo mở cho toàn trường này tổng cộng gồm 32 tiết học giờ học, bao gồm các dự án thực hành thao tác trên máy phong phú.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : HỌC THỜI

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#808

学术

xuéshù

học thuật, nghiên cứu khoa học

营造自由探索、潜心笃学、求真务实的良好学术生态，是催生世界级原创性重大科学成果的重要沃土。

Yíng zào zì yóu tàn suǒ, qián xīn dǔ xué, qiú zhēn wú shí de liáng hǎo xué shù shēng tài, shì cuī shēng shì jiè jí yuán chuàng xīng zhòng dà kē xué chéng guǒ de zhòng yào wǒ tǔ.

Xây dựng môi trường sinh thái học thuật lành mạnh tự do tìm tòi, miệt mài học hỏi và cầu thị thực chất là mảnh đất màu mỡ để ươm mầm nên những thành quả khoa học trọng đại mang tính nguyên tác tầm cỡ thế giới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : HỌC THUẬT

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#809

学问

xuéwèn

học vấn, tri thức uyên bác, kiến thức

做学问必须耐得住坐冷板凳的寂寞，求真务实、一丝不苟，绝不能急功近利或弄虚作假。

Zuò xué wèn bì xū nài de zhù zuò lěng bǎn dèng de jì mò, qiú zhēn wú shí, yī sī bù gōu, jué bù néng jí gōng jìn lì huò nòng xū zuò jiǎ.

Làm học vấn bắt buộc phải chịu được sự cô đơn lẻ loi khi ngồi ghế lạnh, cầu thị chân chính và cẩn trọng từng li từng tí, tuyệt đối không được nản lòng đốt cháy giai đoạn hay gian lận dối trá.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : HỌC VẤN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#810

寻找

xúnzhǎo

tìm kiếm, kiếm tìm, truy tìm

深空探测器搭载的高灵敏度天文望远镜在浩瀚宇宙深处持续寻找着可能适宜人类居住的系外类地行星。

Shēn kōng tàn cè qì dā zài de gāo lǐng mǐn dù tiān wén wàng yǎng jīng zài hào hàn yǔ zhòu shēn chù chí xù xún zhǎo zhǎo kě néng shì yí rén lèi jū zhù de xì wài lèi dì xíng xīng.

Kính viễn vọng thiên văn độ nhạy cao trang bị trên tàu thám hiểm không gian sâu liên tục tìm kiếm các hành tinh ngoài hệ Mặt Trời giống Trái Đất có khả năng phù hợp cho con người sinh sống sâu trong vũ trụ bao la.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : TÌM TRẢO



HSK 4 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#811

迅速

xùn sù

nhanh chóng, thần tốc, cấp tốc

接到紧急突发灾情报告后，国家综合应急救援队伍迅速集结并携带专业生命探测装备奔赴灾区。

Jiē dào jǐn jí tū fā zāi qíng bào gào hòu, guó jiā zōng hé yǐng jí jiù yuán duì wú xùn sù jí jié jíng xié dài zhuān yè shēng mìng tàn cè zhuāng bèi bēn fù zāi qū.

Sau khi nhận được báo cáo tình hình thiên tai khẩn cấp bất ngờ, đội cứu nạn cứu hộ tổng hợp quốc gia đã nhanh chóng tập kết và mang theo trang thiết bị dò tìm sự sống chuyên dụng hỏa tốc tới vùng bị nạn.

27 nét

HÁN VIỆT: TẮN TỐC

HSK 4 (3.0)

Động từ

#812

牙

yá

Răng

老师鼓励大家积极牙，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yá, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực

Răng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: NHA

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#813

牙刷

yáshuā

bàn chải đánh răng

口腔健康专家建议，每隔三个月应当及时更换一次软毛牙刷，以维护良好的口腔牙龈健康。

Kǒu qiāng jiàn kāng zhuan jiā jiàn yì, měi gé sān gè yuē yīng dāng jí shí gēng huàn yī cì ruǎn máo yá shuā, yǐ wéi hù liáng hǎo de kǒu qiāng yá yīn jiàn kāng.

Chuyên gia sức khỏe răng miệng kiến nghị, cứ cách 3 tháng nên kịp thời thay một chiếc bàn chải đánh răng lông mềm mới để giữ gìn sức khỏe nướu và răng miệng tốt.

27 nét

HÁN VIỆT: NHA XOÁT

HSK 4 (3.0)

Danh từ riêng

#814

亚运会

Yà yùn huì

Đại hội Thể thao châu Á, ASIAD

在杭州亚运会上，我国体育代表团以顽强拼搏的精神风貌勇夺金牌榜与奖牌榜双第一。

Zài háng zhōu yà yùn huì shàng, wǒ guó tǐ yù dài biǎo tuán yǐ wǎn qiáng pīn bó de jīng shén fēng máo yǒng duó jīn pǎi bǎng yǔ jiǎng pǎi bǎng shuāng dì yī.

Tại Đại hội Thể thao châu Á ASIAD Hàng Châu, đoàn thể thao đại diện nước ta bằng phong thái tinh thần ngoan cường nỗ lực đã xuất sắc đoạt ngôi vị quán quân số một ở cả bảng tổng sắp huy chương và bảng tổng sắp huy chương vàng.

35 nét

HÁN VIỆT: Á VẬN HỘI

HSK 4 (3.0)

Trợ từ

#815

呀

ya

a, nha, nhé (trợ từ ngữ khí)

哇，你看天边那一抹绚丽的晚霞多美呀！快拿相机把它记录下来吧。

Wa, nǐ kàn tiān biān nà yī mǒ xuàn lì de wǎn xiá duō měi ya! kuài ná xiàng jī bǎ tā jì lù xià lái ba.

Oa, bạn nhìn rằng chiều hoàng hôn rực rỡ nơi chân trời đằng kia đẹp biết bao kia! Mau lấy máy ảnh ra chụp lưu giữ lại đi.

9 nét

HÁN VIỆT: NHA

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#816

延期

yán qī

hoãn lại, gia hạn thời gian, dời ngày

针对部分受极端恶劣气候与深海作业条件限制的基础科考专项，评审专家委员会依法批准了合理的科研周期延期申请。

Zhēn duì bù fēn shòu jí duǎn è liè hòu yú shēn hǎi zuò yè tiáo jiàn xiàn zhì de jī chǔ kē kǎo zhuān xiàng, píng shěn zhuān jiā wēi yuán huì yī fǎ pī zhǔn le hé lǐ de kē yán zhōu qī yǎn qī shēn qǐng.

Nhằm vào một số để án khảo sát khoa học cơ bản bị hạn chế bởi điều kiện thao tác dưới biển sâu và khí hậu khắc nghiệt cực đoan, hội đồng chuyên gia đánh giá theo quy định pháp luật đã phê chuẩn đơn xin gia hạn hoãn lại chu kỳ nghiên cứu khoa học hợp lý.

24 nét

HÁN VIỆT: DIỄN KỶ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#817

延续

yán xù

tiếp nối, kéo dài liên tục, truyền thừa tiếp diễn

中华文明是世界上唯一自古至今从未中断、绵延不绝延续发展至今的伟大古老文明。

Zhōng huá wén míng shì shì jiè shàng wéi yī zì gǔ zhì jīn cóng wèi zhōng duàn, miǎn yán bù jué yǎn xù fǎ zhān zhì jīn de wéi dà gǔ lǎo wén míng.

Văn minh Trung Hoa là nền văn minh cổ xưa vĩ đại duy nhất trên thế giới chưa từng bị đứt đoạn từ ngàn xưa đến nay, liên tục tiếp nối phát triển trường tồn không dứt cho tới ngày nay.

28 nét

HÁN VIỆT: DIỄN TỤC

HSK 4 (3.0)

Động từ

#818

延长

yán cháng

mở rộng

老师鼓励大家积极延长，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yán cháng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mở rộng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

24 nét

HÁN VIỆT: DIỄN TRƯỞNG

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#819

严

yán

nghiêm khắc, nghiêm cẩn; kín kẽ, chặt chẽ

做科学研究必须秉持严谨求实、精益求精的治学态度，容不得半点粗心与马虎。

Zuò kē xué yán jiū bì xū bǐng chí yán jīn qiú shí, jīng yì qiú jīng de zhì xué tài dù, róng bù dé bàn diǎn cǔ xīn yǔ mǎ hǔ.

Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải giữ vững thái độ làm học vẫn tinh ích cầu tinh, nghiêm cẩn nghiêm khắc cầu thị, không thể dung thứ cho nửa điểm cầu thả hay lơ là.

14 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊM



HSK 4 (3.0)

Tính từ

#820

严格

yán gé

ng nghiêm khắc, nghiêm ngặt, chặt chẽ

导师治学态度严谨，对研究生的学术规范与实验数据真实性有着极其严格的标准与要求。

Dào shī zhì xué tài dù yán jǐn, duì yán jiū shēng de xué shù guī fàn yù shí yán shù jù zhēn shí xìng yǒu zhe jí qí yán gé de biāo zhǔn yǔ yāo qiú.

Người thầy hướng dẫn có tác phong học thuật vô cùng cẩn trọng, đưa ra những tiêu chuẩn và yêu cầu hết sức nghiêm khắc đối với quy chuẩn học thuật và tính trung thực của số liệu thực nghiệm.

22 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊM CÁCH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#821

严重

yán zhòng

ng nghiêm trọng, trầm trọng

面对严重的突发公共卫生事件与自然灾害，全社会必须万众一心、众志成城共克时艰。

Miàn duì yán zhòng de tū fā gōng gòng wèi shēng shì jiàn yǔ zì rán zāi hài, quán shè huì bì xū wàn zhòng yí xīn, zhòng zhì chéng chéng gòng kè shí jiān.

Đứng trước các sự cố y tế công cộng và thiên tai thảm họa nghiêm trọng bất ngờ ập đến, toàn xã hội phải triệu người như một, chung sức đồng lòng vượt qua gian khó.

23 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊM TRỌNG

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#822

研究

yán jiū

ng nghiên cứu, tìm tòi khảo sát

青年科学家潜心前沿基础科学研究，在量子信息与微纳制造领域取得了多项世界领先的原创突破。

Qīng nián kē xué jiǎ qián xīn qián yán jī chǔ kē xué yán jiū, zài liàng zǐ xìn xī yǔ wēi nà zhì zào lǐng yù qǔ dé le duō xiàng shì jiè lǐng xiān de yuán chuàng tū pò.

Các nhà khoa học trẻ tuổi chuyên tâm nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong, đã đạt được nhiều đột phá nguyên tắc dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực chế tạo vi nano và thông tin lượng tử.

23 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊN CỨU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#823

研究生

yán jiū shēng

ng nghiên cứu sinh, học viên cao học

攻读硕士与博士研究生不仅是学术知识的深造，更是独立科研思维与创新能力的全面锤炼。

Gōng dú shuò shì yǔ bó shì yán jiū shēng bù jǐn shì xué shù zhī shí de shēn zào, gèng shì dú lì kē yán sī wéi yǔ chuàng xīn néng lì de quán miàn chuí liàn.

Học bậc nghiên cứu sinh thạc sĩ và tiến sĩ không đơn thuần là đào tạo nâng cao kiến thức học thuật, mà cốt lõi là sự tối luyện toàn diện về tư duy nghiên cứu độc lập và năng lực đổi mới sáng tạo.

33 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊN CỨU SINH

HSK 4 (3.0)

Động từ

#824

研制

yán zhì

ng nghiên cứu chế tạo, nghiên chế phát triển

我国完全自主研制的新一代重型运载火箭成功完成首飞，全面提升了进入深空探索的运载能力。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de xīn yí dài zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn chéng gōng wán chéng shǒu fēi, quán miàn tí shēng le jìn rù shēn kōng tàn suǒ de yùn zài néng lì.

Dòng tên lửa đẩy hạng nặng thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo phát triển đã hoàn thành chuyến bay đầu tiên thành công, nâng cao toàn diện năng lực vận tải tiến vào thám hiểm không gian sâu.

23 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊN CHẾ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#825

盐

yán

muối, muối ăn

日常健康饮食提倡“少盐低脂”，合理控制食盐摄入量对预防高血压至关重要。

Rì cháng jiàn kāng yǐn shí tí chàng "shǎo yán dī zhī", hé lǐ kòng zhì shí yán shè rù liàng duì yù fáng gāo xuè yā zhì guān zhòng yào.

Chế độ ăn uống lành mạnh hàng ngày khuyến khích 'ít muối giảm béo', việc kiểm soát hợp lý lượng muối ăn nạp vào cơ thể có ý nghĩa then chốt để phòng ngừa bệnh cao huyết áp.

9 nét

HÁN VIỆT: DIÊM

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#826

眼镜

yǎn jìng

kính

他戴着一副精致典雅的纯钛黑框眼镜，整个人显得文质彬彬、学识渊博。

Tā dài zhe yí fù jīng zhì diǎn yǎ de chún tài hēi kuàng yǎn jìng, zhěng gè rén xiān de wén zhì bīn bīn, xué shí yuān bó.

Anh ấy đeo cặp kính gọng đen titan thanh lịch và tinh xảo, toát lên phong thái nho nhã và học thức uyên bác.

22 nét

HÁN VIỆT: NHẮN KÍNH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#827

眼泪

yǎn lèi

nước mắt, giọt nước mắt

当看到自主研发的大国重器成功翱翔蓝天的那一刻，总设计师激动得眼泪夺眶而出。

Dāng kàn dào zì zhǔ yán zhì de dà guó zhòng qì chéng gōng áo xiáng lán tiān de nà yí kè, zǒng shè jì shī jī dòng de yǎn lèi duó kuàng ér chū.

Vào khoảnh khắc nhìn thấy đại khí quốc gia do tự chủ nghiên cứu chế tạo bay lượn thành công trên bầu trời xanh, vị tổng công trình sư đã xúc động trào dâng giọt nước mắt nước mắt tuôn trào khỏe mị.

21 nét

HÁN VIỆT: NHẮN LỆ

HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#828

眼里

yǎn lǐ

trong mắt, trong ánh mắt, trong tầm nhìn

在老一辈战略科学家的眼里，青年人才就是国家科技事业蓬勃发展最宝贵的未来希望。

Zài lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā de yǎn lǐ, qīng nián rén cái jiù shì guó jiā jī shì yè péng bó fā zhǎn zuì bǎo guì de wèi lái xī wàng.

Trong ánh mắt trong mắt của các nhà khoa học chiến lược tiền bối, nhân tài trẻ tuổi chính là niềm hy vọng tương lai quý báu nhất cho sự phát triển phồn vinh của sự nghiệp khoa học công nghệ quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT: NHẮN LÝ



HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#829

演讲

yǎn jiǎng

thuyết trình, diễn thuyết, bài phát biểu

在联合国国际青年论坛上，我国青年代表发表了关于携手推动全球可持续发展与生态文明建设的主题演讲，赢得阵阵热烈掌声。

Zài lián hé guó jì qīng nián lùn tán shàng, wǒ guó qīng nián dài biǎo fā biǎo le guān yú xié shǒu tuī dòng quán qiú kě chí xù fā zhǎn yǔ shēng wén míng jiàn shè de zhǔ tí yǎn jiǎng, yíng dé zhēn zhēn rè liè zhǎng shēng.

Tại Diễn đàn Thanh niên Quốc tế Liên Hợp Quốc, đại biểu thanh niên nước ta đã có bài phát biểu diễn thuyết thuyết trình chủ đề về việc chung tay thúc đẩy xây dựng văn minh sinh thái và phát triển bền vững toàn cầu, giành được những tràng pháo tay nhiệt liệt vang dội.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : DIỄN GIǎNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#830

阳台

yáng tái

ban công

清晨站在朝南的开阔景观阳台上极目远眺，沐浴在温暖和煦的阳光下，远方湖光山色尽收眼底。

Qīng chén zhàn zài cháo nán de kāi kuò jīng guān yáng tái shàng jí mù yuǎn tiào, mù yǔ zài wēn nuǎn huó xù de yáng guāng xià, yuǎn fāng hú guāng shān sè jìn jìn shōu yǎn dǐ.

Sáng sớm đứng trên ban công ngắm cảnh rộng mở quay về hướng Nam phóng tầm mắt nhìn ra xa, tầm nhìn dưới ánh nắng ban mai ấm áp dịu dàng, cảnh sắc non nước hồ xa xa thu trọn vào tầm mắt.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : DƯƠNG TÀI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#831

养成

yǎng chéng

hình thành, rèn luyện (thói quen)

在青少年成长时期养成早睡早起、热爱阅读与坚持体育锻炼的优良生活习惯将终身受益无穷。

Zài qīng shào nián chéng zhǎng shí qī yǎng chéng zǎo shuì zǎo qǐ, rè ài yuè dú yǔ jiān chí tǐ yù duàn liàn de yōu liáng shēng huó xí guān jiāng zhōng shēn shòu yì wú qióng.

Hình thành và rèn luyện được những thói quen sinh hoạt tốt như ngủ sớm dậy sớm, say mê đọc sách và chăm tập thể dục thể thao ngay từ thời niên thiếu sẽ mang lại lợi ích vô giá suốt cả cuộc đời.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : DƯỠNG THÀNH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#832

腰

yāo

eo, thắt lưng; lưng chừng

长时间伏案工作时应当保持正确的坐姿，并定时起身做腰部拉伸活动以有效预防腰椎疲劳劳损。

Zhǎng shí jiān fú àn gōng zuò shí yīng dǎng bǎo chí zhèng què de zuò zǐ, bìng dìng shí qǐ shēn zuò yāo bù lā shēn huó dòng yǐ yǒu xiào yù fáng yāo zhūi pí láo lǎo sǔn.

Khi ngồi làm việc bên bàn giấy trong thời gian dài cần duy trì tư thế ngồi đúng chuẩn, và định kỳ đứng dậy tập các động tác giãn cơ vùng eo thắt lưng để phòng ngừa hiệu quả sự mệt mỏi thoái hóa cột sống thắt lưng.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : YÊU

HSK 4 (3.0)

Động từ

#833

摇

yáo

rung, lắc, đưa đưa, chèo thuyền

微风吹过，湖畔那一排排依依杨柳轻轻摇曳着翠绿纤细的枝条，在水面上荡起层层优美涟漪。

Wēi fēng chuī guò, hú pàn nà yī pái pái yī yī yáng liú liú qīng qīng yáo yè zhe cuì lǜ xiān xì de zhī tiáo, zài shuǐ miàn shàng dàng qǐ céng céng yōu měi lián yī.

Làn gió nhẹ thổi qua, từng hàng liễu rủ bên bờ hồ khẽ đưa đưa những cành lá xanh non mềm mại, làm gợn lên trên mặt nước từng lớp sóng gợn lăn tăn tuyệt đẹp.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : DAO

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#834

药物

yàowù

thuốc, dược phẩm, dược chất

我国生物医药科研团队完全自主研发的抗肿瘤靶向创新药物，顺利通过了国际多中心临床试验。

Wǒ guó shēng wù yī yào kē yán tuán duì wán quán zì zhủ yán fā de kàng zhǒng zhū biāng xīn guǎng chuàng xīn yào wù, shùn lì tōng guò le guó jì duō zhōng xīn lín chuáng shì yàn.

Thuốc đối mới sáng tạo nhắm trúng đích chống ung thư do đội ngũ nghiên cứu khoa học y dược sinh học nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã vượt qua các thử nghiệm lâm sàng đa trung tâm quốc tế một cách thuận lợi.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : DƯỢC VẬT

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#835

业余

yè yú

nghịệp dư, ngoài giờ làm việc; tay ngang

在紧张繁忙的科研工作之余，利用业余时间坚持练习中国书法与绘画能够极大陶冶高尚情操。

Zài jīn zhāng fán máng de kē yán gōng zuò zhī yú, lì yòng yè yú shí jiān jiān chí liàn xí zhōng guó shū fǎ yǔ huà huà néng gòu jí dà táo yě gāo shàng qīng cāo.

Ngoài những lúc nghiên cứu khoa học bận rộn căng thẳng, tận dụng thời gian ngoài giờ rảnh rỗi kiên trì luyện tập thư pháp và hội họa Trung Hoa có thể bồi đắp tâm hồn thanh cao rất nhiều.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : NGHIỆP DƯ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#836

叶子

yè zi

lá cây, chiếc lá

金秋十月，漫山遍野的枫树叶子变得如火如荼、绚丽多彩，吸引了无数摄影爱好者慕名而来。

Jīn qiū shí yuè, mǎn shān biàn yě de fēng shù yè zi biàn dé rú huǒ rú tú, xuàn lì duō cǎi, xī yǐn liǎo wú shù shè yǐng ài hào zhě mù míng ér lái.

Tháng mười mùa thu vàng, lá phong phủ khắp núi đồi ngà sang sắc đỏ rực rỡ như ngọn lửa bập bùng, thu hút vô số tín đồ mê nhiếp ảnh tìm đến thưởng ngoạn và săn ảnh.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : HIỆP TỬ

HSK 4 (3.0)

Cụm từ / Phó từ

#837

一般来说

yìbān lái shuō

nói chung, thông thường mà nói

一般来说，高水平基础科学研究需要长期的学术沉淀与耐得住寂寞的专注索求精神。

Yì bān lái shuō, gāo shuǐ píng jī chǔ kē xué yán jiū xū yào cháng qī de xué shù chén diàn yǔ nài dé zhù jī mò de zhuān zhù qiú suǒ jīng shén.

Thông thường mà nói nói chung, nghiên cứu khoa học cơ bản trình độ cao đòi hỏi sự tích lũy học thuật lâu dài cùng tinh thần tìm tòi chuyên chú có thể chịu đựng được sự cô đơn quạnh quẽ.

📖 35 nét

HÁN VIỆT : NHẤT BAN LAI THUYẾT



HSK 4 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#838

一律

yī lǜ

đồng loạt, nhất loạt như nhau,
không ngoại lệ

在全面深化法治化营商环境建设中，国家保障各类所有制企业依法平等使用生产要素、一律公平公正参与市场竞争。

Zài quán miàn shēn huà fǎ zhì huà yíng shāng huán jīng jiàn shè zhōng, guó jiā bǎo zhàng gè lèi suǒ yǒu zhì qì yè yī fǎ píng děng shǐ yòng shēng chǎn yào sù, yī lǜ gōng píng gōng zhèng cān yù shì chǎng jīng zhēng.

Trong việc đi sâu xây dựng môi trường kinh doanh pháp trị hóa toàn diện, Nhà nước bảo đảm các doanh nghiệp thuộc mọi hình thức sở hữu bình đẳng theo pháp luật sử dụng các yếu tố sản xuất, nhất loạt đồng loạt tham gia cạnh tranh thị trường công bằng công minh.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NHẤT LUỆT

HSK 4 (3.0)

Phó từ

#839

一再

yī zài

nhiều lần, lặp đi lặp lại, liên tục nhấn mạnh

总设计师在工程发射冲刺动员大会上一再叮嘱全体指挥调度人员：必须做到万无一失、零差错、零缺陷交付任务。

Zǒng shè jì shī zài gōng chéng fā shè chōng cì dòng yuán dà huì shàng yī zài dīng zhǔ quán tǐ zhǐ huī diào dù rén yuán: bì xū zuò dào wàn wú yī shī, líng chā cuò, líng quē xiàn jiāo fù rèn wù.

Vị tổng công trình sư thiết kế tại đại hội phát động nước rút phóng công trình đã nhiều lần lặp đi lặp lại dặn dò toàn thể nhân viên chỉ huy điều độ: bắt buộc phải làm được tuyệt đối an toàn không một sai sót, không một khuyết tật, bàn giao nhiệm vụ hoàn hảo.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: NHẤT TÁI

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Động từ

#840

一致

yī zhì

nhất trí, đồng lòng, đồng thuận, thống nhất

经国际同行权威专家严格评审与充分讨论，专家组一致同意推荐该重大原创科研成果申报国家自然科学一等奖。

Jīng guó jì tóng háng quán wēi zhuan jiā yán gé píng shēn yǔ chōng fēn tāo lùn, zhuān jiā zú yí zhì tóng yì tuī jiàn gāi zhòng dà yuán chuàng kē yǎn chéng guó shēn bào guó jiā zì rán kē xué yì děng jiǎng.

Sau khi được các chuyên gia uy tín đồng nghiệp quốc tế thẩm định nghiêm ngặt và thảo luận thấu đáo, hội đồng chuyên gia đã nhất trí 100% đồng thuận đề cử thành quả nghiên cứu khoa học nguyên tác trọng đại này xét tặng Giải Nhất Giải thưởng Khoa học Tự nhiên Quốc gia.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NHẤT TRÍ

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Động từ

#841

医疗

yī liáo

y tế, điều trị y tế, chữa bệnh

国家全面推进优质医疗资源下沉与区域均衡布局，极大提升了基层群众的医疗保障水平。

Guó jiā quán miàn tuī jìn yōu zhì yī liáo zī yuán xià chén yǔ qū yù jūn héng bù jú, jí dà tí shēng le jī céng qún zhòng de yī liáo bǎo zhàng shuǐ píng.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện việc phân bổ cân bằng theo khu vực và đưa nguồn lực y tế chất lượng cao xuống cơ sở, nâng cao vượt bậc trình độ bảo đảm y tế điều trị y tế của quần chúng cơ sở.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: Y LIỆU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#842

医学

yī xué

y học, ngành y học

现代转化医学紧密结合人工智能大数据分析，为攻克恶性重大疾病开辟了全新诊疗路径。

Xià dài zhuǎn huà yī xué jīn miè jī hé rén gōng zhì néng dà shù jù fēn xī, wéi gōng kè è xìng zhòng dà jí bìng kāi pì le quán xīn zhěn liáo lù jīng.

Y học chuyển giao hiện đại kết hợp chặt chẽ với phân tích dữ liệu lớn trí tuệ nhân tạo, mở ra lộ trình chẩn đoán điều trị hoàn toàn mới để chinh phục các bệnh hiểm nghèo ác tính.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: Y HỌC

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#843

依靠

yī kào

dựa vào, nương tựa vào, chỗ dựa vững chắc

人民是历史的创造者，我们党始终紧紧依靠人民、尊重人民首创精神，汇聚起推进强国建设的磅礴力量。

Rén mín shì lì shǐ de chuàng zào zhě, wǒ men dǎng shǐ zhōng jìn jìn yī kào rén mín, zūn zhòng rén mín shǒu chuàng jīng shén, huì jù qǐ tuī jìn qiáng guó jiàn shè de páng bó lì liàng.

Nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, Đảng ta luôn luôn gắn bó dựa vào nhân dân, tôn trọng tinh thần sáng kiến đầu tiên của nhân dân, hội tụ nên nguồn sức mạnh dời non lấp biển để thúc đẩy xây dựng đất nước giàu mạnh.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: Y KHÁO

HSK 4 (3.0)

Phó từ

#844

依然

yī rán

vẫn như cũ, vẫn cứ, y nguyên

尽管历经了数千年的岁月沧桑与风雨侵蚀，这尊巍峨庄严的石窟大佛依然神态安详、光彩照人。

Jìn guān lì jīng le shù qiān nián de suì yuè cāng sāng yǔ fēng yǔ qīn shí, zhè zūn wēi é zhuāng yán de shí kǔ dà fú yī rán shén tài ān xiáng, guāng cǎi zhào rén.

Dẫu trải qua hàng ngàn năm mưa gió thăng trầm và sự bào mòn của thời gian, pho tượng đại Phật hang đá uy nghiêm sừng sững này vẫn giữ nguyên phong thái thanh thản an nhiên và tỏa sáng rực rỡ.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: Y NHIÊN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#845

移

yí

di chuyển, dời chuyển, dịch chuyển

愚公移山的精神激励着一代代中华儿女不畏艰难险阻、埋头苦干，创造出举世瞩目的历史伟业。

Yú gōng yí shān de jīng shén jī lì zhe yī dài dài zhōng huá ér nǚ bù wèi jiǎn nán xiǎn zǔ, mái tóu kǔ gàn, chuàng zào chū jǐ shì zhǔ mù de lì shǐ wěi yè.

Tinh thần 'Ngu Công dời núi di chuyển núi' khích lệ biết bao thế hệ người con đất nước không sợ gian nan hiểm trở, vùi đầu làm việc cần mẫn, tạo nên những đại nghiệp lịch sử khiến cả thế giới dõi theo.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: DI

HSK 4 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#846

移动

yí dòng

di chuyển, lưu động; di động (mobile)

第五代移动通信网络与卫星互联网的高速融合，实现了全球极端偏远海域与高山荒原的无缝高速互联。

Dì wũ dài yí dòng tōng xìn wǎng luò yǔ wèi xīng hù lián wǎng de gāo sù róng hé, shí xiàn le quán qiú jí duān piān yuǎn hǎi yǔ yǔ gāo shān huāng yuán de wú fèng gāo sù hù lián.

Sự kết hợp tốc độ cao giữa mạng lưới thông tin di động 5G cùng mạng Internet vệ tinh đã thực hiện kết nối liên thông tốc độ cao liên mạch cho các vùng biển xa xôi cực đoan và núi cao hoang vu trên toàn cầu.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: DI ĐỘNG



HSK 4 (3.0)

Danh từ / Động từ

#847

移民

yí mín

di dân, người nhập cư; di dời dân cư

在大型水利枢纽工程建设中，党和政府妥善安置了数十万库区搬迁移民并落实了产业后续扶持政策。

Zài dà xíng shuǐ lì shū niǔ gōng chéng jiàn shè zhōng, dǎng hé zhèng fǔ shàn àn zhì le shù shí wàn kù qū bān qiān yí mín bìng luò shí le chǎn yè hòu xù fú chí zhèng cè.

Trong việc xây dựng các công trình đầu mối thủy lợi quy mô lớn, Đảng và Chính phủ đã bố trí tái định cư chu đáo cho hàng chục vạn hộ dân di dời vùng lòng hồ và thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề tiếp theo.

17 nét

HÁN VIỆT · DI DÂN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#848

遗产

yí chǎn

di sản (văn hóa thế giới, thiên nhiên, của cải để lại)

我国世界自然遗产与文化遗产总数位居世界前列，国家全面构建以国家公园为主体的自然遗产地保护体系。

Wǒ guó shì jiè zì rán yí chǎn yǔ wén huà yí chǎn zōng shù wèi jū shì jiè qián liè, guó jiā quán miàn gòu jiàn yǐ guó jiā gōng yuán wéi zhǔ tǐ de zì rán yí chǎn dì bǎo hù tǐ xì.

Tổng số lượng di sản văn hóa và di sản tự nhiên thế giới của nước ta đứng trong hàng ngũ dẫn đầu thế giới, Nhà nước xây dựng toàn diện hệ thống bảo tồn các vùng di sản tự nhiên lấy Công viên Quốc gia làm chủ thể.

24 nét

HÁN VIỆT · DI SẢN

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#849

遗传

yí chuán

di truyền, di truyền học

国家作物分子育种中心利用先进的基因编辑与分子标记辅助选择技术，成功解析了耐盐碱水稻关键遗传调控机理。

Guó jiā zuó wù fēn zǐ yù zhòng zhōng xīn lì yòng xiān jìn de jī yīn biān jí yǔ fēn zǐ biāo zhì fū zhù xuǎn zé jì shù, chéng gōng jiě xī le nài yán jiǎn shuǐ dào guān jiàn yí chuán tiáo kòng jī lǐ.

Trung tâm Nhân giống Phân tử Cây trồng Quốc gia áp dụng kỹ thuật chỉnh sửa gen và chọn lọc hỗ trợ chỉ thị phân tử tiên tiến, đã giải mã thành công cơ chế điều hòa di truyền then chốt của giống lúa chịu mặn kiềm.

26 nét

HÁN VIỆT · DI TRUYỀN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#850

疑问

yí wèn

nghi vấn, thắc mắc, câu hỏi hoài nghi

敢于向既有权威理论提出合理疑问并勇于进行实验验证，是科学研究取得突破性发现的前提。

Gǎn yú xiàng jǐ yǒu quán wēi lǐ lùn tí chū hé lǐ yí wèn bìng yǒng yú jìn xíng shí yàn yàn zhèng, shì kē xué yán jiū qǔ dé tú pō xíng fā xiàn de qián tí.

Dám mạnh dạn đặt ra những nghi vấn hợp lý đối với các lý thuyết quyền uy sẵn có và dũng cảm tiến hành kiểm chứng bằng thực nghiệm là tiền đề để nghiên cứu khoa học đạt được những phát hiện mang tính đột phá.

21 nét

HÁN VIỆT · NGHI VẤN

HSK 4 (3.0)

Liên từ

#851

以及

yǐ jí

và, cùng với, cũng như

会议深入讨论了人工智能、量子信息以及深空探测等战略前沿领域的高水平国际科技合作。

Huì yì shēn rù tāo lùn le rén gōng zhì néng, liàng wǒ xī xī yǐ jí shēn kōng tàn cè děng zhàn lüè qián yán lǐng yù de gāo shuǐ píng guó jì kē jì hé zuò.

Hội nghị đã đi sâu thảo luận về sự hợp tác khoa học công nghệ quốc tế trình độ cao trong các lĩnh vực tiên phong chiến lược như thám trắc không gian sâu, thông tin lượng tử cũng như và cùng với trí tuệ nhân tạo.

20 nét

HÁN VIỆT · DĨ CẬP

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#852

以内

yǐ nèi

trong vòng, trong phạm vi (thời gian/khoảng cách)

该精密航天零部件的加工尺寸公差必须严格控制，在零点点零一毫米以内，确保万无一失。

Gāi jīng mì háng tiān bù jiàn de jiā gōng chǎ cùn gōng chāi bǐ xū yán gé kòng zhì zài líng diǎn líng líng yī háo mǐ yǐ nèi, què bǎo wàn wú yī shī.

Dung sai kích thước gia công của linh kiện hàng không vũ trụ chính xác này bắt buộc phải kiểm soát nghiêm ngặt trong vòng trong phạm vi 0,001 mm, bảo đảm an toàn tuyệt đối không một sai sót.

20 nét

HÁN VIỆT · DĨ NỘI

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#853

义务

yí wù

nghĩa vụ, bổn phận; tình nguyện, tự nguyện

依法纳税与依法服兵役是每一位中国公民应当自觉履行时光荣神圣的法律宪法义务。

Yī fǎ nà shuì yǔ yī fǎ fú bīng yì shì měi yí wèi zhōng guó gōng mǐn yīng dāng zì jué lǚ xíng shí guāng róng shén shèng de fǎ lǚ xiàn fǎ yì wù.

Nộp thuế theo luật định và thực hiện nghĩa vụ quân sự theo luật định là bổn phận nghĩa vụ hiến pháp và pháp luật thiêng liêng về vang mà mỗi công dân cần tự giác thực hiện.

22 nét

HÁN VIỆT · NGHĨA VỤ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#854

议论

yì lùn

bàn tán, thảo luận, nghị luận

在这部具有划时代哲学深度的学术力作公开发表后，国际学术界展开了长达数月的热烈议论与深刻研讨。

Zài zhè bù jù yǒu huà shí dài zhī xué shēn dù de xué shù lì zuò gōng kāi fā biāo hòu, guó jì xué shù jiè zhān kāi le cháng dá shù yuè de rè liè yì lùn yǔ shēn kè yán tāo.

Sau khi kiệt tác học thuật mang tầm sâu triết học mang tính bước ngoặt này được công bố rộng rãi, giới học thuật quốc tế đã triển khai những cuộc bàn thảo sôi nổi và nghiên cứu sâu sắc kéo dài suốt nhiều tháng liền.

18 nét

HÁN VIỆT · NGHỊ LUẬN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#855

引

yǐn

dẫn, dẫn dắt; thu hút lôi cuốn; trích dẫn

我们要坚持以科技创新引领现代化产业体系建设，大力培育和发展新质生产力。

Wǒ men yào jiān chí yǐ kē jì chuàng xīn yǐn lǐng xiān dài huà chǎn yè tǐ xì jiàn shè, dà lì péi yù hé fā zhǎn xīn zhì shēng chǎn lì.

Chúng ta phải kiên trì lấy đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ dẫn dắt dẫn đầu xây dựng hệ thống ngành công nghiệp hiện đại hóa, ra sức nuôi dưỡng và phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới.

10 nét

HÁN VIỆT · DẪN



HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#856

引导

yǐn dǎo

dẫn dắt, định hướng dẫn đường

高校思想政治教育注重以文化人、以德育人，科学引导广大青年学子树立正确的世界观、人生观与价值观。

Gāo xiào sī xiǎng zhèng zhī jiào yù zhù zhòng yǐ wén huà rén, yǐ dé yù rén, kě xué yǐn dǎo guāng dà qīng nián xué zǐ shù lì zhèng què de shì jiè guān, rén shēng guān yǐ jià zhí guān.

Giáo dục chính trị tư tưởng trường đại học coi trọng lấy văn hóa cảm hóa con người, lấy đạo đức giáo dục con người, định hướng dẫn dắt khoa học đồng đạo sinh viên thanh niên xây dựng nhân sinh quan, thế giới quan và hệ giá trị đúng đắn.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : DẪN ĐẠO

HSK 4 (3.0)

Động từ

#857

引进

yǐnjìn

tiếp thu, du nhập, nhập khẩu đưa vào (công nghệ/nhân tài)

国家积极引进全球顶尖战略科学家与青年拔尖人才，同时注重在自主创新实践中培育本土领军人才。

Guó jiā jī jí yǐn jìn quán qiú dīng jiā zhàn lüè kē xué jiā yǐ yǒng nián bá jiān rén cái, tóng shí zhòng zài zì zhù chuān xīn shí jiàn zhōng péi yù běn tǔ lǐng jūn rén cái.

Nhà nước tích cực tiếp thu đưa vào du nhập các nhân tài xuất chúng trẻ tuổi và các nhà khoa học chiến lược hàng đầu toàn cầu, đồng thời chú trọng nuôi dưỡng nhân tài dẫn đầu bản địa trong thực tiễn tự chủ đổi mới sáng tạo.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : DẪN TIẾN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#858

引起

yǐn qǐ

gây ra, khơi gợi, thu hút (chú ý)

这篇揭示全球海洋微塑料生态污染严峻现状的深度调查报告，引起了联合国环保署的高度关注。

Zhè piān jiē shì quán qiú hǎi yáng wēi sù liào shēng tài wū rǎn yán jùn xiàn zhuàng de shēn dù diào chá bào gào, yīn qǐ le lián hé guó huán bǎo shǔ de gāo dù guān zhù.

Bản báo cáo điều tra chuyên sâu vạch trần hiện trạng ô nhiễm sinh thái vi nhựa trong đại dương toàn cầu đã thu hút sự chú ý đặc biệt và quan ngại sâu sắc của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : DẪN KHƠI

HSK 4 (3.0)

Động từ năng nguyện / Động từ

#859

应

yīng

nên, cần phải; đáp ứng, ứng phó

新时代青年应自觉把个人奋斗融入强国建设的伟大实践中，在拼搏奉献中实现崇高的人生价值。

Xīn shí dài qīng nián yīng zì jué bǎ gè rén fèn dòu róng rù qiáng guó jiàn shè de wēi dà shí jiàn zhōng, zài pīn bó fèng xiàn zhōng shí xiàn chóng gāo de rén shēng jià zhí.

Thanh niên thời đại mới nên cần phải tự giác hòa nhập sự phấn đấu của cá nhân vào thực tiễn vĩ đại xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện giá trị nhân sinh cao đẹp trong quá trình cống hiến nỗ lực.

📖 14 nét

HÁN VIỆT : ỨNG

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#860

英勇

yīng yǒng

anh dũng, quả cảm kiên cường không sợ chết

在保卫祖国领土主权的生死边关，边防官兵英勇善战、舍生忘死，用鲜血与忠诚铸就了坚不可摧的祖国界碑。

Zài bǎo wèi zǔ guó lǐng tǔ zhǔ quán de shēng sǐ biān guān, biān fáng guān bīng yīng yǒng shàn zhàn, shě shēng wàng sǐ, yòng xiān xuè yǔ zhōng chéng zhù jiù le jiǎn bù kě cuī de zǔ guó jiè bēi.

Nơi biên cương sống còn bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc, các cán bộ chiến sĩ bộ đội biên phòng anh dũng thiện chiến, xả thân quên mình, dùng lòng trung thành và máu xương đúc nên những cột mốc biên giới kiên cố không thể phá vỡ của Tổ quốc.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : ANH DŨNG

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#861

营业

yíng yè

kinh doanh, mở cửa phục vụ

各大核心商圈的大型综合购物中心在法定节假日期间延长夜间营业时间，有力拉动了假日经济消费活力。

Gè dà hé xīn shāng quān de dà xíng zōng hé gòu wù zhōng xīn zài fǎ dìng jié jià rì qī jiǎn yán cháng yè jiān yíng yè shí jiān, yǒu lì lā dòng le jià rì jīng jì xiāo fèi huó lì.

Các trung tâm mua sắm tổng hợp quy mô lớn tại các khu thương mại trung tâm trọng điểm đã kéo dài thời gian mở cửa kinh doanh ban đêm trong các dịp nghỉ lễ theo quy định, thúc đẩy mạnh mẽ sức sống tiêu dùng kinh tế ban đêm ngày lễ.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : DOANH NGHIỆP

HSK 4 (3.0)

Động từ

#862

赢得

yíng dé

giành được, đoạt được, nhận được (sự tín nhiệm, thắng lợi)

中国在应对全球气候变化与推进绿色低碳转型中展现出的大国担当，赢得了国际社会的高度赞誉。

Zhōng guó zài yìng duì quán qiú qì hòu biàn huà yǔ tuī jìn lǜ sè diǎn zhuǎn xíng zhōng zhǎn xiàn chū zhǔ de dà guó dān dāng, yíng dé le guó jì shè huì de gāo dù zàn yù.

Tinh thần gánh vác trách nhiệm nước lớn do Trung Quốc phô diễn trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và thúc đẩy chuyển đổi xanh ít phát thải carbon đã giành được nhận được sự đánh giá rất cao của cộng đồng quốc tế.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : DOANH ĐẮC

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#863

影子

yǐng zi

cái bóng, bóng râm, bóng dáng

斜阳西下，夕阳的余晖把在田间地头辛勤劳作的农林科研人员的姿态影子拉得长长，格外崇高大。

Xié yáng xī xià, xī yáng de yú huī bǎ zài tián jiān dì tóu xīn qín láo zuò de nóng lín kē yán rén yuán de shēn zǐ yǐng zi lā dé cháng cháng, gé wài chóng gāo dòng rén.

Chiều tà bóng xế, ánh hoàng hôn rọi sáng chiếu kéo dài bóng dáng của các nhà nghiên cứu khoa học nông lâm đang miệt mài lao động trên đồng ruộng, trông thật cao đẹp và lay động lòng người.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ẢNH TỬ

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#864

勇敢

yǒng gǎn

đũng cảm, quả cảm

真正的勇敢不是毫无畏惧，而是在看清生活的重重困难与真相后，依然坚定选择热爱生活并毅然前行。

Zhēn zhèng de yǒng gǎn bú shì háo wú wèi jù, ér shì zài kàn qīng shēng huó de zhòng zhòng kù nán yǔ zhēn xiàng hòu, yī rán jiǎn dìng xuǎn zé rè ài shēng huó bìng yì rán qián xíng.

Sự dũng cảm thực sự không phải là không biết sợ hãi, mà là sau khi đã nhìn rõ muôn vàn khó khăn và chông chênh của cuộc đời nhưng vẫn kiên định chọn yêu thương cuộc sống và dũng cảm tiến lên.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : DŨNG CẢM


HSK 4 (3.0)

Danh từ

#865

勇气

yǒng qì
đũng khí, lòng dũng cảm, sự can đảm

真正的科学探索者不仅需要过人的学术智慧，更需要敢于打破思想藩篱、挑战学术权威的非凡勇气。

Zhēn zhèng de kē xué tàn suǒ zhě bù jīn xū yào guò rén de xué shù zhì huì, gèng xū yào gǎn yú dǎ pò sī xiǎng fān lí, tiǎo zhàn xué shù quán wēi de fēi fán yǒng qì.

Người làm thám hiểm khoa học chân chính không chỉ cần trí tuệ học thuật vượt trội hơn người, mà hơn thế nữa còn cần dũng khí phi phạm dám phá bỏ những rào cản tư duy và thách thức các quyền uy học thuật.

22 nét

HÁN VIỆT : DŨNG KHÍ
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#866

用途

yòng tú
công dụng, mục đích sử dụng

这种具备极高耐热性与超强机械韧性的新型特种碳纤维复合材料，在航空航天领域拥有十分广阔的工业用途。

Zhè zhǒng jù bèi jí gāo nǎi rè xìng yǔ chāo qiáng jī xié rěn xìng de xīn xíng tè zhǒng tàn xiān wéi fù hé cái liào, zài háng kōng háng tiān lǐng yù yǒng yǒu shí fēn guǎng kuò de gōng yòng yòng tú.

Loại vật liệu composite sợi carbon đặc chủng thể hệ mới sở hữu khả năng chịu nhiệt cực cao và độ bền dẻo cơ học siêu mạnh này có công dụng công nghiệp vô cùng rộng mở trong lĩnh vực hàng không vũ trụ.

21 nét

HÁN VIỆT : DỤNG ĐỒ
HSK 4 (3.0)

Tính từ

#867

优良

yōuliáng
tốt lành, ưu lương, xuất sắc

广大科技工作者大力弘扬求真务实、淡泊名利的优良作风，勇攀世界前沿科学高峰。

Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě dà lì hóng yáng qiú zhēn wú lì, dàn bó míng lì de yōu liáng zuò fēng, yǒng pān shì jiè qián yán kē xué gāo fēng.

Đồng đạo những người làm công tác khoa học công nghệ ra sức hăng hái đương tác phong tốt lành ưu lương xuất sắc đậm bạc danh lợi, cầu thị thực chất, dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học tiên phong thế giới.

21 nét

HÁN VIỆT : ƯU LƯƠNG
HSK 4 (3.0)

Tính từ

#868

优美

yōu měi
tươi đẹp, tao nhã, thanh tú, duyên dáng

国家生态文明建设示范区内依山傍水、风景秀丽，环境优美的生态绿道吸引了无数骑行爱好者。

Guó jiā shēng tài wén míng jiàn shè nèi yī shān bàng shuǐ, fēng jǐng xiù lì, huán jīng yōu měi de shēng tài lǜ dào xī yǐn le wú shù qí xíng ài hào zhě.

Bên trong khu thí điểm xây dựng văn minh sinh thái quốc gia non xanh nước biếc, phong cảnh tú lệ, con đường xanh sinh thái có môi trường tươi đẹp tuyệt mỹ đã thu hút hàng vạn người đam mê đạp xe.

26 nét

HÁN VIỆT : ƯU MỸ
HSK 4 (3.0)

Tính từ

#869

优秀

yōu xiù
xuất sắc, ưu tú

凭借在多项国家级重大科研攻关课题中的杰出贡献，该科研团队荣膺全国优秀青年科技先锋集体称号。

Píng jiè zài duō xiàng guó jiā jí zhòng dà kē yán gōng guān kè tí zhōng de jié chū gòng xiàn, gāi kē yán tuán duì róng yīng quán guó yōu xiù qīng nián kē jì xiān fēng jí tǐ chēng hào.

Nhờ những đóng góp xuất sắc trong nhiều đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp quốc gia, đội ngũ nghiên cứu đã vinh dự nhận danh hiệu Tập thể Tiên phong Khoa học Công nghệ Thanh niên Xuất sắc Toàn Quốc.

24 nét

HÁN VIỆT : ƯU TÚ
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#870

邮局

yóu jú
bưu điện, bưu cục

坐落于古运河畔的历史主题邮局不仅办理常规寄递业务，更提供特色文创明信片盖章与慢递时光寄语等特色文化体验。

Zuò luò yú gǔ yùn hé pàn de lì shǐ zhǔ tí yóu jú bù jīn bàn lǐ cháng guī jī dì yè wù, gèng tí gòng tè sè wén chuàng míng xìn piàn gài zhāng yǔ màn dì shí guāng jì yǔ tè sè wén huà tǐ yàn.

Bưu điện chủ đề lịch sử tọa lạc bên bờ dòng kênh cổ không chỉ giải quyết các nghiệp vụ chuyển phát bưu chính thông thường, mà còn mang lại những trải nghiệm văn hóa đặc sắc như đóng dấu bưu thiếp sáng tạo văn hóa và dịch vụ gửi thư vượt thời gian.

22 nét

HÁN VIỆT : BƯU CỤC
HSK 4 (3.0)

Tính từ

#871

有劲儿

yǒujìn
có sức lực, khỏe khoắn, tràn đầy năng lượng

看到自己团队自主研发的技术方案在重大工程中发挥关键作用，大家心里格外有劲儿、干劲十足。

Kàn dào zì jǐ tuán duì zì zhǔ yán fā de jì shù fāng àn zài zhòng dà gōng chéng zhōng fā huī guān jiàn zuò yòng, dà jiā xīn lǐ gè wài yǒu jìn, gàn jìn shí zú.

Nhìn thấy phương án kỹ thuật do nhóm mình tự chủ nghiên cứu phát triển phát huy tác dụng then chốt trong công trình trọng đại, trong lòng ai nấy đều vô cùng khỏe khoắn có sức lực, tràn đầy hăng hái nhiệt huyết.

29 nét

HÁN VIỆT : HỮU KINH NHÂN
HSK 4 (3.0)

Tính từ

#872

有趣

yǒu qù
thú vị, hay ho, hấp dẫn

教授将枯燥深奥的理论知识巧妙融入生动有趣的历史故事中，使整个课堂充满了欢声笑语。

Jiào shòu jiāng kū zào shēn ào de lǐ lùn zhī shí qiǎo miào róng rù shēng dòng yǒu qù de lì shǐ gù shì zhōng, shǐ zhěng gè kè táng chōng mǎn le huān shēng xiào yǔ.

Giáo sư đã khéo léo lồng ghép những kiến thức lý thuyết khô khan sâu xa vào các câu chuyện lịch sử sinh động và thú vị, khiến cả giờ học ngập tràn tiếng cười rộn rã.

23 nét

HÁN VIỆT : HỮU THÚ
HSK 4 (3.0)

Tính từ

#873

有限

yǒuxiàn
hữu hạn, có giới hạn, có hạn

人的生命虽然是有限的，但为党和人民事业奋斗奉献的价值是无限的。

Rén de shēng mìng suī rán shì yǒu xiàn de, dàn wèi dǎng hé rén mín shì yè fèn dòu fèng xiàn de jià zhí shì wú xiàn de.

Sinh mệnh của con người đâu là có hạn hữu hạn, nhưng giá trị cống hiến phấn đấu cho sự nghiệp của Đảng và Nhân dân là vô hạn vô bờ bến.

18 nét

HÁN VIỆT : HỮU HẠN



HSK 4 (3.0)

Danh từ

#874

幼儿园

yòu ér yuán

trường mầm non, nhà trẻ, trường mẫu giáo

社区高标准公立普惠性幼儿园配备了宽敞明亮的活动室与安全舒适的户外游乐区，让孩子们在快乐游戏中健康成长。

Shè qū gāo biāo zhùn gōng lì pǔ huì xìng yòu ér yuán pèi bèi le kuān chǎng míng liàng de huó dòng shì yǔ ān quán shū shì de wài wù yóu lè qū, ràng hái zǐ zì mēn zài kuài lè yóu xì zhōng jiàn kāng zhuàng chéng zhǎng.

Trường mầm non công lập bao trùm đạt chuẩn cao của khu dân cư được trang bị các phòng sinh hoạt rộng rãi sáng sủa cùng khu vui chơi ngoài trời an toàn thoải mái, giúp các em nhỏ lớn khôn khỏe mạnh trong những trò chơi vui vẻ bổ ích.

📖 29 nét

HÁN VIỆT: ẦU NHÂN VIÊN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#875

于是

yú shì

thế là, vì vậy, do đó

看到老旧街区公共文化设施严重匮乏，社区青年志愿者团队于是自发建起了一座公益阳光书屋。

Kàn dào lǎo jiù jiē qū gōng gòng wén huà shè shì yán zhòng kuì fá, shè qū qīng nián zhì yuàn zhě tuán duì yú shì zì fā jiàn qǐ le yí zuò gōng yì yáng guāng shū wū.

Nhận thấy khu dân cư cũ kỹ đang thiếu thốn nghiêm trọng các thiết chế văn hóa công cộng, đội thanh niên tình nguyện khu phố vì thế đã tự nguyện chung tay gây dựng nên một tủ sách khuyến đọc vì cộng đồng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: VU THÌ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#876

语法

yǔ fǎ

ngữ pháp

学习汉语不仅要牢记生词，更要掌握核心句式语法规则，并在日常真实交际中灵活运用。

Xué xí hàn yǔ bù jǐn yào lǎo jì shēng cí, gèng yào zhāng wò hé xīn jù shì yǔ fǎ guī zé, bìng zài rì cháng zhēn shí jiāo jī zhōng líng huó yùn yòng.

Học tiếng Trung không chỉ cần ghi nhớ từ mới mà quan trọng hơn là phải nắm vững quy tắc ngữ pháp cấu trúc câu cốt lõi và vận dụng linh hoạt trong giao tiếp đời thường thực tế.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: NGỮ PHÁP

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#877

语音

yǔ yīn

ngữ âm, âm thanh tiếng nói, giọng nói

新一代多语种智能语音识别大模型实现了对数十种语言与方言的高精度实时同声传译。

Xīn yí dài duō yǔ zhōng zhì néng yǔ yīn shí shí bié dà mó xíng shí xiàn le duì shù shí zhǒng yǔ yǎn yǔ fāng yán de gāo jīng dù shí shí tóng shēng chuán yì.

Mô hình lớn nhận dạng giọng nói ngữ âm thông minh đa ngôn ngữ thế hệ mới đã thực hiện việc dịch cabin đồng thời theo thời gian thực độ chính xác cao đối với hàng chục ngôn ngữ và tiếng địa phương.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: NGỮ ÂM

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#878

玉

yù

ngọc, đá ngọc quý; trong ngần thanh bạch

艰难困苦，玉汝于成；任何卓越辉煌成就的取得，都离不开在逆境挫折中的顽强磨砺与坚守。

Jiān nán kùn kǔ, yù rǔ yú chéng; rèn hé zhuó yuè huī huáng chéng jiù de qǔ dé, dōu lí bù kāi zài nǐ jìng cuò zhé zhōng de wán qiáng mó lì yǔ jiān shǒu.

Gian nan khổ khó chính là ngọc quý rèn luyện đúc nên thành công (Ngọc nhữ vụ thành); việc đạt được bất kỳ thành tựu rực rỡ nào cũng đều không thể tách rời sự tôi luyện và bám trụ kiên cường trong nghịch cảnh chống gai.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: NGỌC

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#879

玉米

yù mǐ

ngô, bắp (cây ngô/hạt ngô)

在东北广袤无垠的肥沃黑土地上，采用水肥一体化密植高产栽培技术种植的连片杂交玉米长势喜人、颗粒饱满。

Zài dōng běi guǎng mào wú yín de féi wò hēi tǔ dì shàng, cǎi yòng shuǐ féi yì tǐ huà mǐ zhǐ gāo chǎn zāi péi jì shù zhòng zhí de lián piàn zǎ jiāo yù mǐ zhǎng shì xǐ rén, kē lì bǎo mǎn.

Trên vùng đất đen phì nhiêu màu mỡ bao la bát ngát vùng Đông Bắc, những cánh đồng ngô lai mật được gieo trồng bằng kỹ thuật thâm canh mật độ cao tích hợp phân bón nước phát triển xanh tốt, hạt ngô mẩy tròn mọng nước.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NGỌC MỄ

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#880

预测

yù cè

dự báo, dự đoán, tiên đoán

国家气象超级计算中心通过多物理场耦合大模型，实现了对全球极端气候灾害的超高精度预测。

Guó jiā qì xiàng chāo jí jì suàn zhōng xīn tōng guò duō wù lǐ chǎng ǒu hé dà mó xíng, shí xiàn le duì quán qíu jí duǎn qì hòu zāi hài de chāo qín gāo jīng dù yù cè.

Trung tâm Siêu máy tính Khí tượng Quốc gia thông qua mô hình lớn ghép nối đa trường vật lý đã thực hiện việc dự báo dự đoán độ chính xác cao đi trước thời hạn đối với các thảm họa khí hậu cực đoan toàn cầu.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: DỰ TRẮC

HSK 4 (3.0)

Động từ

#881

预订

yù dīng

Đặt chỗ

老师鼓励大家积极预订，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yù dīng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Đặt chỗ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: DỰ ĐÌNH

HSK 4 (3.0)

Động từ

#882

遇

yù

gặp gỡ, bắt gặp; gặp phải (khó khăn)

在攀登世界前沿科学高峰的征途上哪怕遇险阻万重，广大科研人员也决不退缩。

Zài pān dēng shì jiè qián yán kē xué gāo fēng de zhēng tú shàng nǎ pà yù xiǎn zǔ wàn zhòng, guǎng dà kē yán yuán yě jué bù tuì suǒ.

Trên con đường trèo lên đỉnh cao khoa học tiên phong thế giới cho dù có gặp phải bắt gặp muôn trùng hiểm trở, đồng đội cán bộ nghiên cứu khoa học cũng tuyệt đối không hề lùi bước.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: NGỘ



HSK 4 (3.0)

Danh từ

#883

遇到

yù dào

gặp phải

在探索未知科学领域的漫漫征途上遇到波折并不可怕，每一次攻坚都是重大的突破。

Zài tàn suǒ wèi zhī kē xué lǐng yù de màn màn zhēng tú shàng yù dào bō zhé bìng bù kě pà, měi yí cì gōng jiān dōu shì zhòng dà de tuō pò.

Gặp phải trắc trở trên hành trình dài khám phá những chân trời khoa học mới không đáng sợ, mỗi một lần vượt khó đều là bước đột phá trọng đại.

24 nét

HÁN VIỆT: NGỘ ĐÁO

HSK 4 (3.0)

Động từ

#884

遇见

yù jiàn

gặp phải, bắt gặp, tình cờ gặp gỡ

在国际青年学者学术论坛上，他惊喜地遇见了多年未见的高校同窗挚友。

Zài guó jì qīng nián xué shù lùn tán shàng, tā jīng xǐ de yù jiàn le duō nián wèi jiàn de gāo xiào tóng chuāng zhì yǒu.

Tại Diễn đàn Học thuật Các Học giả Trẻ Quốc tế, anh ấy đã bất ngờ vui mừng gặp gỡ bắt gặp người bạn từ kỷ cùng lớp đại học nhiều năm không gặp.

25 nét

HÁN VIỆT: NGỘ KIẾN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#885

原料

yuán liào

nguyên liệu, vật liệu thô

该绿色生物制造工厂采用农作物秸秆作为生物基化工原料，替代了传统的化石石油资源路线。

Gāi lǜ sè shēng wù zhì zào gōng chǎng cǎi yòng nóng zuò wù jiē gǎn zuò wéi shēng wù jī huà gōng yuán liào, tì dài le chuán tǒng de huà shí shí yóu zī yuán lù xiàn.

Nhà máy chế tạo sinh học xanh này sử dụng rơm rạ cây trồng làm nguyên liệu hóa chất gốc sinh học, thay thế cho con đường tài nguyên dầu mỏ hóa thạch truyền thống.

21 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN LIỆU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#886

原则

yuán zé

nguyên tắc

在国际多边经贸合作中，中国始终坚定恪守平等互利、合作共赢的基本原则，绝不搞单边霸凌。

Zài guó jì duō biān jīng mào hé zuò zhōng, zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dìng kè shòu píng děng hù lì, hé zuò gòng yíng de jī běn yuán zé, jué bù gǎo dān biān bà líng.

Trong hợp tác kinh tế thương mại đa phương quốc tế, Trung Quốc luôn kiên định tuân thủ các nguyên tắc cơ bản bình đẳng đối bên cùng có lợi và hợp tác cùng thắng, tuyệt đối không làm trò chèn ép đơn phương.

20 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN TẮC

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#887

圆

yuán

tròn, hình tròn, viên mãn

中秋佳节的静谧夜空之中，一轮皎洁如玉盘的明亮大圆月高悬天际，寄托着万家团圆的美好祈愿。

Zhōng qiū jiā jié de jìng mì yè kōng zhī zhōng, yí lún jiǎo jié rú yù pán de míng liàng dà yuán yuè gāo xuán tiān jì, jì tuō zhe wàn jiā tuán yuán de měi hǎo qí yuàn.

Giữa vòm trời đêm tĩnh lặng của ngày Tết Trung thu, vầng trăng tròn vành vạnh trong veo tựa mâm ngọc treo cao nơi chân trời, gửi gắm ước nguyện sum vầy đoàn viên tốt lành của muôn nhà.

12 nét

HÁN VIỆT: VIÊN

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#888

圆满

yuán mǎn

viên mãn, trọn vẹn mỹ mãn thành công

搭载着神舟载人飞船的神舟航天员乘组顺利完成在轨各项既定科学实验任务，安全返回着陆场，任务取得圆满成功。

Dā zài zhe shén zhōu zài rén fēi chuán de shén zhōu háng tiān yuán chéng zú shùn lì wán chéng zài guī gè xiàng jì dìng kē xué shí yàn rèn wu, ān quán fǎn huí zhù lù chǎng, rèn wu qǔ dé yuán mǎn chéng gōng.

Tổ phi hành đoàn phi hành gia Thần Châu ngồi trên tàu vũ trụ có người lái Thần Châu đã hoàn thành thuận lợi mọi nhiệm vụ thực nghiệm khoa học đã định trên quỹ đạo, hạ cánh an toàn xuống bãi đáp, nhiệm vụ đã giành được thành công mỹ mãn trọn vẹn.

20 nét

HÁN VIỆT: VIÊN MÃN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#889

约会

yuē huì

hẹn hò, cuộc hẹn

今晚是他和相恋三年的女友共进浪漫烛光晚餐的纪念日约会，他特意订了一束娇艳欲滴的红玫瑰。

Jīn wǎn shì tā hé xiāng liàn sān nián de nǚ yǒu gòng jìn lãng mǎn zhú guāng wǎn cān de jì niàn rì yuē huì, tā tè yì dìng le yí shù jiāo yàn yù dī de hóng méi guī.

Tối nay là buổi hẹn hò kỷ niệm bữa tối dưới ánh nến lãng mạn cùng bạn gái yêu nhau 3 năm, anh ấy đã đặc biệt đặt một bó hoa hồng đỏ tươi thắm.

27 nét

HÁN VIỆT: YÊU HỘI

HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#890

月底

yuè dǐ

cuối tháng

经过紧锣密鼓的施工建设，国家大科学装置核心主体工程预计将于本月底全面实现主体结构封顶。

Jīng guò jǐn luó mì gǔ de shī gōng jiàn shè, guó jiā dà kē xué zhuāng zhì hé xīn zhǔ tǐ gōng chéng yù jì jī jiāng yú běn yuè dī quán miàn shí xiàn zhǔ tǐ jié gòu fēng dǐng.

Trải qua quá trình thi công xây dựng khẩn trương ráo riết, công trình phần thân cốt lõi của thiết bị khoa học lớn quốc gia dự kiến sẽ thực hiện cất nóc kết cấu chính toàn diện vào cuối tháng này.

16 nét

HÁN VIỆT: NGUYỆT ĐỂ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#891

阅读

yuè dú

đọc, đọc sách, việc đọc

坚持每天阅读优秀的人文与科学经典名著，能够潜移默化地丰富我们的精神世界并提升认知格局。

Jiān chí měi tiān yuè dú yōu xiù de rén wén yǔ kē xué jīng diǎn míng zhù, néng gòu qiǎn yí mò huà dì fēng fù wǒ men de jīng shén shì jiè bìng tí shēng rèn zhī gé jú.

Kiên trì mỗi ngày đọc các tác phẩm kinh điển khoa học và nhân văn xuất sắc sẽ giúp bồi đắp thế giới tinh thần và nâng tầm tầm nhìn nhận thức của chúng ta một cách tự nhiên sâu sắc.

21 nét

HÁN VIỆT: DUYỆT ĐẠU


HSK 4 (3.0)

Danh từ

#892

运动会

yùndònghuì

đại hội thể thao, đại hội thể dục thể thao

在全校春季田径运动会上, 各院系代表队顽强拼搏, 展现了朝气蓬勃、团结协作的青春风貌。

Zài quán xiào chūn jì tián jīng yùn dòng huì shàng, gè yuán xì dài biào duì wán qiáng pīn bó, zhān xiàn le zhāo qì péng bó, tuán jié xié zuò de qīng chūn fēng mào.

Tại Đại hội Điền kinh Thể thao Đại hội Thể thao Mùa xuân toàn trường, các đội tuyển đại diện các khoa viện đã ngoan cường nỗ lực thi đấu, phô diễn phong thái thanh xuân đoàn kết hiệp đồng và tràn trề nhựa sống.

35 nét

HÁN VIỆT: VẬN ĐỘNG HỘI
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#893

运动员

yùndòngyuán

vận động viên, tuyển thủ thể thao

在奥运赛场上, 我国优秀青年运动员以坚韧不拔的毅力奋勇拼搏, 为祖国赢得了崇高的荣誉与赞誉。

Zài ào yùn sài chǎng shàng, wǒ guó yōu xiù qīng nián yùn dòng yuán yǐ jiǎn rèn bù bá de yì lì fèn yǒng pīn bó, wéi zǔ guó yíng dé le chóng gāo de róng yù yǔ zàn yù.

Trên đấu trường Olympic, các vận động viên tuyển thủ thể thao thanh niên xuất sắc của nước ta bằng nghị lực kiên cường bất khuất đã dũng mãnh nỗ lực chiến đấu, giành lấy danh dự và sự ngợi ca cao đẹp cho Tổ quốc.

35 nét

HÁN VIỆT: VẬN ĐỘNG VIÊN
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#894

运气

yùn qì

vận may, số may, vận khí

成功从来不是靠虚无缥缈的侥幸运气, 而是靠日复一日脚踏实地的辛勤付出与坚韧不拔的笃行坚持。

Chéng gōng cóng lái bù shì kào xū wú piāo miǎo de jiǎo xíng yùn qì, ér shì kào rì fù yí rì jiǎo tà shí dì de xīn qín fù chū yǔ jiǎn rèn bù bá de dǔ xíng jiān chí.

Thành công chưa bao giờ dựa vào sự may mắn hư ảo mơ hồ, mà bắt nguồn từ sự cố gắng cần cù thực chất ngày qua ngày cùng sự kiên trì bền bỉ không ngừng nghỉ.

23 nét

HÁN VIỆT: VẬN KHÍ
HSK 4 (3.0)

Động từ

#895

运用

yùn yòng

vận dụng, áp dụng linh hoạt

青年工程师善于熟练运用前沿三维数字仿真建模技术, 在极短周期内完成了复杂飞行器的气动外形优化。

Qīng nián gōng chéng shī shàn yú shú liàn yǔn yòng qián yán sān wéi shù zì fǎng zhēn jiàn mó jī shù, zài jí duǎn zhōu qī nèi wán chéng le fù zá fēi xíng qì dòng wài xíng yōu huà.

Kỹ sư trẻ rất giỏi vận dụng thành thạo công nghệ mô phỏng số 3D tiên phong, hoàn thành việc tối ưu hóa hình dáng khí động học của thiết bị bay phức tạp chỉ trong chu kỳ cực ngắn.

23 nét

HÁN VIỆT: VẬN DỤNG
HSK 4 (3.0)

Phó từ

#896

再三

zài sān

nhiều lần, dặn đi dặn lại, lặp đi lặp lại

总指挥在火箭点火发射前再三叮嘱全体技术人员, 务必全面复核全部关键电气遥测参数。

Zǒng zhǐ huī zài huǒ jiàn diǎn huǒ fā shè qián zài sān dīng zhǔ quán tǐ jī shù rén yuán, wù bì quán miǎn hù hé quán bù guān jiàn diǎn qì yáo cè cān shù.

Tổng chỉ huy trước khi tên lửa điểm hỏa phóng lên đã dặn dò đi dặn dò lại toàn thể cán bộ kỹ thuật nhất thiết phải rà soát đối chiếu lại toàn bộ các thông số đo đạc từ xa điện khí then chốt.

25 nét

HÁN VIỆT: TÁI TAM
HSK 4 (3.0)

Động từ

#897

在乎

zài hu

để ý, bận tâm, coi trọng chăm sóc

老一辈功勋科学家为了祖国国防尖端武器研制奉献毕生, 从不在乎个人职务晋升与名利得失。

Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā wèi le zǔ guó guó fáng jiān duǎn zhòng qì yán zhì fèng xiàn bì shēng, cóng bù zài hu gè rén zhí wù jìn shēng yǔ míng lì de shī.

Các nhà khoa học tiền bối có công trạng lẫy lừng vì sự nghiệp nghiên cứu chế tạo đại khí mũi nhọn quốc phòng của Tổ quốc đã cống hiến cả cuộc đời, không bao giờ để ý bận tâm tới được mất danh lợi hay thăng tiến chức vụ cá nhân.

24 nét

HÁN VIỆT: TẠI HỒ
HSK 4 (3.0)

Động từ

#898

在于

zài yú

nằm ở, cốt ở, do ở

科学探索的真正魅力, 在于敢于向未知领域发起挑战并在不断突破中发现自然界客观真理。

Kē xué tàn suǒ de zhēn zhèng mèi lì, zài yú gǎn yú xiàng wèi zhī lǐng yù fā qǐ tiǎo zhàn bìng zài bù duàn tuō pò zhōng fā xiàn zì rán jiè kè guān zhēn lǐ.

Sức quyến rũ thực sự của thám hiểm khoa học cốt ở nằm ở việc can đảm phát động thách thức hướng tới các lĩnh vực chưa biết và phát hiện ra chân lý khách quan của giới tự nhiên trong các đột phá không ngừng.

25 nét

HÁN VIỆT: TẠI VU
HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#899

赞成

zàn chéng

tán thành, đồng ý, ủng hộ

在经过充分民主论证与专家科学评估后, 全体代表一致表决赞成通过了新一轮城市绿色发展总体规划纲要。

Zài jīng guò chōng fēn mǐn zhǔ zhèng yù zhuān jiā kē xué píng gū hòu, quán tǐ dài biào yì zhì biǎo jué zàn chéng tōng guò le xīn yī lún chéng shì lǚ sè fā zhǎn zōng tǐ guī huà gāng yào.

Sau khi trải qua các vòng thẩm định dân chủ đầy đủ và đánh giá khoa học của chuyên gia, toàn thể đại biểu đã nhất trí 100% biểu quyết tán thành thông qua Đề cương Quy hoạch tổng thể phát triển xanh đô thị giai đoạn mới.

18 nét

HÁN VIỆT: TÁN THÀNH
HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#900

赞赏

zàn shǎng

tán thưởng, khen ngợi đánh giá cao

国际学术界对我国科研团队完全自主攻克前沿量子隐形传态核心算法给予了高度赞赏与充分肯定。

Guó jì xué shù jiè duì wǒ guó kē yán tuán duì wán quán zì zhǔ gōng kè qián yán liàng zì yīn xíng chuán tài hái xīn suàn fǎ jǐ yǔ le gāo dù zàn shǎng yǔ chōng fèn kěn dìng.

Giới học thuật quốc tế đã dành sự khen ngợi tán thưởng đánh giá cao và khẳng định đầy đủ đối với việc đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta hoàn toàn tự chủ chinh phục thuật toán cốt lõi truyền thái lượng tử ẩn hình tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT: TÁN THƯỞNG



HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#901

赞助

zàn zhù

tài trợ, bảo trợ kinh phí (sự kiện, giải đấu)

国家科技创新公益基金会联合多家行业领军企业，共同设立专项基金赞助青年科学家开展高风险前沿探索研究。

Guó jiā kē jì chuàng xīn gōng yì jī jīn huì lián hé duǒ jiā háng yè lǐng jūn qì yè, gòng tóng shè lì zhuān xiàng jī jīn zàn zhù qīng nián kē xué jiā kāi zhǎn gāo fēng xiǎn qián yán tàn sù yán jiū.

Quý Công ích Đối mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Quốc gia liên kết cùng nhiều doanh nghiệp đầu ngành phối hợp thành lập quỹ chuyên để tài trợ cho các nhà khoa học trẻ triển khai các nghiên cứu thám hiểm tiên phong có độ rủi ro cao.

16 nét

HÁN VIỆT: TÁN TRỢ

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Động từ

#902

造型

zào xíng

tạo hình, kiểu dáng mẫu mã thẩm mỹ

国家级非遗紫砂陶艺大师创作的茶具造型典雅浑厚、线条流畅自然，充分彰显了东方传统器物美学的神韵。

Guó jiā jí fēi yí zǐ shā táo yì dà shī chuàng zuò de chá jù zào xíng diǎn yǎ hún hòu, xiàn tiáo liú chàng zì rán, chōng fēn zhāng xiǎn le dōng fāng chuán tǒng qì wù měi xué de shén yùn.

Bộ đồ trà do bậc thầy nghệ nhân gốm Tử Sa di sản phi vật thể quốc gia sáng tạo có tạo hình kiểu dáng đường nét thanh thoát tự nhiên tạo nên ấm áp, phổ biến trọn vẹn thần thái của mỹ học khí vật truyền thống phương Đông.

26 nét

HÁN VIỆT: TẠO HÌNH

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#903

战斗

zhàn dòu

chiến đấu, trận đánh chiến đấu cam go

在重大防汛抢险救灾一线，全体武警官兵与应急指战员连续昼夜奋战在滔滔激流边，坚决打赢防汛抗洪抢险攻坚战。

Zài zhòng dà fáng xùn qǎn xiǎn zāi jiàn yì xiàn, quán tǐ wǔ jīng guān bīng yǔ yìng jí zhì zhàn yuán lián xù zhòu yè fēn zhàn zài tāo tāo jī liú biān, jiān jué dǎ yǐng fáng xùn qǎn hóng qǎng xiǎn gōng jiàn zhàn dòu.

Nơi tuyến đầu cứu nạn phòng chống lũ lụt trọng đại, toàn thể cán bộ chiến sĩ cảnh sát vũ trang và chỉ huy khẩn cấp đã liên tục ngày đêm chiến đấu bên dòng nước cuộn trào, kiên quyết đánh thắng trận chiến đấu vượt khó cứu hộ cứu nạn chống lũ.

21 nét

HÁN VIỆT: CHIẾN ĐẤU

HSK 4 (3.0)

Động từ

#904

战胜

zhànshèng

chiến thắng, đánh bại, khắc phục vượt qua

只要我们坚定必胜信念、勇于攻坚克难，就一定能够战胜前进道路上的一切艰难险阻与风浪考验。

Zhǐ yào wǒ men jiān dìng bì shèng xìn niàn, yǒng yú gōng jiān kè nán, jiǔ yǐ dǐng néng gòu zhàn shèng qián jìn dào lù shàng de yī qiè jiān nán xiǎn zǔ yǔ fēng làng kǎo yàn.

Chỉ cần chúng ta kiên định niềm tin tất thắng, dũng cảm vượt khó chiến thắng thử thách, thì nhất định sẽ có thể khắc phục đánh bại chiến thắng mọi gian nan hiểm trở và thử thách sóng gió trên con đường tiến lên phía trước.

23 nét

HÁN VIỆT: CHIẾN THẮNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#905

战士

zhànshì

chiến sĩ, người lính

边防战士常年默默坚守在冰峰雪岭之巅，用赤胆忠心守护着祖国的大好河山与万家灯火安宁。

Biān fáng zhàn shì cháng nián mò mò jiān shǒu zài bīng fēng xuě líng zhī diǎn, yòng chì dǎn zhōng xīn shǒu hù zhe zǔ guó de dà hǎo hé shān yǔ wàn jiā dēng huǒ ān níng.

Các chiến sĩ người lính biên phòng quanh năm âm thầm bám trụ kiên cường trên đỉnh núi non tuyết phủ băng giá, dùng tấm lòng trung trinh son sắt để canh giữ gìn giữ sự bình yên của muôn nhà muôn ánh đèn và non sông gấm vóc tươi đẹp của Tổ quốc.

25 nét

HÁN VIỆT: CHIẾN SĨ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#906

战争

zhàn zhēng

chiến tranh

和平如阳光雨露般珍贵，中国始终坚定不移维护世界和平稳定，坚决反对一切非正义的侵略战争。

Hé píng rú yáng guāng yǔ lù bān zhēn guì, zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bù yí wéi hù shì jiè hé píng wěn dìng, jiān jué fǎn duì yī qiè fēi zhèng yì de qīn lüè zhàn zhēng.

Hòa bình quý giá tựa như ánh nắng và hạt mưa sương mai, Trung Quốc luôn kiên định bảo vệ nền hòa bình và ổn định của thế giới, kiên quyết phản đối mọi cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa.

20 nét

HÁN VIỆT: CHIẾN TRANH

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#907

长途

cháng tú

đường dài, viễn thông đường dài

在开启长途自驾旅行之前，务必提前对车辆的刹车系统与轮胎气压进行全面检测。

Zài kāi qǐ cháng tú zì jià lǚ xíng zhī qián, wù bì tí qián duì chē liàng de shā chē xì tǒng yǔ lún tāi qì yǎn xíng quán miàn jiǎn cè.

Trước khi bắt đầu chuyến du lịch tự lái xe đường dài, bạn nhất định phải kiểm tra toàn diện hệ thống phanh và áp suất lốp xe từ trước.

19 nét

HÁN VIỆT: TRƯỜNG ĐỒ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#908

丈夫

zhàng fu

chồng

她的丈夫在医院工作。

Tā de zhàng fu zài yī yuàn gōng zuò.

Chồng cô ấy làm việc ở bệnh viện.

21 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG PHU

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#909

招呼

zhāo hu

chào hỏi, đón tiếp; căn dặn nhắc nhở

看到远道而来的外国留学生走进学术报告厅，青年志愿者微笑着主动上前打招呼并热情引导入座。

Kàn dào yuǎn dào ér lái de wài guó liú xué shēng zǒu jìn xué shù bào gào tīng, qīng nián zhì yuàn zhè wēi xiào zhe zhǔ dòng shàng qián dǎ zhāo hū bīng rè qīng yīn dǎo rù zuò.

Nhìn thấy các bạn lưu học sinh nước ngoài từ phương xa tới bước vào Hội trường Báo cáo Học thuật, các tình nguyện viên thanh niên mỉm cười chủ động tiến tới chào hỏi và nhiệt tình hướng dẫn vào chỗ ngồi.

23 nét

HÁN VIỆT: CHIÊU HỒ



HSK 4 (3.0)

Động từ

#910

召开

zhào kāi

triệu tập, tổ chức (hội nghị, đại hội)

全国科学技术大会、国家科学技术奖励大会在人民大会堂隆重召开，表彰为科技事业作出卓越贡献的科学家。

Quán guó kē xué jì shù dà huì, guó jiā kē xué jì shù jiǎng lì dà huì zài rén mín dà huì táng zhòng zhòng zhào kāi, biǎo chāng wéi kē jì shì yè zuò chū zhuó yuè gòng xiàn de kē xué jiā.

Đại hội Khoa học Kỹ thuật Toàn quốc và Đại hội Trao Giải thưởng Khoa học Kỹ thuật Quốc gia đã được long trọng tổ chức tại Đại lễ đường Nhân dân, biểu dương các nhà khoa học có cống hiến kiệt xuất cho sự nghiệp khoa học công nghệ.

19 nét

HÁN VIỆT: THIỆU KHAI

HSK 4 (3.0)

Động từ

#911

折

zhé

gấp lại

老师鼓励大家积极折，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhé, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực gấp lại, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: CHIẾT

HSK 4 (3.0)

Động từ

#912

着火

zháohuǒ

bốc cháy, cháy, bắt lửa

高标准实验室全面配备了智能烟雾报警器与全自动气体灭火系统，一旦发生着火险情将秒级响应。

Gāo biāo zhǔn shí yàn shì quán miàn pèi bèi le zhì néng yān wù bào jǐng qì yǔ quán zì dòng qì tǐ miè huǒ xì tǒng, yí dàn fā shēng zhāo huǒ xiǎn qīng jiǎng miǎo jí xiǎng yīng.

Phòng thí nghiệm tiêu chuẩn cao được trang bị toàn diện hệ thống chữa cháy bằng khí tự động hoàn toàn cùng thiết bị báo khói thông minh, một khi xảy ra tình huống hiểm họa bắt lửa bốc cháy sẽ phản ứng trong vài giây.

19 nét

HÁN VIỆT: TRƯỚC HOẢ

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#913

着急

zháo jí

lo lắng

遇到突发紧急状况时切忌慌乱着急，冷静理清头绪往往是最高效的破局之策。

Yù dào tū fā jǐn jí zhuàng kuàng shí qiè jì huāng luàn zháo jí, lěng jìng líng tóu xù wǎng wǎng shì zuì gāo xiào de pò jú zhī cè.

Gặp phải tình huống khẩn cấp bất ngờ tuyệt đối chớ nên hoảng loạn nôn nóng, bình tĩnh sắp xếp lại mạch suy nghĩ luôn là kế sách tháo gỡ hiệu quả nhất.

18 nét

HÁN VIỆT: TRƯỚC CẤP

HSK 4 (3.0)

Tính từ

#914

著名

zhù míng

nổi tiếng

在面对复杂的挑战时，保持著名的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zhù míng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái nổi tiếng đặc biệt quan trọng.

28 nét

HÁN VIỆT: TRƯỚC DANH

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#915

著作

zhù zuò

trác tác, tác phẩm công trình sách học thuật

老一辈历史学家历时数十年心血完成的百万字权威历史学巨著，成为了研究中国古代文明演变不可或缺的经典著作。

Lǎo yī bèi lì shǐ xué jiā lì shí shù shí nián xīn xuè wàn chéng de bǎi wàn zì quán wēi lì shǐ xué jù zhù, chéng wéi le yán jiū zhōng guó gǔ dài wén míng yǎn biàn bù kě huò quē de jīng diǎn zhù zuò.

Công trình đồ sộ học thuật lịch sử có tầm quyền hàng triệu chữ do nhà sử học tiên bối hoàn thành bằng tâm huyết suốt mấy chục năm đã trở thành tác phẩm trác tác kinh điển không thể thiếu để nghiên cứu sự tiến hóa của nền văn minh Trung Hoa cổ đại.

24 nét

HÁN VIỆT: TRƯỚC TÁC

HSK 4 (3.0)

Động từ

#916

针

zhēn

cây kim

老师鼓励大家积极针，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhēn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cây kim, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: CHÂM

HSK 4 (3.0)

Giới từ / Động từ

#917

针对

zhēn duì

nhắm vào, hướng tới, căn cứ vào

针对重大慢性疾病早期筛查与精准靶向治疗难题，国家医学中心启动了多中心联合临床科研攻关专项。

Zhēn duì zhòng dà màn xìng jí bìng zǎo qī shāi chá yǔ jīng zhǔn bǎ xiàng zhǐ liáo nán tí, guó jiā yī xué zhōng xīn qì dòng le duō zhōng xīn lián hé lín chuāng kē yán gōng guān zhuān xiàng.

Nhằm hướng tới giải quyết bài toán sàng lọc sớm và điều trị trúng đích chính xác các bệnh mạn tính trọng đại, Trung tâm Y tế Quốc gia đã khởi động chương trình chuyên đề liên kết nghiên cứu khoa học lâm sàng đa trung tâm.

20 nét

HÁN VIỆT: CHÂM ĐỐI

HSK 4 (3.0)

Động từ

#918

阵

zhèn

Mảng

老师鼓励大家积极阵，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhèn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Mảng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: TRẬN


HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#919

争论

zhēng lùn

tranh luận, tranh cãi, thảo luận

学术自由鼓励百家争鸣，在真理面前不同学派之间的激烈学术争论往往能够催生出重大原创科学突破。

Xué shù zì yóu gǔ lì bǎi jiā zhēng míng, zài zhēn lǐ miàn qián bù tóng xué pài zhī jiān de jī lì xué shù zhēng lùn wǎng wǎng néng gòu cuī shēng chū zhòng dà yuán chuang kē xué tū pò.

Tự do học thuật khuyến khích trăm nhà đua tiếng, trước chân lý những cuộc tranh luận học thuật sôi nổi giữa các trường phái khác nhau thông thường có thể tạo tiền đề ươm mầm cho những bước đột phá khoa học nguyên tác trọng đại.

17 nét

 HÁN VIỆT : **TRANH LUẬN**
HSK 4 (3.0)

Động từ

#920

征服

zhēng fú

chinh phục (đỉnh cao thiên nhiên, khoa học)

人类探索未知宇宙与攀登世界科学技术巅峰的壮丽征程，展现了勇于征服一切险阻、不断超越自我的非凡创造力量。

Rén lèi tàn suǒ wèi zhī yǔ zhòu yǔ pān dēng shì jiè kě xué jì shù diǎn fēng de zhuàng lì zhēng chéng, zhǎn xiàn le yǒng yú zhēng fú yī qiè xiǎn zǔ, bù duàn chāo yuè zì wǒ de fēi fán chuàng zào lì liàng.

Hành trình tráng lệ của nhân loại leo lên đỉnh cao khoa học kỹ thuật thế giới và thám hiểm vũ trụ vô định đã phổ diễn nguồn sức mạnh sáng tạo phi thường dũng cảm chinh phục mọi hiểm trở hiểm nguy, không ngừng vượt lên chính mình.

26 nét

 HÁN VIỆT : **CHINH PHỤC**
HSK 4 (3.0)

Động từ

#921

征求

zhēng qiú

trưng cầu, xin ý kiến, thăm dò

国家立法机关在制定重大法律法规草案时，始终坚持开门立法、广泛征求全国各界人民群众的意见与建议。

Guó jiā lì fǎ jī guān zài zhì dìng zhòng dà fǎ lǜ fǎ guī cáo àn shí, shí zhōng jiān chí kǎi mén lì fǎ, guǎng fàn zhēng qiú quán guó gè jiè rén mín qún zhòng de yì jiàn yǔ jiàn yì.

Cơ quan lập pháp quốc gia khi xây dựng các dự thảo luật và văn bản quy phạm pháp luật trọng đại luôn kiên định mở rộng cửa lập pháp, trưng cầu sâu rộng ý kiến và kiến nghị của quần chúng nhân dân các giới trên toàn quốc.

22 nét

 HÁN VIỆT : **CHINH CẦU**
HSK 4 (3.0)

Danh từ

#922

政府

zhèng fǔ

chính phủ, chính quyền

各级人民政府始终坚持以人民为中心的发展思想，着力建设人民满意的法治政府、创新政府与廉洁政府。

Gè jí rén mín zhèng fǔ shì zhōng jiān chí yǐ rén mín wèi zhōng xīn de fā zhǎn sī xiǎng, zhuó lì jiàn shè rén mín mǎn yì de fǎ zhì zhèng fǔ, chuàng xīn zhèng fǔ yǔ liǎn jié zhèng fǔ.

Chính quyền nhân dân các cấp luôn kiên định tư tưởng phát triển lấy nhân dân làm trung tâm, dốc sức xây dựng chính quyền pháp trị, chính quyền đối mới sáng tạo và chính quyền liêm chính làm hài lòng nhân dân.

21 nét

 HÁN VIỆT : **CHÍNH PHỦ**
HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#923

政治

zhèng zhì

chính trị

保持政治定力、严守政治纪律与政治规矩，是确保党和国家各项重大战略事业始终沿着正确方向前进的根本政治保证。

Bǎo chí zhèng zhì dìng lì, yán shǒu zhèng zhì jī lǜ yǔ zhèng zhì guī jǔ, shì què bǎo dǎng hé guó jiā gè xiàng zhòng dà zhàn lüè shì yè shǐ zhōng yán zhe zhèng què fāng xiàng qián jìn de gēn běn zhèng zhì bǎo zhèng.

Giữ vững sự kiên định chính trị, tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật chính trị và quy tắc chính trị là sự bảo đảm chính trị căn bản giúp mọi sự nghiệp chiến lược trọng đại của Đảng và Nhà nước luôn tiến lên theo hướng đi đúng đắn.

24 nét

 HÁN VIỆT : **CHÍNH TRỊ**
HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phương vị

#924

之后

zhī hòu

sau đó, sau khi

在圆满完成深海一万余米极限科考下潜之后，载人潜水器安全顺利返回母船甲板。

Zài yuán mǎn wán chéng shēn hǎi yī wàn mǐ jí xiàn kē kǎo xià qián zhī hòu, zài rén qián shuǐ qì ān quán shùn lì fǎn huí mǔ chuán jiǎ bǎn.

Sau khi sau đó hoàn thành mỹ mãn chuyến lặn khảo sát khoa học giới hạn 10.000 mét biển sâu, tàu lặn có người lái đã trở về an toàn thuận lợi trên boong tàu mẹ.

18 nét

 HÁN VIỆT : **CHI HẬU**
HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Phương vị

#925

之间

zhī jiān

giữa, trong khoảng, ở giữa hai bên

通过搭建多层次跨国学术交流平台，极大促进了全球青年学者之间的深度学术对话与创新发展。

Tōng guò dǎ jiàn duō céng cì kuà guó xué shù jiāo liú píng tái, jí dà cuī jìn le quán qiú qīng nián xué zhě zhī jiān de shēn dù xué shù duì huà yǔ chuàng xīn hé zuò.

Thông qua việc xây dựng nền tảng giao lưu học thuật xuyên quốc gia đa tầng nấc, đã thúc đẩy mạnh mẽ sự hợp tác đối mới sáng tạo và đối thoại học thuật sâu sắc giữa ở giữa các học giả trẻ trên toàn cầu.

18 nét

 HÁN VIỆT : **CHI GIIAN**
HSK 4 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phương vị

#926

之前

zhī qián

trước đó, trước khi

在正式启动大科学装置试运行之前，工程技术团队对全部数千套精密控制系统进行了反复联调测试。

Zài zhèng shǐ dòng dà kē xué zhuāng zhì shì yùn xíng zhī qián, gōng chéng jì shù tuán duì duì quán bù shù qiān tào jīng mì kòng zhì xì tǒng jìn xíng le fǎn fù lián diào cè shì.

Trước đó trước khi chính thức khởi động vận hành thử nghiệm thiết bị khoa học lớn, đội ngũ kỹ thuật công trình đã tiến hành kiểm tra hiệu chỉnh liên động lặp đi lặp lại đối với toàn bộ hàng ngàn bộ hệ thống con điều khiển chính xác.

24 nét

 HÁN VIỆT : **CHI TIỀN**
HSK 4 (3.0)

Danh từ / Cụm từ

#927

之一

zhī yī

một trong những, một phần trong

中国天眼FAST射电望远镜是当今世界最灵敏、综合性能最优异的大型射电天文科学观测装置之一。

Zhōng guó tiān yǎn FAST shè diàn wàng yuǎn jīng shì dāng jīn shì jiè zuì lǐng mǐn, zōng hé xìng néng zuì yōu yì de dà xíng shè diàn tiān wén kē xué guān cè zhuāng zhì zhī yī.

Kính viễn vọng vô tuyến FAST (Mắt Trời Trung Quốc) là một trong những một trong thiết bị quan trắc khoa học thiên văn vô tuyến quy mô lớn có tính năng tổng hợp ưu việt nhất và nhạy bén nhất thế giới hiện nay.

22 nét

 HÁN VIỆT : **CHI NHẤT**



HSK 4 (3.0)

Danh từ

#928

植物

zhí wù

thực vật, cây cỏ

国家植物园温室大棚内集中保护与科学培育着数千种珍稀濒危野生植物，是生态科普的重要基地。

Guó jiā zhí wù yuán wēn shì dà péng nèi jí zhōng bǎo hù yú kē xué péi yù zhāo shù qiǎn zhǒng zhēn xī bīn wēi yē shēng zhí wù, shì shēng tài kē pǔ de zhòng yào jī dì.

Bên trong khu nhà kính của Vườn Thực vật Quốc gia đang bảo tồn tập trung và ươm trồng khoa học hàng nghìn loài thực vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, là căn cứ quan trọng về phổ biến kiến thức sinh thái.

23 nét

HÁN VIỆT: THỰC VẬT

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#929

指挥

zhǐ huī

chỉ huy, điều khiển; người chỉ huy (nhạc trưởng)

在重大抢险救灾一线现场，应急救援指挥部沉着指挥、科学调度各方救援力量展开立体式生命大搜救。

Zài zhòng dà qiǎn xiǎn jiù zāi yí xiàn xiàn chǎng, yíng jí jiù yuán zhǐ huī bù chén zhùo zhǐ huī, kē xué diào dù gè fāng jiù yuán lì liàng zhǎn kāi lǐ tǐ shí shēng mìng dà sōu jiù.

Tại hiện trường tuyến đầu cứu hộ cứu nạn thiên tai trọng đại, ban chỉ huy cứu hộ khẩn cấp đã điểm tĩnh chỉ huy, điều độ khoa học các lực lượng cứu hộ triển khai chiến dịch đại tìm kiếm cứu nạn sự sống đa không gian.

26 nét

HÁN VIỆT: CHỈ HUY

HSK 4 (3.0)

Động từ

#930

制订

zhì dīng

xây dựng, định ra để ra (kế hoạch, văn bản pháp quy)

国家发展改革委联合多部委深入开展调查研究，科学制订了新时期推动新质生产力发展的国家专项战略行动方案。

Guó jiā fā zhǎn gǎi gé wēi lián hé duō bù wěi shēn rù kǎi zhǎn diào chá yán jiū, kē xué zhì dīng le xīn shí qī tuī dòng xīn zhì shēng chǎn lì fā zhǎn de guó jiā zhuān xiàng zhàn lüè xíng dòng fāng àn.

Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia phối hợp cùng nhiều bộ ban ngành đi sâu triển khai điều tra nghiên cứu, đã xây dựng để ra một cách khoa học Phương án Hành động Chiến lược Chuyên đề Quốc gia về thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới thời kỳ mới.

24 nét

HÁN VIỆT: CHẾ ĐỊNH

HSK 4 (3.0)

Động từ

#931

治

zhì

chữa trị, trị bệnh; quản lý, quản trị

国家大力推进中西医结合优势互补，在疑难重大疾病防治中发挥了极其显著的临床救治协同效能。

Guó jiā dà lì tuī jìn zhōng xī yī jié hù bù cháng, zài yí nán zhòng dà jí bìng fáng zhì zhōng fā huī le jí qí xiǎn zhù de lín chuáng jiù zhì xié tóng xiào néng.

Nhà nước ra sức thúc đẩy bổ sung lợi thế kết hợp Đông Tây y, phát huy hiệu năng hiệp đồng cứu chữa lâm sàng vô cùng rõ rệt trong phòng ngừa và chữa trị trị bệnh các bệnh nan y hiếm nghèo.

11 nét

HÁN VIỆT: TRỊ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#932

治疗

zhì liáo

điều trị

老师鼓励大家积极治疗，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhì liáo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điều trị, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: TRỊ LIỆU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#933

质量

zhì liàng

chất lượng, khối lượng (vật lý)

工程质量是百年大计与安全红线，所有施工环节必须严格按照国际最高行业标准严格把关检验。

Gōng chéng zhì liàng shì bǎi nián dà jì yǔ ān quán hóng xiàn, suǒ yǒu shī gōng huán jié bì xū yán gé àn zhào guó jì zuì gāo háng yè biāo zhǔn yán gé bǎ guān jiǎn yàn.

Chất lượng công trình là quốc sách trăm năm và lần ranh đỏ về an toàn, toàn bộ các khâu thi công đều phải được kiểm tra sát sao theo đúng tiêu chuẩn ngành cao nhất thế giới.

21 nét

HÁN VIỆT: CHẤT LƯỢNG

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#934

智力

zhì lì

trí tuệ, trí lực năng lực trí tuệ, trí óc

新时代国家大力实施人才强国战略，广开进贤之路，充分激发广大人才的智力潜能与创新创造活力。

Xīn shí dài guó jiā dà lì shí shī rén cái qiáng guó zhàn lüè, guāng kāi jìn xián zhī lù, chōng fèn jī fā guāng dà rén cái de zhì lì qián néng yǔ chuàng xīn chuàng zào huó lì.

Thời đại mới Nhà nước ra sức thực thi Chiến lược Nhân tài Làm mạnh Đất nước, mở rộng muốn nẻo đường chiêu mộ hiền tài, khơi dậy đầy đủ sức sống sáng tạo đổi mới cùng tiềm năng trí lực trí tuệ của đồng đảo nhân tài.

21 nét

HÁN VIỆT: TRÍ LỰC

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#935

智能

zhì néng

thông minh, trí tuệ nhân tạo thông minh hóa

我国加快推进制造业智能化数字化转型，全面构建以新一代人工智能为核心驱动力的新型现代化产业体系。

Wǒ guó jiā kuài tuī jìn zhì néng huà diǎn xíng zhuǎn xíng, quán miàn gòu jiàn yǐ xīn yí dài rén gōng zhì néng wéi hé xīn qū dòng lì de xīn xíng xiàn dài huà chǎn yè tǐ xì.

Nước ta đẩy nhanh thúc đẩy chuyển đổi số hóa và thông minh hóa ngành sản xuất chế tạo, xây dựng toàn diện hệ thống công nghiệp hiện đại hóa kiểu mới lấy trí tuệ nhân tạo thể hệ mới làm động lực thúc đẩy cốt lõi.

23 nét

HÁN VIỆT: TRÍ NĂNG

HSK 4 (3.0)

Động từ

#936

中奖

zhòng jiǎng

trúng thưởng, trúng giải

在青年科技文化创新节闭幕式幸运抽奖环节，多位热心参与志愿服务的同学幸运中奖并获赠科普书籍礼包。

Zài qīng nián kē jì wén huà chuàng xīn jié bì mù shì xùng zhuā jīng huán jié, duō wèi rè xīn cān yǔ zhì yuàn fú wù de tóng xué xùng zhòng jiǎng bìng huò zèng kē pǔ shū jí lǐ bāo.

Trong phần bốc thăm may mắn tại lễ bế mạc Lễ hội Đổi mới Sáng tạo Văn hóa Khoa học Công nghệ Thanh niên, nhiều bạn học sinh nhiệt tình tham gia phục vụ tình nguyện đã may mắn trúng giải trúng thưởng và được trao tặng túi quà sách phổ biến khoa học.

17 nét

HÁN VIỆT: TRUNG THƯỞNG


HSK 4 (3.0)

Danh từ

#937

中介

zhōngjiè

môi giới, trung gian

国家大力支持培育专业化技术转移转化中介服务机构，架起高校科研成果与企业产业化落地的金桥。

Guójiā dàlì zhī chí péi yù zhuān yè huà jī shù zhuǎn yí zhuǎn huà zhōngjiè fú wù jī gòu, jià qǐ gāo xiào kē yán chéng guó yǔ qī yè chǎn yè huà luò dì de jīn qiáo.

Nhà nước hỗ trợ mạnh mẽ việc bồi dưỡng các cơ quan dịch vụ môi giới chuyển giao và chuyển hóa kỹ thuật chuyên nghiệp, bắc cây cầu vàng nối liền giữa thành quả nghiên cứu đại học và ứng dụng công nghiệp hóa của doanh nghiệp.

20 nét

HÁN VIỆT: TRUNG GIỚI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#938

种类

zhǒnglèi

chủng loại, các loại, loại hình

随着国家生态屏障保护工程深入推进，长江流域珍稀野生鱼类种类与种群数量实现了历史性恢复增长。

Suí zhe guójiā shēng tài píng zhàng bǎo hù gōng chéng shēn rù tuī jìn, cháng jiāng liú yù zhēn xī yě shēng yú lèi zhǒng lèi yǔ zhǒng qún shù liàng shí xiàn le lì shǐ xìng huī fù zēng zhǎng.

Cùng với việc đi sâu thúc đẩy công trình bảo vệ bức bình phong sinh thái quốc gia, chủng loại các loại và số lượng quần thể cá hoang dã quý hiếm ở lưu vực sông Trường Giang đã thực hiện sự phục hồi tăng trưởng mang tính lịch sử.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỦNG LOẠI

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#939

种植

zhòngzhí

trồng trọt, gieo trồng cây cối

现代农业科技示范园全面推广水肥一体化高效滴灌技术，实现了有机优质蔬菜的大面积规模化种植。

Xiàndài nóng yè kē jì shì fàn yuán quán miàn tuī guǎng shuǐ féi yī tǐ huà gāo xiào dī guǎn jǐ shù, shí xiàn le yǒu jī yōu zhì shù cài de dà miàn jī guī mó huà zhòng zhí.

Khu trình diễn khoa học công nghệ nông nghiệp hiện đại nhân rộng toàn diện công nghệ tưới nhỏ giọt hiệu quả cao tích hợp nước và phân bón, thực hiện việc gieo trồng trồng trọt rau hữu cơ chất lượng cao với quy mô diện rộng.

25 nét

HÁN VIỆT: CHỦNG THỰC

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#940

重量

zhòngliàng

trọng lượng, khối lượng, sức nặng

新型航天超轻高强碳纤维结构材料在保持优异力学刚度的同时，将运载火箭整流罩的重量减轻了近三分之一。

Xīn xíng háng tiān chāo qīng gāo qiáng tàn xiān wéi jié gòu cái liào zài bǎo chí yōu yì lì xué gāng dù de tóng shí, jiāng yùn zài jiàn zhěng zhào de zhòng liàng jiǎn qīng le jìn sān fēn zhī yī.

Loại vật liệu kết cấu sợi carbon siêu nhẹ độ bền cao hàng không thể hệ mới trong khi duy trì độ cứng cơ học xuất sắc đã giảm gần một phần ba trọng lượng của chóp bảo vệ tên lửa đẩy.

20 nét

HÁN VIỆT: TRỌNG LƯỢNG

HSK 4 (3.0)

Phó từ

#941

逐步

zhú bù

từng bước, dần dần, tiệm tiến

随着清洁能源消纳技术的持续突破，以风电光伏为主体的新型电力能源体系正在我国逐步建立健全。

Suí zhe qīng néng xiāo nà jì shù de chí xù pò wǔ, yǐ fēng diàn guāng fú wéi zhǔ tǐ de xīn xíng diàn lì néng yuán tǐ xī zhèng zài wǒ guó zhú bù jiàn lì jiàn quán.

Cùng với những bước đột phá liên tục của công nghệ hấp thụ năng lượng sạch, hệ thống năng lượng điện mới lấy điện gió và quang điện làm chủ đạo đang từng bước được xây dựng hoàn thiện tại nước ta.

24 nét

HÁN VIỆT: TRỰC BỘ

HSK 4 (3.0)

Phó từ

#942

逐渐

zhú jiàn

dần dần, từ từ, từng bước

随着清晨红日缓缓跃出东方的地平线，笼罩在大地山川之上的薄薄晨雾逐渐消散开来。

Suí zhe qīng chén hóng rì huǎn huǎn yuè chū dōng fāng de dì píng xiàn, lóng zhào zài dà dì shān chuān zhī shàng de báo báo chén wù zhú jiàn xiāo sǎn kāi lái.

Cùng với vầng thái dương đỏ rực từ từ nhô lên từ phía đường chân trời đằng đông, lớp sương sớm mỏng manh phủ trên đồi núi và đất mẹ dần dần tan biến đi.

21 nét

HÁN VIỆT: TRỰC TIÊM

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#943

主题

zhǔ tí

chủ đề, tư tưởng chủ đề trọng tâm

在国际合作高峰论坛上，各国与会嘉宾紧扣“共商共建共享、携手构建人类命运共同体”的主题展开了深入富有建设性的研讨。

Zài guó jì hé zuò gāo fēng lùn tán shàng, gè guó yǔ huì jiā bīn jǐn kòu "gòng shāng gòng jiàn gòng yòng tóng tǐ" de zhǔ tí zhǎn kāi le shēn rù fù yǒu jiàn sù de yán tǎo.

Tại Diễn đàn Cấp cao Hợp tác Quốc tế, các vị khách quý tham dự hội nghị của các quốc gia đã bám sát chủ đề trọng tâm "Cùng bàn bạc, cùng xây dựng, cùng thụ hưởng, chung tay xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại" để triển khai các cuộc thảo luận sâu sắc và mang tính xây dựng phong phú.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỦ ĐỀ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#944

主席

zhǔ xǐ

chủ tịch, chủ tọa

国家主席在双边国际峰会上发表了具有深远全球影响力的重要主旨演讲，倡导共同推动普惠包容的经济全球化。

Guójiā zhǔ xǐ zài shuāng biān guó jì fēng huì shàng fā biǎo le jù yǒu shēn yuǎn quán qiú yǐng xiǎng lì de zhòng yào zhǔ zhǐ yǎn jiǎng, chàng dǎo gòng tóng tuī dòng pǔ huì bāo róng de jīng jì quán qiú huà.

Chủ tịch nước tại hội nghị thượng đỉnh quốc tế đa phương đã có bài phát biểu dẫn đề quan trọng mang tầm ảnh hưởng toàn cầu sâu rộng, kêu gọi chung tay thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế bao trùm và phổ quát.

17 nét

HÁN VIỆT: CHỦ TỊCH

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#945

祝福

zhù fú

chúc phúc, cầu chúc; lời chúc

在新春佳节万家团圆之际，海内外中华儿女共同为伟大祖国的繁荣富强送上最真挚美好的祝福。

Zài xīn chūn jiā jié wàn jiā tuán yuán zhī jī, hǎi nèi wài zhōng huá ér nǚ gòng tóng wéi wěi dà zǔ guó de fán róng fù qiáng sòng shàng zuì zhēn zhì měi hǎo de zhù fú.

Trong thời khắc vạn nhà sum vầy dịp Tết cổ truyền, con Lạc cháu Hồng trong và ngoài nước cùng gửi gắm những lời chúc phúc chân thành và tốt đẹp nhất tới sự phồn vinh giàu mạnh của Tổ quốc vĩ đại.

23 nét

HÁN VIỆT: CHÚC PHÚC



HSK 4 (3.0)

Động từ

#946

抓紧

zhuājīn

khẩn trương, tranh thủ, nắm chặt
(thời cơ/tiến độ)

全体科研攻关人员正在抓紧当前黄金攻关窗口期, 争分夺秒开展深海万米载人潜水器的最后全流程实测演练。

Quán tǐ kē yán gōng guān rén yuán yuǎn zhèng zài zhuājīn dāng qián huáng jīn gōng guān chuāng kǒu qī, zhēng fēn duó miǎo kāi zhān shēn hǎi wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì de zuì hòu quán liú chéng shí cè yǎn liǎn.

Toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học đang khẩn trương tranh thủ khoảng thời gian vàng then chốt hiện tại, chạy đua từng phút từng giây triển khai đợt diễn tập đo đạc thực tế toàn quy trình cuối cùng của tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu.

16 nét

HÁN VIỆT

TRẢO KHẨN

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Động từ / Phó từ

#947

专心

zhuānxīn

chuyên tâm, tập trung cao độ

青年学者在开展基础科学探索时, 必须摒弃一切外界浮躁与名利诱惑, 专心致志地深耕核心学术难题。

Qīng nián xué zhě zài kāi zhān jī chǔ kē xué tàn suǒ shí, bì xū bǐng qì yī qiè wài jiè fú zào yǔ míng lì yōu huò, zhuān xīn zhì zhì dì shēn gēng hé xīn xué shù nán tí.

Các học giả trẻ khi triển khai thám hiểm khoa học cơ bản bắt buộc phải gạt bỏ mọi sự nóng vội xốc nổi bên ngoài cùng cảm dỗ danh lợi, chuyên tâm toàn ý bám rễ sâu nghiên cứu các bài toán học thuật cốt lõi.

19 nét

HÁN VIỆT

CHUYÊN TÂM

HSK 4 (3.0)

Động từ

#948

转动

zhuǎndòng

quay, xoay chuyển, chuyển động quay

在大型风力发电场上, 巨大的白色风机叶片在强劲风力吹拂下平稳转动, 源源不断输出清洁绿色电能。

Zài dà xíng fēng lì fā diàn chǎng shàng, jù dà de bái sè fēng jī yè piàn zài qiáng jīng fēng lì chuī fú xià píng wěn zhuǎn dòng, yuǎn yuǎn bù duàn shū chū qīng jié lǜ sè diàn néng.

Trên cánh đồng điện gió quy mô lớn, những cánh quạt tua-bín gió khổng lồ màu trắng xoay chuyển quay êm ả dưới làn gió thổi mạnh mẽ, liên tục không ngừng phát ra nguồn năng lượng điện xanh sạch.

23 nét

HÁN VIỆT

CHUYỂN ĐỘNG

HSK 4 (3.0)

Động từ

#949

转告

zhuǎn gào

chuyển lời, nhắn lại, báo lại

请向全体参建工程技术人员转告指挥部的亲切问候与诚挚感谢, 祝贺大家圆满完成海底隧道全线贯通任务。

Qǐng xiàng quán tǐ cān jiàn gōng chéng jì shù rén yuán zhuǎn gào zhǐ huī bù de qīn qiè wēn hòu yǔ chéng zhì gǎn xiè, zhù hè dà jiā yuán mǎn wán chéng hǎi dǐ suì dào quán xiàn guān tōng rèn wù.

Xin hãy chuyển lời thăm hỏi ân cần và lời cảm ơn chân thành của ban chỉ huy tới toàn thể cán bộ kỹ thuật tham gia xây dựng, chúc mừng mọi người đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thông xe toàn tuyến đường hầm vượt biển.

21 nét

HÁN VIỆT

CHUYỂN CÁO

HSK 4 (3.0)

Động từ

#950

转身

zhuǎnshēn

quay người, xoay người lại

老教授在黑板上工整地写下核心推导公式后, 微笑着转身面向全班同学深入剖析物理原理。

Lǎo jiào shòu zài hēi bǎn shàng gōng zhěng dì xiě xià hé xīn tǐ dào gōng shì hòu, wēi xiào zhe zhuǎn shēn miàn xiàng quán bān tóng xué shēn rù pǒu xī wú lì yuán lǐ.

Vị giáo sư già sau khi viết công thức suy diễn cốt lõi ngay ngắn lên bảng đen đã mỉm cười xoay người quay người lại đối diện với toàn thể học sinh trong lớp để đi sâu phân tích nguyên lý vật lý.

21 nét

HÁN VIỆT

CHUYỂN THÂN

HSK 4 (3.0)

Động từ

#951

转弯

zhuǎnwān

rẽ, rẽ ngoặt, quẹo cua

在城市智能道路交通中, 自动驾驶测试车辆在十字路口遇到红绿灯时能够精准识别并平稳安全转弯。

Zài chéng shì zhì néng dào lù jiāo tōng zhōng, zì dòng jiǎo shì chē liàng zài sù zì lù kǒu yú dào hóng lǜ dēng shí néng gōu jīng zhún shí bié bīng píng wěn ān quán zhuǎn wān.

Trong giao thông đường bộ thông minh đô thị, các xe thử nghiệm tự lái khi gặp đèn tín hiệu giao thông tại ngã tư có thể nhận diện chuẩn xác và rẽ quẹo cua một cách êm ái, an toàn.

17 nét

HÁN VIỆT

CHUYỂN LOAN

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#952

转移

zhuǎn yí

chuyển dịch, di dời (người dân tránh bão); chuyển giao

在特大暴雨山洪暴发前数小时, 基层防汛责任人挨家挨户敲门, 提前果断组织数千名地质灾害隐患点群众安全转移。

Zài tè dà bào yǔ shān hóng bào fā qián shù xiǎo shí, jī céng fáng xùn zé rén rén āi jiā āi hù qiāo mén, tí qián guǒ duàn zǔ zhǐ shù qiān míng dì zhī zāi hǎi yīn huàn diǎn qún zhòng ān quán zhuǎn yí.

Chỉ vài giờ trước khi bùng phát lũ quét mưa bão đặc biệt lớn, những người chịu trách nhiệm phòng chống lũ lụt cơ sở đã gõ cửa từng nhà từng hộ, tổ chức di dời sơ tán chuyển dịch an toàn dứt khoát từ sớm cho hàng ngàn người dân tại các điểm nguy cơ thảm họa địa chất tiềm ẩn.

17 nét

HÁN VIỆT

CHUYỂN DI

HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#953

装修

zhuāngxiū

trang trí nội thất, sửa chữa tân trang nhà

新落成的国家重点实验室全面采用环保低碳无毒装修材料, 为科研人员营造了绿色健康的实验环境。

Xīn luò chéng de guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì quán miàn cǎi yòng huán bǎo dī tàn wú dú zhuāng xiū cái liào, wéi kē yán rén yǎng zào le lǜ sè jiàn kāng de shí yàn huán jīng.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia mới khánh thành áp dụng toàn diện vật liệu tân trang trang trí nội thất không độc hại ít phát thải carbon thân thiện môi trường, tạo dựng môi trường thực nghiệm lành mạnh xanh cho các cán bộ nghiên cứu.

23 nét

HÁN VIỆT

TRANG TU

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Động từ

#954

装置

zhuāngzhì

thiết bị, trang thiết bị cơ cấu; lắp đặt

我国完全自主设计建造的大科学装置全面投入常态化运行, 为探索物质微观深层结构提供了国之重器。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ shè jì jiàn zào de dà kē xué zhuāng zhì quán miàn tóu rù cháng tài tài huà yùn xíng, wéi tàn suǒ wù zhì wēi guān shēn céng jié gòu tí gōng le guó zhī zhòng qì.

Cơ sở hạ tầng thiết bị khoa học lớn do nước ta hoàn toàn tự chủ thiết kế xây dựng đã đi vào vận hành thường xuyên toàn diện, mang lại đại khí quốc gia cho việc thám hiểm cấu trúc sâu tầng vi mô của vật chất.

24 nét

HÁN VIỆT

TRANG TRÍ



HSK 4 (3.0)

Động từ / Danh từ

#955

追求

zhuī qiú

theo đuổi, mưu cầu, theo đuổi lý tưởng

勇攀科学高峰，追求卓越真理，是每一位科技工作者在科技强国征程上应当坚守的崇高学术初心。

Yǒng pān kē xué gāo fēng, zhuī qiú zhuó yuè zhēn lǐ, shì měi yī wèi kē jì gōng zuò zhě zài kē jì qiáng guó zhēng chéng shàng yīng dāng jiān shǒu de chóng gāo xué shù chū xīn.

Dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học, theo đuổi chân lý xuất chúng là tâm niệm học thuật cao cả ban đầu mà mỗi người làm khoa học công nghệ cần giữ vững trên hành trình xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀI CẦU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#956

准时

zhǔn shí

đúng giờ, đúng hẹn

乘坐准点率极高的高速复兴号动车组，列车分秒不差、极其准时地平稳驶入了北京南站站台。

Chéng zuò zhǔn diǎn lǜ jí gāo de gāo sù fù xīng hào dòng chē zǔ, liè chē fēn miǎo bù chà, jí qí zhǔn shí de píng wěn shǐ rù le bēi jīng nán zhàn zhàn tái.

Đi đoàn tàu cao tốc Fuxing với độ đúng giờ siêu cao, đoàn tàu không sai lệch một giây một phút nào, cực kỳ đúng giờ và êm ái tiến vào sân ga Ga Nam Bắc Kinh.

26 nét

HÁN VIỆT: CHUẨN THỜI

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#957

资料

zī liào

tư liệu, tài liệu, dữ liệu

历史学者历经数十年搜集整理了海量珍贵的口述历史档案与第一手文献资料，出版了这部里程碑式的学术巨著。

Lì shǐ xué zhě lì jīng shù shí nián sōu jí zhěng lǐ le hǎi liàng zhēn guì de kǒu shù lì shǐ dǎng àn yǔ dì yī shǒu wén xiàn zī liào, chū bǎn le zhè bù lì chéng bēi shì de xué shù jù zhù.

Các học giả lịch sử đã trải qua hàng chục năm dày công sưu tầm và chỉnh lý nguồn tài liệu hồ sơ lịch sử truyền miệng vô giá khổng lồ cùng tư liệu thư tịch gốc ban đầu, xuất bản nên bộ đại kiệt tác học thuật mang tính bước ngoặt này.

22 nét

HÁN VIỆT: TƯ LIỆU

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#958

资源

zī yuán

tài nguyên, nguồn lực

坚定不移走绿色低碳循环发展道路，全面提高水、土地、能源以及矿产等各类自然资源的集约节约利用效率。

Jiān dīng bù yí zǒu lǜ sè dī tàn xūn huán fā zhǎn dào lù, quán miàn tí gāo shuǐ, tǔ dì, néng yuán yǐ jí kuàng chǎn děng gè lèi zì rán zī yuán de jí yuē jié yuē lì yòng xiào lǜ.

Kiên định bước đi trên con đường phát triển tuần hoàn xanh giảm phát thải, nâng cao toàn diện hiệu quả sử dụng tiết kiệm tập trung đối với mọi loại tài nguyên tự nhiên như nước, đất đai, năng lượng và khoáng sản.

21 nét

HÁN VIỆT: TƯ NGUYÊN

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#959

字母

zì mǔ

chữ cái, mẫu tự trong bảng chữ cái

汉语拼音方案采用国际通用的拉丁字母，为全国推广国家通用普通话以及中文信息化处理提供了科学规范标准。

Hàn yǔ pīn yīn fāng àn cǎi yòng guó jì tōng yòng de lā dīng zì mǔ, wèi quán guó tuī guǎng guó jiā tōng yòng pǔ tōng huà yǐ jí zhōng wén xīn xī shù zì huà chǔ lǐ tí gòng le kē xué guī fàn biāo zhǔn.

Phương án Pinyin Chữ Hán áp dụng các chữ cái mẫu tự Latinh thông dụng quốc tế, mang lại tiêu chuẩn quy chuẩn khoa học cho việc phổ cập tiếng Phổ thông chuẩn quốc gia trên toàn quốc cũng như xử lý số hóa thông tin chữ Hán.

22 nét

HÁN VIỆT: TỰ MẪU

HSK 4 (3.0)

Giới từ / Đại từ

#960

自

zì

từ, kể từ; bản thân, tự mình

自新时代科技体制改革全面深化以来，我国战略前沿科技创新活力得到空前释放，创新成果竞相涌现。

Zì xīn shí dài kē jì tǐ zhì gǎi gé quán miàn shēn huà yǐ lái, wǒ guó zhàn lüè qián yán kē jì chuàng xīn huó lì dé dào kōng qián shì fàng, chuàng xīn chéng guǒ jìng xiāng yòng xiàn.

Kể từ từ khi cuộc cải cách thể chế khoa học công nghệ thời đại mới được đi sâu toàn diện đến nay, sức sống đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ tiên phong chiến lược của nước ta đã được giải phóng chưa từng có, các thành quả đổi mới sáng tạo đua nhau xuất hiện.

9 nét

HÁN VIỆT: TỰ

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#961

自信

zì xìn

tự tin, sự tự tin

坚定中国特色社会主义道路自信、理论自信、制度自信、文化自信，是中华民族迈向伟大复兴的强大精神力量。

Jiān dīng zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì dào lù zì xìn, lǐ lùn zì xìn, zhì dù zì xìn, wén huà zì xìn, shì zhōng huá mín zú mài xiàng wèi dà fù xīng de qiáng dà jīng shén lì liàng.

Kiên định tự tin về con đường, tự tin về lý luận, tự tin về thể chế, tự tin về văn hóa của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc là sức mạnh tinh thần hùng hậu để dân tộc ta vững bước tiến tới phục hưng vĩ đại.

19 nét

HÁN VIỆT: TỰ TIN

HSK 4 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#962

综合

zōng hé

tổng hợp, toàn diện; tổng hợp hóa

国家综合性立体交通网规划纲要明确提出，构建便捷顺畅、经济高效、绿色集约、智能先进的现代化综合立体交通体系。

Guó jiā zōng hé xīng lì tǐ jiāo tōng wǎng guī huà yào míng què tí chū, gòu jiàn biàn shùn chāng, jīng jì gāo xiào, lǜ sè jí yuē, zhì néng xiān jìn de xiān dài huà zōng hé lì tǐ jiāo tōng tǐ xì.

Để cương Quy hoạch Mạng lưới Giao thông Lập thể Tổng hợp Quốc gia đã nêu rõ việc xây dựng hệ thống giao thông lập thể tổng hợp hiện đại thuận tiện thông suốt, kinh tế hiệu quả cao, xanh tập trung và thông minh tiên tiến.

17 nét

HÁN VIỆT: TỔNG CẤP

HSK 4 (3.0)

Phó từ

#963

总共

zǒng gòng

tổng cộng, tất cả gồm có

本届全球数字经济博览会总共吸引了来自全球七十多个国家和地区的千余家行业领军企业同台参展。

Běn jiè quán qíu shù zì jīng jì bó lǎn huì zǒng gòng xī yīn le lái zì quán qiú qī shí duō gè guó jiā hé dì qū de qiān yú jiā háng yè lǐng jūn qǐ yè tóng tái cān zhǎn.

Hội chợ Kinh tế Số Toàn cầu lần này tổng cộng đã thu hút hơn 1.000 doanh nghiệp đầu ngành đến từ hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới cùng nhau tham gia trưng bày triển lãm.

21 nét

HÁN VIỆT: TỔNG CỘNG



HSK 4 (3.0)

Danh từ

#964

总理

zǒng lǐ

Thủ tướng, Thủ tướng Chính phủ

国务院总理在全国人民代表大会上代表中央人民政府作《政府工作报告》，全面回顾与部署国家经济社会发展任务。

Guó wù yuán zǒng lǐ zài quán guó rén mín dài biǎo dà huì shàng dài biǎo zhōng yāng zhèng fǔ zuò 《zhèng fǔ gōng zuò bào gào》, quán miàn huí gù yǔ bù zhǔ guó jiā jīng jì sù zhǎn rěn wú.

Thủ tướng Quốc vụ viện (Thủ tướng Chính phủ) đại diện cho Chính phủ Nhân dân Trung ương trình bày 'Báo cáo Công tác Chính phủ' tại Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội), tổng kết toàn diện và triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TỔNG LÝ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#965

总统

zǒng tǒng

Tổng thống (nguyên thủ quốc gia)

受邀来华进行国事访问的外国总统对中国在绿色低碳与高速铁路建设领域取得的瞩目成就给予了高度评价。

Shòu yāo lái huá jìn xíng guó shì fǎng wèn de wài guó zǒng tǒng duì zhōng guó zài lǜ sè dī tàn yǔ gāo sù tiě lù jiàn shè lǐng yù qǔ dé de zhǔ mù chéng jiù jǐ yǔ gāo dù píng jià.

Vị Tổng thống nước ngoài nhận lời mời sang thăm cấp Nhà nước tới Trung Quốc đã dành sự đánh giá rất cao cho những thành tựu rực rỡ lĩnh danh mà Trung Quốc đạt được trong lĩnh vực phát triển xanh giảm phát thải và xây dựng đường sắt cao tốc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TỔNG THỐNG

HSK 4 (3.0)

Liên từ

#966

总之

zǒng zhī

tóm lại, nói tóm lại, tựu trung lại

总之，唯有坚持科技自立自强与高水平对外开放协同推进，才能在全球科技与产业变革大潮中赢得战略主动。

Zǒng zhī, wéi yǒu jiān chí kē jì zì lì zì qiáng yǔ gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng xié tóng tuī jìn, cái néng zài quán qiú kē jì yǔ chǎn yè biàn gé dà cháo zhōng yíng dé zhàn lüè zhǔ dòng.

Nói tóm lại, chỉ có kiên trì thúc đẩy đồng bộ giữa tự chủ tự cường khoa học công nghệ cùng mở cửa đối ngoại ở trình độ cao mới có thể giành thế chủ động chiến lược giữa làn sóng chuyển đổi công nghiệp và khoa học công nghệ toàn cầu.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỔNG CHI

HSK 4 (3.0)

Động từ

#967

阻止

zǔ zhǐ

ngăn cản, ngăn chặn, cản trở

任何外来的科技围堵与单边霸凌，都绝不可能阻止中国人民追求美好生活与推进中国式现代化的坚定步伐。

Rèn hé wài lái de kē jì wéi dǔ yǔ dān biān bà líng, dōu jué bù kě néng zǔ zhǐ zhōng guó rén mín zhuī qiú měi hǎo shēng huó yǔ tuī jìn zhōng guó shì xiàn dài huà de jiǎn dìng bù fá.

Bất kỳ sự bao vây kim kẹp công nghệ và chèn ép đơn phương nào từ bên ngoài cũng tuyệt đối không thể ngăn chặn được bước chân kiên định của nhân dân ta trên con đường mưu cầu cuộc sống tươi đẹp và đầy mạnh hiện đại hóa đất nước.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TRỞ CHỈ

HSK 4 (3.0)

Danh từ

#968

嘴巴

zuǐ ba

miệng, mồm, cái miệng

在化学高精度微量分析实验操作中，实验员必须严格规范操作，严禁用嘴巴直接吹吸任何移液试管。

Zài huà xué gāo jīng dù wēi liàng fēn xī shí yàn cāo zuò zhōng, shí yàn yuán bì xū yán gé guī fàn cāo zuò, yán jìn yòng zuǐ ba zhí jiē chuī xī rēn hé yí yè shì guǎn.

Trong thao tác thực nghiệm phân tích vi lượng độ chính xác cao môn hóa học, thí nghiệm viên bắt buộc phải thao tác chuẩn hóa nghiêm ngặt, nghiêm cấm dùng mồm miệng trực tiếp thổi hút bất kỳ ống nghiệm pipet nào.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CHUỖ BA

HSK 4 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#969

最初

zuì chū

ban đầu, khởi đầu, thoạt đầu

不忘初心，方得始终；无论走得有多远，我们都要始终牢记当初立志科研报国时的最初崇高梦想。

Bù wàng chū xīn, fāng dé shǐ zhōng; wú lùn zǒu dé duō yuǎn, wǒ men dōu yào shǐ zhōng láo jì dāng chū lì zhì kē yán bào guó shí de zuì chū chóng gāo mèng xiǎng.

Không quên tâm niệm ban đầu mới có thể đi tới thành công sau cùng; đầu có đi xa đến đâu, chúng ta đều phải luôn khắc ghi giấc mơ cao cả thuở ban đầu khi hạ quyết tâm dẫn thân cống hiến cho đất nước bằng khoa học.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TỐI SƠ

HSK 4 (3.0)

Động từ

#970

作出

zuò chū

đưa ra (quyết định), lập nên (cống hiến/đóng góp)

广大功勋科学家为了国家科技自立自强与国防安全，作出了彪炳史册、永放光芒的重大历史性贡献。

Guǎng dà gōng xūn kē xué jiā wèi le guó jiā kē jì zì lì zì qiáng yǔ guó fáng ān quán, zuò chū le biǎo bǐng shǐ cè, yǒng fàng guāng máng de zhòng dà lì shǐ xīng gòng xiàn.

Đồng đạo các nhà khoa học có công lao vì sự an toàn quốc phòng và tự chủ tự cường khoa học công nghệ của đất nước, đã lập nên đưa ra những cống hiến mang tính lịch sử trọng đại sáng ngời muôn thuở, lưu danh sử sách.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TÁC XUẤT

HSK 4 (3.0)

Giới từ / Động từ / Danh từ

#971

作为

zuò wéi

với tư cách là, với vai trò là; hành vi, đóng góp

作为新时代的青年科技工作者，我们要勇担时代重任，把个人的科学理想自觉融入国家科技强国建设的伟大实践中。

Zuò wéi xīn shí dài de qīng nián kē jì gōng zuò zhě, wǒ men yào yǒng dān shí dài zhòng rèn, bǎ gè rén de kē xué lǐ xiǎng zì jué róng rù guó jiā kē jì qiáng guó jiàn shè de wéi dà shí jiàn zhōng.

Với tư cách là những cán bộ khoa học công nghệ trẻ thời đại mới, chúng ta cần dũng cảm gánh vác sứ mệnh thời đại, tự giác hòa quyện lý tưởng khoa học của riêng mình vào thực tiễn vĩ đại xây dựng cường quốc khoa học công nghệ đất nước.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TÁC VI

HSK 4 (3.0)

Động từ

#972

做梦

zuò mèng

nằm mơ, nằm mộng, mơ tưởng

老一辈科学家曾感慨地说：“我们当年做梦都想研制出完全属于我们自己的大飞机，今天终于梦想成真了！”

Lǎo yī bèi kē xué jiā céng gǎn kǎi dì shuō: "wǒ men dāng nián zuò mèng dōu xiǎng yán zhì chū wán quán shǔ yú wǒ men zì jǐ de dà fēi jī, jīn tiān zhōng yú mèng xiǎng chéng zhēn le!"

Các nhà khoa học tiền bối từng bồi hồi xúc động nói rằng: "Năm xưa chúng tôi nằm mơ nằm mộng cũng đều mong muốn nghiên cứu chế tạo ra chiếc máy bay cỡ lớn hoàn toàn thuộc về chính chúng ta, ngày hôm nay cuối cùng ước mơ đã thành hiện thực rồi!"

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TỔ MỘNG

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thế hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 – 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7–9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

